Bidding\_SRS

TDX HRMS

Exported on 2024-08-16 13:42:07

Table of Contents

1 Common systems 3

1.1 Common business rule 3

1.2 Hành vi chung của hệ thống 41

1.2.1 1. Danh sách hành động - Thanh Nav Bar 41

1.2.2 2. Log in/out screen 45

1.2.3 3. Tính năng tìm kiếm 50

1.2.4 Danh sách thông báo 55

1.2.5 Danh sách việc cần làm (To-do-list) 55

1.2.6 Import/ export file 59

2 Detail requirement\_SRS 60

2.1 1. Opportunity Listing (Ops list) 60

2.1.1 1.1 Xem danh sách Ops 60

2.1.2 1.2. Tìm kiếm và lọc thông tin Ops 65

2.2 2. CRUD Ops 68

2.2.1 2.1. Tạo mới Ops 68

2.2.2 2.2. Chỉnh sửa thông tin của Ops 77

2.2.3 2.3 Xem chi tiết Ops 101

2.2.4 2.4 Xoá Op 106

2.3 3. Upload/download/Delete File 111

2.3.1 Requirement Detail 112

2.4 4. Approve/Reject document tại stage Reviewing 114

2.4.1 Requirement Detail 114

2.5 5. CRUD Event tại FAQ 118

2.5.1 5.1. Tạo mới Event 118

2.5.2 5.2. Edit Event 122

2.5.3 5.3. View Event 128

2.5.4 5.4. Xoá Event 133

2.6 6. Tạo mới/Xem comment/Tracking history 136

2.6.1 6.1. Thêm comment 136

2.6.2 6.2. Xem Comment 139

2.6.3 6.3. Tracking history 141

2.7 7. Permission matrix 144

3 High level requirement 155

3.1 1. Feature list 155

3.2 2. Stage transaction diagram 159

3.3 3. Workflow diagram/ BPMN/ Use flow 159

4 Non functional requirement 162

# Common systems

* Email
* Noti
* Message

## Common business rule

|  |  |
| --- | --- |
| Target Sprint | Sprint.. |
| Module | Bidding Management System (BMS) |
| Jira Ticket | [Task DCEN-121](https://pms.cmcglobal.com.vn/browse/DCEN-121?src=confmacro) - SRS\_Tạo common business rule **done** |
| Document Status | **ready for dev** |
| Document Owner | [Hanh. Nguy Thi My - CMC Global DU1.16](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~ntmhanh2) |
| Reviewer | [Tuan. Dong Anh - CMC Global TDX](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~datuan9) |
| Approver | [Tuan. Dong Anh - CMC Global TDX](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~datuan9) |

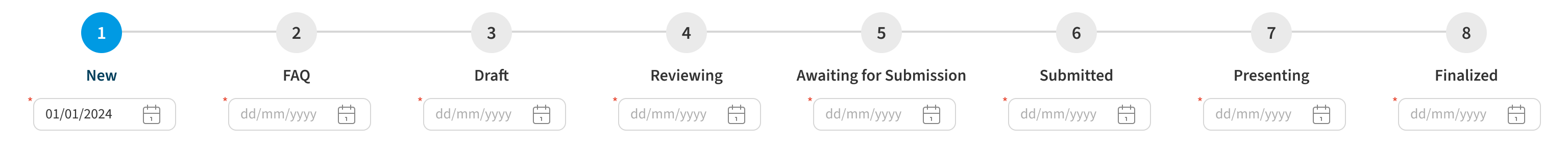
|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Version | Date | Log change | Athor | Note | Jira Ticket |
| 0.1 | 09 May 2024 | Tạo tài liệu | [Hanh. Nguy Thi My - CMC Global DU1.16](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~ntmhanh2) |  | [Task DCEN-121](https://pms.cmcglobal.com.vn/browse/DCEN-121?src=confmacro) - SRS\_Tạo common business rule **done** |

**Lưu ý:**

* Sử dụng bộ Ant design system
* Đây là những quy tắc được mô tả để áp dụng trong trường hợp các trường trên màn hình không có quy tắc riêng. Nếu các trường thông tin trên từng màn hình có nghiệp vụ riêng, BA sẽ định nghĩa trong từng màn hình/ chức năng tương ứng.

Quy tắc trường dữ liệu chung

* Khi thay đổi trường "status" thì các stage ở quy trình sẽ thay được update thay đổi và ngược lại.



Control type

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **#** | **Control type** | **Description** |
| 1.1.1 | Textbox | * Khi NGƯỜI DÙNG hover chuột vào textbox sẽ xuất hiện tooltip hiển thị đầy đủ nội dung trong textbox đó (Với phần nội dung có thể bị ẩn do chiều rộng của textbox không đủ để hiển thị full thông tin) * Cho phép copy thông tin trong textbox (Ở cả 2 trạng thái (Cho phé và Không cho phép) (enable và disable) * Số ký tự cho phép hiển thị tối đa phụ thuộc vào design * Cho phép nhập tối đa 250 ký tự, áp dụng với tất cả các text box trong hệ thống. Những text box với nghiệp vụ đặc biệt sẽ được BA mô tả riêng tại textbox tương ứng * Cho phép mọi loại ký tự (bao gồm cả ký tự đặc biệt và ký tự ngôn ngữ khác) |
| 1.1.2 | Single Choice Dropdown List | **Trạng thái chỉnh sửa:**   * Chỉ cho phép chọn 1 giá trị. * Tự động highlight giá trị lựa chọn khi di chuyển chuột trong danh sách giá trị. * Nếu chỉ có 1 bản ghi thì bản ghi được tự động lựa chọn và hiển thị. * Hiển thị 7 bản ghi, nếu lớn hơn 7 bản ghi thì hiển thị scroll bar cho phép Người dùng kéo lên/ xuống. * Nếu không được mô tả riêng biệt từng trường dữ liệu, thì mặc định danh sách giá trị sẽ được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái. * Khi 1 giá trị được lựa chọn và hiển thị dài hơn chiều dài của ô trường dữ liệu sẽ hiển thị “...” với những dữ liệu chưa được hiển thị * Nếu danh sách giá trị > 10 bản ghi thì người dùng có thể gõ text để lọc (instant search) các giá trị lựa chọn trùng với text điền vào. * Nếu danh sách giá trị <10 bản ghi thì hiển thị danh sách giá trị cho người dùng lựa chọn. * Hiển thị “Chọn giá trị” ở vị trí đầu tiên trong danh sách lựa chọn. Nếu như lựa chọn giá trị “Chọn giá trị” thì có nghĩa trường đó sẽ trống. * Thay thế behaviour này bằng thêm nút "X", khi bấm bỏ chọn giá trị đang chọn. Nếu như người dùng không lựa chọn giá trị, trường đó sẽ để trống * Quy tắc tìm kiếm cụ thể với từng nghiệp vụ sẽ được BA mô tả chi tiết trong các màn hình/chức năng. * **Trạng thái hiển thị:** * Hiển giá trị được chọn trong textbox * Giá trị sẽ không có icon "x" để xóa bên cạnh * Nếu các giá trị hiển thị dài hơn chiều dài của ô trường dữ liệu sẽ xuống dòng. Khi đó sẽ hiển thị scroll bar để NGƯỜI DÙNG kéo lên/xuống trong textbox để xem hết các giá trị |
| 1.1.3 | Multiple Choice Dropdown List | * **Trạng thái chỉnh sửa của Multiple choice dropdown list:** * Cho phép Người dùng lựa chọn nhiều giá trị từ danh sách lựa chọn. * Nếu chỉ có 1 bản ghi thì bản ghi được tự động lựa chọn và hiển thị. * Hiển thị 7 bản ghi, nếu lớn hơn 7 bản ghi thì hiển thị scroll bar cho phép Người dùng kéo lên/ xuống. * Tự động highlight giá trị lựa chọn khi di chuyển chuột trong danh sách giá trị. * Nếu không được mô tả riêng biệt từng trường dữ liệu, thì mặc định danh sách giá trị sẽ được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái. * Mỗi giá trị được lựa chọn sẽ hiển thị lên textbox và hiển thị dấu tích xanh ở mỗi giá trị được chọn. * Khi 1 giá trị được lựa chọn và hiển thị dài hơn chiều dài của ô trường dữ liệu sẽ xuống dòng. Khi đó sẽ hiển thị scroll bar để NGƯỜI DÙNG kéo lên/xuống trong textbox để xem hết các giá trị * Nếu danh sách giá trị > 10 bản ghi, chỉ hiển thị 10 bản ghi nhưng cho phép người dùng kéo lên/xuống để xem tất cả giá trị, cho phép người dùng có thể gõ text để lọc (instant search) các giá trị lựa chọn trùng với text điền vào, giá trị hiển thị sẽ map với từng chữ được input. * Nếu danh sách giá trị <10 bản ghi thì hiển thị danh sách giá trị cho người dùng lựa chọn, cho phép người dùng có thể gõ text để lọc (instant search) các giá trị lựa chọn trùng với text điền vào, giá trị hiển thị sẽ map với từng chữ được input. * **Trạng thái hiển thị của Multiple choice dropdown list:** * Hiển thị các giá trị được chọn trong textbox * Các giá trị sẽ không có icon "x" để xóa bên cạnh * Nếu các giá trị hiển thị dài hơn chiều dài của ô trường dữ liệu sẽ xuống dòng. Khi đó sẽ hiển thị scroll bar để NGƯỜI DÙNG kéo lên/xuống trong textbox để xem hết các giá trị * Các giá trị trong textbox sẽ ngăn cách nhau bởi dấu chấm phẩy “;” |
| 1.1.4 | Single/Multiple choice Dropdown with Fill In | * Giống như [Single Choice Dropdown List] hoặc [Multiple Choice Dropdown List], nhưng khi Người dùng không tìm được giá trị trùng với text đã điền. Người dùng có thể điền một giá trị mới vào ô. * Giá trị mới sẽ được gán vào một giá trị “Other” của droplist tương ứng trong DB.  Giá trị mới này chỉ được sử dụng cho bản ghi hiện tại. |
| 1.1.5 | Multiple/Single Choice Dropdown List  Instant search  Input text | * Cho phép người dùng chọn giá trị trong danh sách  hoặc thêm mới 1 giá trị vào danh sách * Tuân theo quy tắc chung đã được quy định cho trường dữ liệu kiểu "Single Choice Dropdown List" * Cho phép nhập mọi loại ký tự để tìm kiếm và hiển thị ra danh sách dropdown chứa các ký tự được nhập. * Danh sách giá trị sắp xếp theo bảng chữ cái  alphabet. * Danh sách giá trị ban đầu được quy định tại từng trường thông tin cụ thể * Nếu người dùng tìm kiếm trong danh sách nhưng không có giá trị thì: * ~~Hiển thị line text với nội dung sau dưới trường thông tin tương ứng: "Tạo mới tên <giá trị mà người dùng điền>~~" * Ví dụ : Sau khi người dùng out focus ra khỏi text box thì hiển thị giá trị mà người dùng điền * Hệ thống lưu lại giá trị mà người dùng điền trong Danh sách giá trị tương ứng |
| 1.1.6 | Checkbox | Cho phép Người dùng chọn/ bỏ chọn 1 giá trị. |
| 1.1.7 | Radio Button | Chỉ cho phép Người dùng lựa chọn 1 giá trị duy nhất. |
| 1.1.8 | Numeric | * Chỉ cho phép nhập giá trị là số. * Các trường như số lượng, số tiền, khi hiển thị sẽ sử dụng dấu "," để phân cách hàng nghìn, đơn vị. Ví dụ: 1,000,000,000 * Khi NGƯỜI DÙNG focus vào để chỉnh sửa thì không hiển thị dấu "," nữa * Đối với trường hợp số thập phân (các ngoại tệ khác), ngăn cách phần nguyên và phần thập phân bằng dấu "." và làm tròn đến 2 chữ số sau dấu phảy theo quy tắc (đối các module có rule hiển thị khác cần mô tả chi tiết trong từng module): * Nếu chữ số thập phân thứ 3 sau dấu chấm >=5, làm tròn lên 1 đơn vị (VD: 1,000,000.234 → 1,000,000.23) * Nếu chữ số thập phân thứ 3 sau dấu chấm <5, làm tròn xuống 1 đơn vị (VD: 1,000,000.236 → 1,000,000.24) |
| 1.1.9 | Hyperlink | Khi click vào hyperlink sẽ mở 1 tab mới trên browser hiện tại. |
| 1.1.10 | Kích thước file tài liệu | * Khi hiển thị kích thước file tài liệu sẽ hiển thị: <<X>>KB. * <<X>> là kích thước của file tài liệu. |
| 1.1.11 | Place holder | * Nếu trong yêu cầu chi tiết tại các module không mô tả, Place holder sẽ theo nguyên tắc chung dưới đây: * Khi trường thông tin được enable, hiển thị Place holder theo nguyên tắc sau: * Trường input text: Hiển thị: "Nhập" + Tên trường * Trường dropdown:  Hiển thị: "Chọn" + Tên trường * Trường Date Time Picker: * Date: hiển thị DD/MM/YYYY * Date Time: hiển thị DD/MM/YYYY hh:mm * Khi trường thông tin bị disable, không hiển thị Place holder. |
| 1.1.12 | Lưu trường dữ liệu | Khi thực hiện Validate bất cứ trường thông tin nào, hệ thống sẽ thực hiện xóa các khoảng dấu cách ở (clear space) đầu cuối chuỗi ký tự tại trường thông tin đó trước khi validate dữ liệu. |
| 1.1.13 | File Uploader | * Cho phép người dùng kéo thả/chọn file tài liệu đính kèm * Định dạng file cho phép: word, pdf, image, excel, zip, rar, ppt, msg * Tài liệu tải lên thành công sẽ tự động lưu vào trong CSDL * Thông báo lỗi khi upload * Nếu người dùng upload file quá dung lượng 50MB (BA sẽ định nghĩa trong từng trường hợp cụ thể), hiển thị thông báo đỏ dưới File Uploader: “File quá dung lượng cho phép” trên màn hình * Nếu người dùng upload file không đúng định dạng, hiển thị thông báo đỏ dưới File Uploader: “File không đúng định dạng cho phép: word, pdf, image, excel, zip, rar, ppt, msg" * Place holder: Kéo tài liệu vào đây   Người dùng có quyền chỉnh sửa thì sẽ có quyền upload file, tham khảo tại Matrix role  \*Lưu ý: Đối với trường hợp người dùng import danh sách nhân viên lên hệ thống EC, BA sẽ mô tả cụ thể trong [5.3 Import nhân viên v0.1](https://wiki.cmcglobal.com.vn/pages/viewpage.action?pageId=90574497) |

Quy tắc bảng dữ liệu

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **#** | **Control type** | **Description** |
| 1.2.1 | Bảng danh sách | * Khi NGƯỜI DÙNG đưa chuột vào 1 bản ghi, hệ thống highlight bản ghi đó. Xem chi tiết tại bản design UI/UX * Giá trị của cột thông tin đầu tiên trong bảng (Thường là cột hiển thị trường thông tin độc nhất cho bản ghi đó. Ví dụ: Pipeline,...) sẽ hiển thị dạng Hyperlink. Khi NGƯỜI DÙNG scroll ngang, nếu là cột đầu tiên, hệ thống sẽ cố định cột đầu tiên, nếu là cột thứ 2, hệ thống sẽ cố định cột đầu tiên và cột thứ 2 của bảng dữ liệu. * Khi NGƯỜI DÙNG click vào hyperlink sẽ mở màn hình chi tiết bản ghi tương ứng trên chính browser tab đó (Không mở 1 browser tab mới), hyperlink tại vị trí nào sẽ được BA quy định trong từng màn hình chi tiết * Người dùng có thể click vào một dòng dữ liệu bất kỳ trong bảng để mở màn hình chi tiết bản ghi tương ứng. |
| 1.2.2 | Bảng danh sách có edit inline | * Khi vừa vào màn hình có Bảng edit inline sẽ luôn mặc định hiển thị 1 dòng trống: * Khi tab xuống dòng thì focus vào line mới thay cho click +Thêm mới dòng; * Nếu dòng trống không có data thì khi lưu sumit/save as không cần validate dòng đó. (tham chiếu đến 1.1.12) * Khi click icon "Xóa dòng" (khi thực hiện xóa mà chưa trigger thay đổi DB): * Trường hợp thông tin bảng là bắt buộc: Hệ thống sẽ check đây có phải là dòng duy nhất không: * Nếu không → Xóa cả dòng đó khỏi bảng * Nếu có → Chỉ xóa nội dung trong dòng đó * Trường hợp thông tin bảng là không bắt buộc: cho phép xóa tất cả các dòng * Trường hợp xóa dòng duy nhất ở trang mới → Sau khi xóa sẽ nhảy về trang trước đó (VD: Đang ở trang 4 và trang 4 chỉ chứa 1 dòng → Click icon "Xóa" trên dòng đó → Xóa dòng và back về hiển thị trang 3) * Hệ thống hỗ trợ bảng danh sách có edit indòng với các Control type sau: (Các ràng buộc cho từng Control Type tuân theo như mô tả ở phần **1. Quy tắc trường dữ liệu chung)** * Text input * Instant Search Single Choice Dropdown List * Instant Search Multiple Choice Dropdown List * Calendar Picker * File Uploader * Ở dạng edit: Hiển thị textbox bên trong cell được edit với Control Type tương ứng * Textbox ở trạng thái focus: Hiển thị viền xanh * Textbox ở trạng thái focus và có suggest message: Hiển thị viền xanh và suggest message trong tooltip nền xanh bên dưới textbox * Độ rộng của tooltip sẽ bằng độ rộng của textbox tương ứng * Message dài vượt quá độ rộng sẽ xuống dòng * Textbox ở trạng thái lỗi: Hiển thị viền đỏ và error message trong tooltip nền đỏ bên dưới textbox * Độ rộng của tooltip sẽ bằng độ rộng của textbox tương ứng * Message dài vượt quá độ rộng sẽ xuống dòng * Mô tả hành vi: * Để chỉnh sửa nội dung, người dùng click vào icon "edit" của cell tương ứng → Hiển thị cell đó ở dạng edit, fill sẵn giá trị người dùng đã nhập trước đó (nếu có) vào textbox * Người dùng có thể click vào các cell tương ứng hoặc nhấn phím "Tab" để chuyển cell edit, thứ tự nhảy cell là: từ trái sang phải từ trên xuống dưới * Khi người dùng out focus 1 cell (VD: Nhấn phím "Tab" hoặc click ra ngoài màn hình), hệ thống validate nội dung NGƯỜI DÙNG vừa nhập cho cell tương ứng (nếu cần) * Nếu vi phạm quy tắc validation → Hệ thống sẽ hiển thị textbox ở trạng thái lỗi. * Nếu không vi phạm quy tắc validation → Hệ thống sẽ lưu lại dữ liệu vừa nhập (Lưu ý: Riêng với Control Type = "File Uploader", sau khi upload tài liệu thành công sẽ fill tên của tài liệu vào cell tương ứng và có thêm icon bên cạnh. Khi click icon này sẽ xóa tài liệu tương ứng), sau đó: * Out focus textbox, chuyển về dạng view (Nếu NGƯỜI DÙNG click ra ngoài màn hình) * Chuyển cell edit (Nếu NGƯỜI DÙNG nhấn phím "Tab") * Khi NGƯỜI DÙNG chưa ấn submit: * Tạm thời chấp nhận data ở các dòng cũ sẽ không báo lỗi * Hệ thống sẽ validate lại data ở các dòng thêm mới theo data tổng vừa được thay đổi, thông báo lỗi như mô tả phía trên. * Khi END NGƯỜI DÙNG nhấn Submit: * Hệ thống validate lại toàn bộ data |
| 1.2.3 | Màn hình danh sách | Tất cả màn hình dánh sách:  Thao tác: Khi tìm kiếm theo 1 điều kiện nào đó khi back lại:   * Hiển thị màn hình có điều kiện tìm kiếm trước đó. * Có button Reset (secondary button)- khi tìm kiếm nâng cao, khi click vào cho phép xóa bỏ toàn bộ filter trước đó. |

Quy tắc trường dữ liệu ngày tháng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **#** | **Control type** | **Description** |
| 1.3.1 | Date | Định dạng hiển thị: DD/MM/YYYY  Với những nghiệp vụ đặc biệt, BA sẽ mô tả cụ thể trong màn hình/chức năng tương ứng. |
| 1.3.2 | Date Time | * Định dạng hiển thị: DD/MM/YYYY hh:mm * Định dạng thời gian: 24 giờ. |
| 1.3.3 | Calendar Picker | * Người dùng click vào trường dữ liệu Date thì sẽ hiển thị Calendar Picker bên dưới, đồng thời hiển thị con trỏ chuột icon cho phép người dùng select ngày/tháng/năm * Ngày được lựa chọn sẽ hiển thị trong ô dữ liệu. * Trường hợp chọn [Ngày từ] - [Ngày đến]: * Mặc định ngày hiện tại được chọn cho cả giá trị [Ngày từ] và [Ngày đến] * Ngày được lựa chọn sẽ hiển thị trong ô dữ liệu. * Khi đã chọn giá trị [Ngày từ], hệ thống sẽ disable các giá trị Date < [Ngày từ] đã chọn * Khi đã chọn giá trị [Ngày đến], hệ thống sẽ disable các giá trị Date > [Ngày đến] đã chọn |

Quy tắc trường dữ liệu đặc biệt

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **#** | **Control type** | **Description** |
| 1.4.1 | Số điện thoại | * Chỉ cho phép mọi loại ký tự * Tối đa 15 ký tự |
| 1.4.2 | Email | * Định dạng email [tênmail]@[tênmiền], trong đó: * Số ký tự tối đa của [tênemail] là 64 ký tự * Số ký tự tối đa của [tênmiền] là 250 ký tự * Các ký tự cho phép: * Chữ cái tiếng Anh viết hoa (A-Z) và viết thường (a-z) * Chữ số (0-9) * Ký tự: !, #, $, %, &, ', \*, +, -, /, =, ?, ^, \_, `, {, |, }, ~   §  Dấu chấm "." với điều kiện đó không phải ký tự đầu tiên hoặc cuối cùng và không xuất hiện lần lượt   * Nếu người dùng gõ sai định dạng, hiển thị tại trường “Sai yêu cầu định dạng email. Định dạng email yêu cầu: [tênmail]@[tênmiền] |

Phân trang trên các màn hình danh sách

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **#** | **Control type** | **Description** |
| 1.5.1 | Phân trang | * Nếu không mô tả riêng cho từng page thì mặc định theo quy tắc chung. * Hiển thị text: "Tổng <<X>> bản ghi". <<X>> số lượng bản ghi tìm thấy. * Mặc định hiển thị 10 bản ghi trên 1 trang. * Khi Người dùng bấm thay đổi số lượng bản ghi trên 1 trang sẽ có các lựa chọn: * 10 (bản ghi/ trang) * 30 (bản ghi/ trang) * 50 (bản ghi/ trang) * Luôn hiển thị icon trang đầu và trang cuối. Khi Người dùng bấm vào từng trang sẽ load ra các bản ghi trên các trang tương ứng.   VD:   * Thông báo lỗi với dữ liệu trong bảng: * Thông báo lỗi chỉ hiển thị khi ấn nút submit, Thông báo lỗi dưới table, không có dấu x, thông báo lỗi detail dòng + page tương ứng.-> Highlight đỏ cả dòng * Khi fix hết dòng nào thì bỏ highlight & bỏ ở thông báo lỗi ở dòng đó. * Chỉ khi fix hết các dòng thì thông báo lỗi mới biến mất.   Noted: Sử dụng component của Ant Design. |
| 1.5.2 | Scroll bar (chiều dọc) | * Trong các bảng trên các màn hình chi tiết hoặc tạo mới, nếu số lượng bản ghi trong bảng lớn hơn 5 thì sẽ hiển thị Scroll bar theo chiều dọc. * Người dùng kéo thanh bar cuộn lên xuống để xem thêm thông tin trong bảng. |
| 1.5.3 | Sorting data column (TBU) | * Tại các cột thông tin của màn hình danh sách, tác vụ sorting giúp người dùng sắp xếp các bản ghi theo thứ tự mong muốn ở toàn bảng thông tin: * Sắp xếp theo trình tự Bảng chữ cái Alphabet * Khi click lần đầu: sort theo thứ tự tăng dần với cả chữ, ngày tháng, số * Khi click lần thứ 2: sort theo thứ tự ngược lại * Sắp xếp trên danh sách các kết quả tìm kiếm |
| 1.5.4 | Tab | * Hiển thị các tab với tên tương ứng trên màn hình * Tab nào đang được chọn thì hiển thị dạng Active, các tab còn lại hiển thị dạng Inactive * Trường hợp quá nhiều tab, vượt quá chiều rộng màn hình, hiển thị button “>”, mỗi lần người dùng click hệ thống sẽ hiển thị thêm tối đa 5 tab và thu gọn lại số tab ở đầu kia, đồng thời hiển thị button “<” |
| 1.5.5 | Button | * Nếu không có mô tả đặc biệt ở detail requirement, thì button "Tạo mới" sẽ ở màn hình Danh sách. * Tên button: Các button chỉ để tên hành động. VD: "Tạo mới" thay vì "Tạo mới hồ sơ", "Xóa" thay vì "Xóa hồ sơ" * Nếu button nằm trong dropdown button: * Khi enable: text màu xanh, hiển thị hand cursor khi hover chuột vào button * Khi disable: text màu xám, hiển thị icon  khi hover chuột vào button |

Hiển thị Message lỗi, thông báo

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **#** | **Control type** | **Description** |
| 1.6.1 | Message lỗi (inline) | * Áp dụng khi lỗi xảy ra là của 1 trường dữ liệu cụ thể. VD: Trường bắt buộc nhưng để trống, Nhập sai định dạng của trường email,... * Message lỗi sẽ được hiển thị ngay bên dưới từng trường dữ liệu tương ứng. Nếu message lỗi dài vượt quá chiều dài của trường dữ liệu thì sẽ xuống dòng tiếp theo. * Viền bao quanh trường dữ liệu và message lỗi sẽ hiển thị màu đỏ. * Khi Người dùng chỉnh sửa dữ liệu và click ra ngoài trường dữ liệu bị lỗi thì message lỗi sẽ mất đi và hightlight màu đỏ xung quanh trường dữ liệu sẽ mất đi. * Nếu người dùng đang focus tại trường thông tin thì hệ thống không thực hiện validate thông tin gì. |
| 1.6.2 | Message lỗi (Popup) | * Gray out background và hiển thị thông báo lỗi trong popup ở chính giữa màn hình, ví dụ:      * Nội dung: Hiển thị theo message BE trả về * Button: "Đồng ý": Khi click sẽ tắt popup, điều hướng về màn hình list/reload lại màn hình hiện tại (BA define trong tài liệu) * Popup cần thể hiện rõ người dùng đã thêm mới/xóa bao nhiêu bản ghi. * Ngoài ra sẽ có những button thực hiện nghiệp vụ khác, BA sẽ quy định trong từng màn hình/chức năng cụ thể. |
| 1.6.3 | Message thông báo | Khi server trả về kết quả của 1 request được gửi lên do END NGƯỜI DÙNG trigger button là thành công/thất bại, FE hiển thị thông báo thành công/thất bại tương ứng như sau:   * Thành công: * Message template: * <Tên hành động> + <Tên object> thành công (VD: Tạo mới bảo lãnh thành công/ Sumit/ chuyển trạng thái status thành công) * <Pipeline ID> <Tên tài liệu> đã được phê duyệt bởi <Account LDAP người phê duyệt> lúc <Thời gian duyệt> (VD: ID123SCS - Technical Proposal đã được phê duyệt bởi ANTAnh12 lúc 09/10/2021 09:00) * Nội dung message cụ thể sẽ được mô tả chi tiết trong từng UC * Nếu message vượt quá chiều rộng của khung thông báo thì sẽ xuống dòng * Hiển thị thông báo dạng Toast Message với màu xanh: * Thất bại: * Message: * <Tên hành động> + <Tên object> thất bại (VD: Tạo mới bảo lãnh thất bại/ Gửi duyệt hợp đồng thất bại) * Nếu message vượt quá chiều rộng của khung thông báo thì sẽ xuống dòng * Có thể thêm nội dung về lý do thất bại nếu có (Được mô tả trong UC cụ thể) * Hiển thị thông báo dạng Toast Message với màu đỏ: * Các thông báo đều sẽ tự động ẩn sau 2s hoặc khi END NGƯỜI DÙNG click icon "x" |
| 1.6.4 | Message Types | Mô tả về các loại Message   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **No.** | **Message Type** | **Message Prefix Code** | **Description** | | 1 | Error | <TBD> | Những quy tắc xác thực trả ra message với Type = Error thì hệ thống không thể xử lý tiếp. Error message có thể là lỗi xác thực trên Frontend hoặc từ Server. | | 2 | Info | <TBD> | Là các message thông báo sau khi hệ thống thực hiện xong 1 chức năng. | | 3 | Warning | <TBD> | Là các message cảnh báo cho người dùng về 1 điều kiện nào đó, hệ thống sẽ luôn tiếp tục xử lý. Chỉ có 1 button "Đồng ý", khi người dùng bấm "Đồng ý" thì hệ thống sẽ tiếp tục xử lý. | | 4 | Confirm | <TBD> | Là message đề nghị xác nhận từ phía người dùng.  Nếu người dùng bấm nút "Đồng ý", hệ thống sẽ tiếp tục xử lý.  Nếu người dùng bấm nút "Không", hệ thống sẽ không tiếp tục xử lý | |

Quy tắc tìm kiếm

1.7 Quy tắc tìm kiếm

* Hệ thống sẽ lọc ra các bản ghi có tất cả các giá trị thuộc tính chứa các từ khóa tìm kiếm tương ứng
* Điều kiện chứa từ khóa là từ khóa xuất hiện ở bất kỳ vị trí nào trên chuỗi giá trị, không phân biệt hoa thường, tính cả thanh âm (VD: tìm Hà ra cả Hà, Thành, Nhà; nhưng không tìm ra Hân, Thắng, Nhã)
* Ở phần Tìm kiếm cơ bản:
* Cho phép tìm kiếm theo 1 hoặc 1 số trường.
* Tìm kiếm theo điều kiện "hoặc": Nếu bản ghi có bất kỳ trường nào (Trong các trường đã define) có giá trị chứa từ khóa tìm kiếm thì đều hiển thị trên bảng kết quả
* Ví dụ: Ở màn hình Danh sách nhân viên cho phép tìm kiếm theo 3 trường [Mã nhân viên], [Số hợp đồng]
* Người dùng điền keyword là "12345"
* Bản ghi A có [Mã nhân viên] = 20392012345, [Số hợp đồng] = HĐ3983028

Upload tệp tin đính kèm

File uploader



|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên** | **Kiểu hiển thị** | **Kiểu dữ liệu** | **Bắt buộc** | **Độ dài max** | **Định dạng** | **Mô tả** |  |
| 1 | No | N/A | N/A | N/A | N/A | N/A | * Số thứ tự từng file, hệ thống tự sinh theo quy tắc n + 1 mỗi khi thêm mới tài liệu. * Thứ tự sắp xếp bản ghi trong table sắp xếp theo: thời gian update sớm hiển thị lên trước. * Số lượng tối đa bản ghi/ dòng để hiển thị scroll bar đang để 5 line. |  |
| 2 | Tên tập tin | Hyper Link | No | N/A | N/A | N/A | * Đây là cột chứa Tên tài liệu vừa được người dùng tải lên * Hiển thị: * Hyperlink tên tài liệu   Khi bấm vào Hyperlink, tài liệu được tự động tải về browser hiện tại của người dùng. |  |
| 3 | Download All | Button | N/A | N/A | N/A | N/A | Khi người dùng nhấn vào button sẽ thực hiện download tất cả các file trong 1 file zip với tên file là "Tailieu\_Tên section\_DD/MM/YYYY". |  |
| 4 | File Uploader | File Uploader | N/A | N/A | N/A | N/A | Tham chiếu đến 1.1.13  Dung lượng tối đa của tệp tin 2 MB.  Cho phép upload tối đa 5 tệp tin.  Đuôi file cho phép là: .jpg, .png, .pdf, .xls, .xlsx,, .doc  Các use case cần nghiệp vụ đặc biệt khác nghiệp vụ chung sẽ được BA mô tả trong từng use case |  |
| 5 | Xoá | Icon | N/A | N/A | N/A | N/A | * Khi người dùng nhấn button này, thực hiện xóa line tài liệu. * Tài liệu được upload lên ở trạng thái nào thì chỉ người dùng thực hiện upload và ở tại trạng thái đó mới xóa được. Không cho xóa file attach đã upload ở các trạng thái trước đó.   Trường hợp từ chối duyệt và quay về trạng thái trước đó thì tài liệu đã đính kèm trước đó cũng không được phép xóa |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Target Sprint | Sprint.. |
| Module | Bidding Management System (BMS) |
| Jira Ticket | [Task DCEN-121](https://pms.cmcglobal.com.vn/browse/DCEN-121?src=confmacro) - SRS\_Tạo common business rule **done** |
| Document Status | **ready for dev** |
| Document Owner | [Hanh. Nguy Thi My - CMC Global DU1.16](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~ntmhanh2) |
| Reviewer | [Tuan. Dong Anh - CMC Global TDX](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~datuan9) |
| Approver | [Tuan. Dong Anh - CMC Global TDX](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~datuan9) |

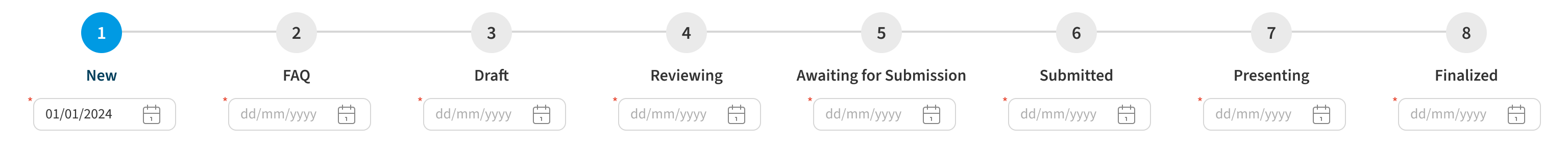
|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Version | Date | Log change | Athor | Note | Jira Ticket |
| 0.1 | 09 May 2024 | Tạo tài liệu | [Hanh. Nguy Thi My - CMC Global DU1.16](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~ntmhanh2) |  | [Task DCEN-121](https://pms.cmcglobal.com.vn/browse/DCEN-121?src=confmacro) - SRS\_Tạo common business rule **done** |

**Lưu ý:**

* Sử dụng bộ Ant design system
* Đây là những quy tắc được mô tả để áp dụng trong trường hợp các trường trên màn hình không có quy tắc riêng. Nếu các trường thông tin trên từng màn hình có nghiệp vụ riêng, BA sẽ định nghĩa trong từng màn hình/ chức năng tương ứng.

Quy tắc trường dữ liệu chung

* Khi thay đổi trường "status" thì các stage ở quy trình sẽ thay được update thay đổi và ngược lại.



Control type

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **#** | **Control type** | **Description** |
| 1.1.1 | Textbox | * Khi NGƯỜI DÙNG hover chuột vào textbox sẽ xuất hiện tooltip hiển thị đầy đủ nội dung trong textbox đó (Với phần nội dung có thể bị ẩn do chiều rộng của textbox không đủ để hiển thị full thông tin) * Cho phép copy thông tin trong textbox (Ở cả 2 trạng thái (Cho phé và Không cho phép) (enable và disable) * Số ký tự cho phép hiển thị tối đa phụ thuộc vào design * Cho phép nhập tối đa 250 ký tự, áp dụng với tất cả các text box trong hệ thống. Những text box với nghiệp vụ đặc biệt sẽ được BA mô tả riêng tại textbox tương ứng * Cho phép mọi loại ký tự (bao gồm cả ký tự đặc biệt và ký tự ngôn ngữ khác) |
| 1.1.2 | Single Choice Dropdown List | **Trạng thái chỉnh sửa:**   * Chỉ cho phép chọn 1 giá trị. * Tự động highlight giá trị lựa chọn khi di chuyển chuột trong danh sách giá trị. * Nếu chỉ có 1 bản ghi thì bản ghi được tự động lựa chọn và hiển thị. * Hiển thị 7 bản ghi, nếu lớn hơn 7 bản ghi thì hiển thị scroll bar cho phép Người dùng kéo lên/ xuống. * Nếu không được mô tả riêng biệt từng trường dữ liệu, thì mặc định danh sách giá trị sẽ được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái. * Khi 1 giá trị được lựa chọn và hiển thị dài hơn chiều dài của ô trường dữ liệu sẽ hiển thị “...” với những dữ liệu chưa được hiển thị * Nếu danh sách giá trị > 10 bản ghi thì người dùng có thể gõ text để lọc (instant search) các giá trị lựa chọn trùng với text điền vào. * Nếu danh sách giá trị <10 bản ghi thì hiển thị danh sách giá trị cho người dùng lựa chọn. * Hiển thị “Chọn giá trị” ở vị trí đầu tiên trong danh sách lựa chọn. Nếu như lựa chọn giá trị “Chọn giá trị” thì có nghĩa trường đó sẽ trống. * Thay thế behaviour này bằng thêm nút "X", khi bấm bỏ chọn giá trị đang chọn. Nếu như người dùng không lựa chọn giá trị, trường đó sẽ để trống * Quy tắc tìm kiếm cụ thể với từng nghiệp vụ sẽ được BA mô tả chi tiết trong các màn hình/chức năng. * **Trạng thái hiển thị:** * Hiển giá trị được chọn trong textbox * Giá trị sẽ không có icon "x" để xóa bên cạnh * Nếu các giá trị hiển thị dài hơn chiều dài của ô trường dữ liệu sẽ xuống dòng. Khi đó sẽ hiển thị scroll bar để NGƯỜI DÙNG kéo lên/xuống trong textbox để xem hết các giá trị |
| 1.1.3 | Multiple Choice Dropdown List | * **Trạng thái chỉnh sửa của Multiple choice dropdown list:** * Cho phép Người dùng lựa chọn nhiều giá trị từ danh sách lựa chọn. * Nếu chỉ có 1 bản ghi thì bản ghi được tự động lựa chọn và hiển thị. * Hiển thị 7 bản ghi, nếu lớn hơn 7 bản ghi thì hiển thị scroll bar cho phép Người dùng kéo lên/ xuống. * Tự động highlight giá trị lựa chọn khi di chuyển chuột trong danh sách giá trị. * Nếu không được mô tả riêng biệt từng trường dữ liệu, thì mặc định danh sách giá trị sẽ được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái. * Mỗi giá trị được lựa chọn sẽ hiển thị lên textbox và hiển thị dấu tích xanh ở mỗi giá trị được chọn. * Khi 1 giá trị được lựa chọn và hiển thị dài hơn chiều dài của ô trường dữ liệu sẽ xuống dòng. Khi đó sẽ hiển thị scroll bar để NGƯỜI DÙNG kéo lên/xuống trong textbox để xem hết các giá trị * Nếu danh sách giá trị > 10 bản ghi, chỉ hiển thị 10 bản ghi nhưng cho phép người dùng kéo lên/xuống để xem tất cả giá trị, cho phép người dùng có thể gõ text để lọc (instant search) các giá trị lựa chọn trùng với text điền vào, giá trị hiển thị sẽ map với từng chữ được input. * Nếu danh sách giá trị <10 bản ghi thì hiển thị danh sách giá trị cho người dùng lựa chọn, cho phép người dùng có thể gõ text để lọc (instant search) các giá trị lựa chọn trùng với text điền vào, giá trị hiển thị sẽ map với từng chữ được input. * **Trạng thái hiển thị của Multiple choice dropdown list:** * Hiển thị các giá trị được chọn trong textbox * Các giá trị sẽ không có icon "x" để xóa bên cạnh * Nếu các giá trị hiển thị dài hơn chiều dài của ô trường dữ liệu sẽ xuống dòng. Khi đó sẽ hiển thị scroll bar để NGƯỜI DÙNG kéo lên/xuống trong textbox để xem hết các giá trị * Các giá trị trong textbox sẽ ngăn cách nhau bởi dấu chấm phẩy “;” |
| 1.1.4 | Single/Multiple choice Dropdown with Fill In | * Giống như [Single Choice Dropdown List] hoặc [Multiple Choice Dropdown List], nhưng khi Người dùng không tìm được giá trị trùng với text đã điền. Người dùng có thể điền một giá trị mới vào ô. * Giá trị mới sẽ được gán vào một giá trị “Other” của droplist tương ứng trong DB.  Giá trị mới này chỉ được sử dụng cho bản ghi hiện tại. |
| 1.1.5 | Multiple/Single Choice Dropdown List  Instant search  Input text | * Cho phép người dùng chọn giá trị trong danh sách  hoặc thêm mới 1 giá trị vào danh sách * Tuân theo quy tắc chung đã được quy định cho trường dữ liệu kiểu "Single Choice Dropdown List" * Cho phép nhập mọi loại ký tự để tìm kiếm và hiển thị ra danh sách dropdown chứa các ký tự được nhập. * Danh sách giá trị sắp xếp theo bảng chữ cái  alphabet. * Danh sách giá trị ban đầu được quy định tại từng trường thông tin cụ thể * Nếu người dùng tìm kiếm trong danh sách nhưng không có giá trị thì: * ~~Hiển thị line text với nội dung sau dưới trường thông tin tương ứng: "Tạo mới tên <giá trị mà người dùng điền>~~" * Ví dụ : Sau khi người dùng out focus ra khỏi text box thì hiển thị giá trị mà người dùng điền * Hệ thống lưu lại giá trị mà người dùng điền trong Danh sách giá trị tương ứng |
| 1.1.6 | Checkbox | Cho phép Người dùng chọn/ bỏ chọn 1 giá trị. |
| 1.1.7 | Radio Button | Chỉ cho phép Người dùng lựa chọn 1 giá trị duy nhất. |
| 1.1.8 | Numeric | * Chỉ cho phép nhập giá trị là số. * Các trường như số lượng, số tiền, khi hiển thị sẽ sử dụng dấu "," để phân cách hàng nghìn, đơn vị. Ví dụ: 1,000,000,000 * Khi NGƯỜI DÙNG focus vào để chỉnh sửa thì không hiển thị dấu "," nữa * Đối với trường hợp số thập phân (các ngoại tệ khác), ngăn cách phần nguyên và phần thập phân bằng dấu "." và làm tròn đến 2 chữ số sau dấu phảy theo quy tắc (đối các module có rule hiển thị khác cần mô tả chi tiết trong từng module): * Nếu chữ số thập phân thứ 3 sau dấu chấm >=5, làm tròn lên 1 đơn vị (VD: 1,000,000.234 → 1,000,000.23) * Nếu chữ số thập phân thứ 3 sau dấu chấm <5, làm tròn xuống 1 đơn vị (VD: 1,000,000.236 → 1,000,000.24) |
| 1.1.9 | Hyperlink | Khi click vào hyperlink sẽ mở 1 tab mới trên browser hiện tại. |
| 1.1.10 | Kích thước file tài liệu | * Khi hiển thị kích thước file tài liệu sẽ hiển thị: <<X>>KB. * <<X>> là kích thước của file tài liệu. |
| 1.1.11 | Place holder | * Nếu trong yêu cầu chi tiết tại các module không mô tả, Place holder sẽ theo nguyên tắc chung dưới đây: * Khi trường thông tin được enable, hiển thị Place holder theo nguyên tắc sau: * Trường input text: Hiển thị: "Nhập" + Tên trường * Trường dropdown:  Hiển thị: "Chọn" + Tên trường * Trường Date Time Picker: * Date: hiển thị DD/MM/YYYY * Date Time: hiển thị DD/MM/YYYY hh:mm * Khi trường thông tin bị disable, không hiển thị Place holder. |
| 1.1.12 | Lưu trường dữ liệu | Khi thực hiện Validate bất cứ trường thông tin nào, hệ thống sẽ thực hiện xóa các khoảng dấu cách ở (clear space) đầu cuối chuỗi ký tự tại trường thông tin đó trước khi validate dữ liệu. |
| 1.1.13 | File Uploader | * Cho phép người dùng kéo thả/chọn file tài liệu đính kèm * Định dạng file cho phép: word, pdf, image, excel, zip, rar, ppt, msg * Tài liệu tải lên thành công sẽ tự động lưu vào trong CSDL * Thông báo lỗi khi upload * Nếu người dùng upload file quá dung lượng 50MB (BA sẽ định nghĩa trong từng trường hợp cụ thể), hiển thị thông báo đỏ dưới File Uploader: “File quá dung lượng cho phép” trên màn hình * Nếu người dùng upload file không đúng định dạng, hiển thị thông báo đỏ dưới File Uploader: “File không đúng định dạng cho phép: word, pdf, image, excel, zip, rar, ppt, msg" * Place holder: Kéo tài liệu vào đây   Người dùng có quyền chỉnh sửa thì sẽ có quyền upload file, tham khảo tại Matrix role  \*Lưu ý: Đối với trường hợp người dùng import danh sách nhân viên lên hệ thống EC, BA sẽ mô tả cụ thể trong [5.3 Import nhân viên v0.1](https://wiki.cmcglobal.com.vn/pages/viewpage.action?pageId=90574497) |

Quy tắc bảng dữ liệu

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **#** | **Control type** | **Description** |
| 1.2.1 | Bảng danh sách | * Khi NGƯỜI DÙNG hover chuột vào 1 giá trị trong bảng danh sách sẽ xuất hiện tooltip hiển thị đầy đủ nội dung của giá trị đó (Phần nội dung có thể bị ẩn do chiều rộng của cột không đủ để hiển thị full thông tin) * Khi NGƯỜI DÙNG đưa chuột vào 1 bản ghi, hệ thống highlight bản ghi đó. Xem chi tiết tại bản design UI/UX * Giá trị của cột thông tin đầu tiên trong bảng (Thường là cột hiển thị trường thông tin độc nhất cho bản ghi đó. Ví dụ: Pipeline,...) sẽ hiển thị dạng Hyperlink. Khi NGƯỜI DÙNG scroll ngang, nếu là cột đầu tiên, hệ thống sẽ cố định cột đầu tiên, nếu là cột thứ 2, hệ thống sẽ cố định cột đầu tiên và cột thứ 2 của bảng dữ liệu. * Khi NGƯỜI DÙNG click vào hyperlink sẽ mở màn hình chi tiết bản ghi tương ứng trên chính browser tab đó (Không mở 1 browser tab mới), hyperlink tại vị trí nào sẽ được BA quy định trong từng màn hình chi tiết * Người dùng có thể click vào một dòng dữ liệu bất kỳ trong bảng để mở màn hình chi tiết bản ghi tương ứng. |
| 1.2.2 | Bảng danh sách có edit inline | * Khi vừa vào màn hình có Bảng edit inline sẽ luôn mặc định hiển thị 1 dòng trống: * Khi tab xuống dòng thì focus vào line mới thay cho click +Thêm mới dòng; * Nếu dòng trống không có data thì khi lưu sumit/save as không cần validate dòng đó. (tham chiếu đến 1.1.12) * Khi click icon "Xóa dòng" (khi thực hiện xóa mà chưa trigger thay đổi DB): * Trường hợp thông tin bảng là bắt buộc: Hệ thống sẽ check đây có phải là dòng duy nhất không: * Nếu không → Xóa cả dòng đó khỏi bảng * Nếu có → Chỉ xóa nội dung trong dòng đó * Trường hợp thông tin bảng là không bắt buộc: cho phép xóa tất cả các dòng * Trường hợp xóa dòng duy nhất ở trang mới → Sau khi xóa sẽ nhảy về trang trước đó (VD: Đang ở trang 4 và trang 4 chỉ chứa 1 dòng → Click icon "Xóa" trên dòng đó → Xóa dòng và back về hiển thị trang 3) * Hệ thống hỗ trợ bảng danh sách có edit indòng với các Control type sau: (Các ràng buộc cho từng Control Type tuân theo như mô tả ở phần **1. Quy tắc trường dữ liệu chung)** * Text input * Instant Search Single Choice Dropdown List * Instant Search Multiple Choice Dropdown List * Calendar Picker * File Uploader * Ở dạng edit: Hiển thị textbox bên trong cell được edit với Control Type tương ứng * Textbox ở trạng thái focus: Hiển thị viền xanh * Textbox ở trạng thái focus và có suggest message: Hiển thị viền xanh và suggest message trong tooltip nền xanh bên dưới textbox * Độ rộng của tooltip sẽ bằng độ rộng của textbox tương ứng * Message dài vượt quá độ rộng sẽ xuống dòng * Textbox ở trạng thái lỗi: Hiển thị viền đỏ và error message trong tooltip nền đỏ bên dưới textbox * Độ rộng của tooltip sẽ bằng độ rộng của textbox tương ứng * Message dài vượt quá độ rộng sẽ xuống dòng * Mô tả hành vi: * Để chỉnh sửa nội dung, người dùng click vào icon "edit" của cell tương ứng → Hiển thị cell đó ở dạng edit, fill sẵn giá trị người dùng đã nhập trước đó (nếu có) vào textbox * Người dùng có thể click vào các cell tương ứng hoặc nhấn phím "Tab" để chuyển cell edit, thứ tự nhảy cell là: từ trái sang phải từ trên xuống dưới * Khi người dùng out focus 1 cell (VD: Nhấn phím "Tab" hoặc click ra ngoài màn hình), hệ thống validate nội dung NGƯỜI DÙNG vừa nhập cho cell tương ứng (nếu cần) * Nếu vi phạm quy tắc validation → Hệ thống sẽ hiển thị textbox ở trạng thái lỗi. * Nếu không vi phạm quy tắc validation → Hệ thống sẽ lưu lại dữ liệu vừa nhập (Lưu ý: Riêng với Control Type = "File Uploader", sau khi upload tài liệu thành công sẽ fill tên của tài liệu vào cell tương ứng và có thêm icon bên cạnh. Khi click icon này sẽ xóa tài liệu tương ứng), sau đó: * Out focus textbox, chuyển về dạng view (Nếu NGƯỜI DÙNG click ra ngoài màn hình) * Chuyển cell edit (Nếu NGƯỜI DÙNG nhấn phím "Tab") * Khi NGƯỜI DÙNG chưa ấn submit: * Tạm thời chấp nhận data ở các dòng cũ sẽ không báo lỗi * Hệ thống sẽ validate lại data ở các dòng thêm mới theo data tổng vừa được thay đổi, thông báo lỗi như mô tả phía trên. * Khi END NGƯỜI DÙNG nhấn Submit: * Hệ thống validate lại toàn bộ data |
| 1.2.3 | Màn hình danh sách | Tất cả màn hình dánh sách:  Thao tác: Khi tìm kiếm theo 1 điều kiện nào đó khi back lại:   * Hiển thị màn hình có điều kiện tìm kiếm trước đó. * Có button Reset (secondary button)- khi tìm kiếm nâng cao, khi click vào cho phép xóa bỏ toàn bộ filter trước đó. |

Quy tắc trường dữ liệu ngày tháng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **#** | **Control type** | **Description** |
| 1.3.1 | Date | Định dạng hiển thị: DD/MM/YYYY  Với những nghiệp vụ đặc biệt, BA sẽ mô tả cụ thể trong màn hình/chức năng tương ứng. |
| 1.3.2 | Date Time | * Định dạng hiển thị: DD/MM/YYYY hh:mm * Định dạng thời gian: 24 giờ. |
| 1.3.3 | Calendar Picker | * Người dùng click vào trường dữ liệu Date thì sẽ hiển thị Calendar Picker bên dưới, đồng thời hiển thị con trỏ chuột icon cho phép người dùng select ngày/tháng/năm * Ngày được lựa chọn sẽ hiển thị trong ô dữ liệu. * Trường hợp chọn [Ngày từ] - [Ngày đến]: * Mặc định ngày hiện tại được chọn cho cả giá trị [Ngày từ] và [Ngày đến] * Ngày được lựa chọn sẽ hiển thị trong ô dữ liệu. * Khi đã chọn giá trị [Ngày từ], hệ thống sẽ disable các giá trị Date < [Ngày từ] đã chọn * Khi đã chọn giá trị [Ngày đến], hệ thống sẽ disable các giá trị Date > [Ngày đến] đã chọn |

Quy tắc trường dữ liệu đặc biệt

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **#** | **Control type** | **Description** |
| 1.4.1 | Số điện thoại | * Chỉ cho phép mọi loại ký tự * Tối đa 15 ký tự |
| 1.4.2 | Email | * Định dạng email [tênmail]@[tênmiền], trong đó: * Số ký tự tối đa của [tênemail] là 64 ký tự * Số ký tự tối đa của [tênmiền] là 250 ký tự * Các ký tự cho phép: * Chữ cái tiếng Anh viết hoa (A-Z) và viết thường (a-z) * Chữ số (0-9) * Ký tự: !, #, $, %, &, ', \*, +, -, /, =, ?, ^, \_, `, {, |, }, ~   §  Dấu chấm "." với điều kiện đó không phải ký tự đầu tiên hoặc cuối cùng và không xuất hiện lần lượt   * Nếu người dùng gõ sai định dạng, hiển thị tại trường “Sai yêu cầu định dạng email. Định dạng email yêu cầu: [tênmail]@[tênmiền] |

Phân trang trên các màn hình danh sách

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **#** | **Control type** | **Description** |
| 1.5.1 | Phân trang | * Nếu không mô tả riêng cho từng page thì mặc định theo quy tắc chung. * Hiển thị text: "Tổng <<X>> bản ghi". <<X>> số lượng bản ghi tìm thấy. * Mặc định hiển thị 10 bản ghi trên 1 trang. * Khi Người dùng bấm thay đổi số lượng bản ghi trên 1 trang sẽ có các lựa chọn: * 15 (bản ghi/ trang) * 30 (bản ghi/ trang) * Luôn hiển thị icon trang đầu và trang cuối. Khi Người dùng bấm vào từng trang sẽ load ra các bản ghi trên các trang tương ứng.   VD:   * Thông báo lỗi với dữ liệu trong bảng: * Thông báo lỗi chỉ hiển thị khi ấn nút submit, Thông báo lỗi dưới table, không có dấu x, thông báo lỗi detail dòng + page tương ứng.-> Highlight đỏ cả dòng * Khi fix hết dòng nào thì bỏ highlight & bỏ ở thông báo lỗi ở dòng đó. * Chỉ khi fix hết các dòng thì thông báo lỗi mới biến mất.   Noted: Sử dụng component của Ant Design. |
| 1.5.2 | Scroll bar (chiều dọc) | * Trong các bảng trên các màn hình chi tiết hoặc tạo mới, nếu số lượng bản ghi trong bảng lớn hơn 5 thì sẽ hiển thị Scroll bar theo chiều dọc. * Người dùng kéo thanh bar cuộn lên xuống để xem thêm thông tin trong bảng. |
| 1.5.3 | Sorting data column (TBU) | * Tại các cột thông tin của màn hình danh sách, tác vụ sorting giúp người dùng sắp xếp các bản ghi theo thứ tự mong muốn ở toàn bảng thông tin: * Sắp xếp theo trình tự Bảng chữ cái Alphabet * Khi click lần đầu: sort theo thứ tự tăng dần với cả chữ, ngày tháng, số * Khi click lần thứ 2: sort theo thứ tự ngược lại * Sắp xếp trên danh sách các kết quả tìm kiếm |
| 1.5.4 | Tab | * Hiển thị các tab với tên tương ứng trên màn hình * Tab nào đang được chọn thì hiển thị dạng Active, các tab còn lại hiển thị dạng Inactive * Trường hợp quá nhiều tab, vượt quá chiều rộng màn hình, hiển thị button “>”, mỗi lần người dùng click hệ thống sẽ hiển thị thêm tối đa 5 tab và thu gọn lại số tab ở đầu kia, đồng thời hiển thị button “<” |
| 1.5.5 | Button | * Nếu không có mô tả đặc biệt ở detail requirement, thì button "Tạo mới" sẽ ở màn hình Danh sách. * Tên button: Các button chỉ để tên hành động. VD: "Tạo mới" thay vì "Tạo mới hồ sơ", "Xóa" thay vì "Xóa hồ sơ" * Nếu button nằm trong dropdown button: * Khi enable: text màu xanh, hiển thị hand cursor khi hover chuột vào button * Khi disable: text màu xám, hiển thị icon  khi hover chuột vào button |

Hiển thị Message lỗi, thông báo

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **#** | **Control type** | **Description** |
| 1.6.1 | Message lỗi (inline) | * Áp dụng khi lỗi xảy ra là của 1 trường dữ liệu cụ thể. VD: Trường bắt buộc nhưng để trống, Nhập sai định dạng của trường email,... * Message lỗi sẽ được hiển thị ngay bên dưới từng trường dữ liệu tương ứng. Nếu message lỗi dài vượt quá chiều dài của trường dữ liệu thì sẽ xuống dòng tiếp theo. * Viền bao quanh trường dữ liệu và message lỗi sẽ hiển thị màu đỏ. * Khi Người dùng chỉnh sửa dữ liệu và click ra ngoài trường dữ liệu bị lỗi thì message lỗi sẽ mất đi và hightlight màu đỏ xung quanh trường dữ liệu sẽ mất đi. * Nếu người dùng đang focus tại trường thông tin thì hệ thống không thực hiện validate thông tin gì. |
| 1.6.2 | Message lỗi (Popup) | * Gray out background và hiển thị thông báo lỗi trong popup ở chính giữa màn hình, ví dụ:      * Nội dung: Hiển thị theo message BE trả về * Button: "Đồng ý": Khi click sẽ tắt popup, điều hướng về màn hình list/reload lại màn hình hiện tại (BA define trong tài liệu) * Popup cần thể hiện rõ người dùng đã thêm mới/xóa bao nhiêu bản ghi. * Ngoài ra sẽ có những button thực hiện nghiệp vụ khác, BA sẽ quy định trong từng màn hình/chức năng cụ thể. |
| 1.6.3 | Message thông báo | Khi server trả về kết quả của 1 request được gửi lên do END NGƯỜI DÙNG trigger button là thành công/thất bại, FE hiển thị thông báo thành công/thất bại tương ứng như sau:   * Thành công: * Message template: * <Tên hành động> + <Tên object> thành công (VD: Tạo mới bảo lãnh thành công/ Sumit/ chuyển trạng thái status thành công) * <Pipeline ID> <Tên tài liệu> đã được phê duyệt bởi <Account LDAP người phê duyệt> lúc <Thời gian duyệt> (VD: ID123SCS - Technical Proposal đã được phê duyệt bởi ANTAnh12 lúc 09/10/2021 09:00) * Nội dung message cụ thể sẽ được mô tả chi tiết trong từng UC * Nếu message vượt quá chiều rộng của khung thông báo thì sẽ xuống dòng * Hiển thị thông báo dạng Toast Message với màu xanh: * Thất bại: * Message: * <Tên hành động> + <Tên object> thất bại (VD: Tạo mới bảo lãnh thất bại/ Gửi duyệt hợp đồng thất bại) * Nếu message vượt quá chiều rộng của khung thông báo thì sẽ xuống dòng * Có thể thêm nội dung về lý do thất bại nếu có (Được mô tả trong UC cụ thể) * Hiển thị thông báo dạng Toast Message với màu đỏ: * Các thông báo đều sẽ tự động ẩn sau 2s hoặc khi END NGƯỜI DÙNG click icon "x" |
| 1.6.4 | Message Types | Mô tả về các loại Message   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **No.** | **Message Type** | **Message Prefix Code** | **Description** | | 1 | Error | <TBD> | Những quy tắc xác thực trả ra message với Type = Error thì hệ thống không thể xử lý tiếp. Error message có thể là lỗi xác thực trên Frontend hoặc từ Server. | | 2 | Info | <TBD> | Là các message thông báo sau khi hệ thống thực hiện xong 1 chức năng. | | 3 | Warning | <TBD> | Là các message cảnh báo cho người dùng về 1 điều kiện nào đó, hệ thống sẽ luôn tiếp tục xử lý. Chỉ có 1 button "Đồng ý", khi người dùng bấm "Đồng ý" thì hệ thống sẽ tiếp tục xử lý. | | 4 | Confirm | <TBD> | Là message đề nghị xác nhận từ phía người dùng.  Nếu người dùng bấm nút "Đồng ý", hệ thống sẽ tiếp tục xử lý.  Nếu người dùng bấm nút "Không", hệ thống sẽ không tiếp tục xử lý | |

Quy tắc tìm kiếm

1.7 Quy tắc tìm kiếm

* Hệ thống sẽ lọc ra các bản ghi có tất cả các giá trị thuộc tính chứa các từ khóa tìm kiếm tương ứng
* Điều kiện chứa từ khóa là từ khóa xuất hiện ở bất kỳ vị trí nào trên chuỗi giá trị, không phân biệt hoa thường, tính cả thanh âm (VD: tìm Hà ra cả Hà, Thành, Nhà; nhưng không tìm ra Hân, Thắng, Nhã)
* Ở phần Tìm kiếm cơ bản:
* Cho phép tìm kiếm theo 1 hoặc 1 số trường.
* Tìm kiếm theo điều kiện "hoặc": Nếu bản ghi có bất kỳ trường nào (Trong các trường đã define) có giá trị chứa từ khóa tìm kiếm thì đều hiển thị trên bảng kết quả
* Ví dụ: Ở màn hình Danh sách nhân viên cho phép tìm kiếm theo 3 trường [Mã nhân viên], [Số hợp đồng]
* Người dùng điền keyword là "12345"
* Bản ghi A có [Mã nhân viên] = 20392012345, [Số hợp đồng] = HĐ3983028

Upload tệp tin đính kèm

File uploader



|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên** | **Kiểu hiển thị** | **Kiểu dữ liệu** | **Bắt buộc** | **Độ dài max** | **Định dạng** | **Mô tả** |  |
| 1 | No | N/A | N/A | N/A | N/A | N/A | * Số thứ tự từng file, hệ thống tự sinh theo quy tắc n + 1 mỗi khi thêm mới tài liệu. * Thứ tự sắp xếp bản ghi trong table sắp xếp theo: thời gian update sớm hiển thị lên trước. * Số lượng tối đa bản ghi/ dòng để hiển thị scroll bar đang để 5 line. |  |
| 2 | Tên tập tin | Hyper Link | No | N/A | N/A | N/A | * Đây là cột chứa Tên tài liệu vừa được người dùng tải lên * Hiển thị: * Hyperlink tên tài liệu   Khi bấm vào Hyperlink, tài liệu được tự động tải về browser hiện tại của người dùng. |  |
| 3 | Download All | Button | N/A | N/A | N/A | N/A | Khi người dùng nhấn vào button sẽ thực hiện download tất cả các file trong 1 file zip với tên file là "Tailieu\_Tên section\_DD/MM/YYYY". |  |
| 4 | File Uploader | File Uploader | N/A | N/A | N/A | N/A | Tham chiếu đến 1.1.13  Dung lượng tối đa của tệp tin 2 MB.  Cho phép upload tối đa 5 tệp tin.  Đuôi file cho phép là: .jpg, .png, .pdf, .xls, .xlsx,, .doc  Các use case cần nghiệp vụ đặc biệt khác nghiệp vụ chung sẽ được BA mô tả trong từng use case |  |
| 5 | Xoá | Icon | N/A | N/A | N/A | N/A | * Khi người dùng nhấn button này, thực hiện xóa line tài liệu. * Tài liệu được upload lên ở trạng thái nào thì chỉ người dùng thực hiện upload và ở tại trạng thái đó mới xóa được. Không cho xóa file attach đã upload ở các trạng thái trước đó.   Trường hợp từ chối duyệt và quay về trạng thái trước đó thì tài liệu đã đính kèm trước đó cũng không được phép xóa |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Target Sprint | Sprint.. |
| Module | Bidding Management System (BMS) |
| Jira Ticket | [Task DCEN-121](https://pms.cmcglobal.com.vn/browse/DCEN-121?src=confmacro) - SRS\_Tạo common business rule **done** |
| Document Status | **review** |
| Document Owner | [Hanh. Nguy Thi My - CMC Global DU1.16](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~ntmhanh2) |
| Reviewer | [Tuan. Dong Anh - CMC Global TDX](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~datuan9) |
| Approver | [Tuan. Dong Anh - CMC Global TDX](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~datuan9) |

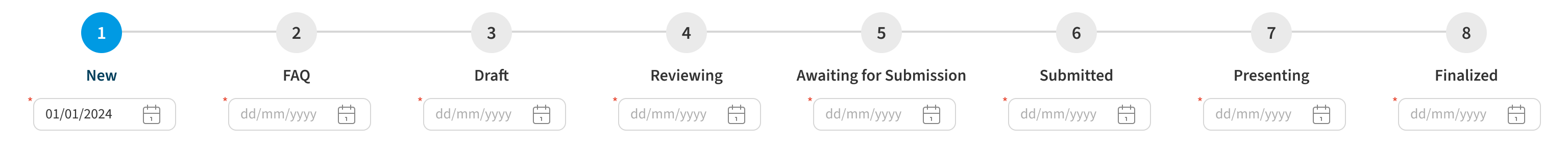
|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Version | Date | Log change | Athor | Note | Jira Ticket |
| 0.1 | 09 May 2024 | Tạo tài liệu | [Hanh. Nguy Thi My - CMC Global DU1.16](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~ntmhanh2) |  | [Task DCEN-121](https://pms.cmcglobal.com.vn/browse/DCEN-121?src=confmacro) - SRS\_Tạo common business rule **done** |

**Lưu ý:**

* Sử dụng bộ Ant design system
* Đây là những quy tắc được mô tả để áp dụng trong trường hợp các trường trên màn hình không có quy tắc riêng. Nếu các trường thông tin trên từng màn hình có nghiệp vụ riêng, BA sẽ định nghĩa trong từng màn hình/ chức năng tương ứng.

Quy tắc trường dữ liệu chung

* Khi thay đổi trường "status" thì các stage ở quy trình sẽ thay được update thay đổi và ngược lại.



Control type

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **#** | **Control type** | **Description** |
| 1.1.1 | Textbox | * Khi NGƯỜI DÙNG hover chuột vào textbox sẽ xuất hiện tooltip hiển thị đầy đủ nội dung trong textbox đó (Với phần nội dung có thể bị ẩn do chiều rộng của textbox không đủ để hiển thị full thông tin) * Cho phép copy thông tin trong textbox (Ở cả 2 trạng thái (Cho phé và Không cho phép) (enable và disable) * Số ký tự cho phép hiển thị tối đa phụ thuộc vào design * Cho phép nhập tối đa 250 ký tự, áp dụng với tất cả các text box trong hệ thống. Những text box với nghiệp vụ đặc biệt sẽ được BA mô tả riêng tại textbox tương ứng * Cho phép mọi loại ký tự (bao gồm cả ký tự đặc biệt và ký tự ngôn ngữ khác) |
| 1.1.2 | Single Choice Dropdown List | **Trạng thái chỉnh sửa:**   * Chỉ cho phép chọn 1 giá trị. * Tự động highlight giá trị lựa chọn khi di chuyển chuột trong danh sách giá trị. * Nếu chỉ có 1 bản ghi thì bản ghi được tự động lựa chọn và hiển thị. * Hiển thị 7 bản ghi, nếu lớn hơn 7 bản ghi thì hiển thị scroll bar cho phép Người dùng kéo lên/ xuống. * Nếu không được mô tả riêng biệt từng trường dữ liệu, thì mặc định danh sách giá trị sẽ được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái. * Khi 1 giá trị được lựa chọn và hiển thị dài hơn chiều dài của ô trường dữ liệu sẽ hiển thị “...” với những dữ liệu chưa được hiển thị * Nếu danh sách giá trị > 10 bản ghi thì người dùng có thể gõ text để lọc (instant search) các giá trị lựa chọn trùng với text điền vào. * Nếu danh sách giá trị <10 bản ghi thì hiển thị danh sách giá trị cho người dùng lựa chọn. * Hiển thị “Chọn giá trị” ở vị trí đầu tiên trong danh sách lựa chọn. Nếu như lựa chọn giá trị “Chọn giá trị” thì có nghĩa trường đó sẽ trống. * Thay thế behaviour này bằng thêm nút "X", khi bấm bỏ chọn giá trị đang chọn. Nếu như người dùng không lựa chọn giá trị, trường đó sẽ để trống * Quy tắc tìm kiếm cụ thể với từng nghiệp vụ sẽ được BA mô tả chi tiết trong các màn hình/chức năng. * **Trạng thái hiển thị:** * Hiển giá trị được chọn trong textbox * Giá trị sẽ không có icon "x" để xóa bên cạnh * Nếu các giá trị hiển thị dài hơn chiều dài của ô trường dữ liệu sẽ xuống dòng. Khi đó sẽ hiển thị scroll bar để NGƯỜI DÙNG kéo lên/xuống trong textbox để xem hết các giá trị |
| 1.1.3 | Multiple Choice Dropdown List | * **Trạng thái chỉnh sửa của Multiple choice dropdown list:** * Cho phép Người dùng lựa chọn nhiều giá trị từ danh sách lựa chọn. * Nếu chỉ có 1 bản ghi thì bản ghi được tự động lựa chọn và hiển thị. * Hiển thị 7 bản ghi, nếu lớn hơn 7 bản ghi thì hiển thị scroll bar cho phép Người dùng kéo lên/ xuống. * Tự động highlight giá trị lựa chọn khi di chuyển chuột trong danh sách giá trị. * Nếu không được mô tả riêng biệt từng trường dữ liệu, thì mặc định danh sách giá trị sẽ được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái. * Mỗi giá trị được lựa chọn sẽ hiển thị lên textbox và hiển thị dấu tích xanh ở mỗi giá trị được chọn. * Khi 1 giá trị được lựa chọn và hiển thị dài hơn chiều dài của ô trường dữ liệu sẽ xuống dòng. Khi đó sẽ hiển thị scroll bar để NGƯỜI DÙNG kéo lên/xuống trong textbox để xem hết các giá trị * Nếu danh sách giá trị > 10 bản ghi, chỉ hiển thị 10 bản ghi nhưng cho phép người dùng kéo lên/xuống để xem tất cả giá trị, cho phép người dùng có thể gõ text để lọc (instant search) các giá trị lựa chọn trùng với text điền vào, giá trị hiển thị sẽ map với từng chữ được input. * Nếu danh sách giá trị <10 bản ghi thì hiển thị danh sách giá trị cho người dùng lựa chọn, cho phép người dùng có thể gõ text để lọc (instant search) các giá trị lựa chọn trùng với text điền vào, giá trị hiển thị sẽ map với từng chữ được input. * **Trạng thái hiển thị của Multiple choice dropdown list:** * Hiển thị các giá trị được chọn trong textbox * Các giá trị sẽ không có icon "x" để xóa bên cạnh * Nếu các giá trị hiển thị dài hơn chiều dài của ô trường dữ liệu sẽ xuống dòng. Khi đó sẽ hiển thị scroll bar để NGƯỜI DÙNG kéo lên/xuống trong textbox để xem hết các giá trị * Các giá trị trong textbox sẽ ngăn cách nhau bởi dấu chấm phẩy “;” |
| 1.1.4 | Single/Multiple choice Dropdown with Fill In | * Giống như [Single Choice Dropdown List] hoặc [Multiple Choice Dropdown List], nhưng khi Người dùng không tìm được giá trị trùng với text đã điền. Người dùng có thể điền một giá trị mới vào ô. * Giá trị mới sẽ được gán vào một giá trị “Other” của droplist tương ứng trong DB.  Giá trị mới này chỉ được sử dụng cho bản ghi hiện tại. |
| 1.1.5 | Multiple/Single Choice Dropdown List  Instant search  Input text | * Cho phép người dùng chọn giá trị trong danh sách  hoặc thêm mới 1 giá trị vào danh sách * Tuân theo quy tắc chung đã được quy định cho trường dữ liệu kiểu "Single Choice Dropdown List" * Cho phép nhập mọi loại ký tự để tìm kiếm và hiển thị ra danh sách dropdown chứa các ký tự được nhập. * Danh sách giá trị sắp xếp theo bảng chữ cái  alphabet. * Danh sách giá trị ban đầu được quy định tại từng trường thông tin cụ thể * Nếu người dùng tìm kiếm trong danh sách nhưng không có giá trị thì: * ~~Hiển thị line text với nội dung sau dưới trường thông tin tương ứng: "Tạo mới tên <giá trị mà người dùng điền>~~" * Ví dụ : Sau khi người dùng out focus ra khỏi text box thì hiển thị giá trị mà người dùng điền * Hệ thống lưu lại giá trị mà người dùng điền trong Danh sách giá trị tương ứng |
| 1.1.6 | Checkbox | Cho phép Người dùng chọn/ bỏ chọn 1 giá trị. |
| 1.1.7 | Radio Button | Chỉ cho phép Người dùng lựa chọn 1 giá trị duy nhất. |
| 1.1.8 | Numeric | * Chỉ cho phép nhập giá trị là số. * Các trường như số lượng, số tiền, khi hiển thị sẽ sử dụng dấu "," để phân cách hàng nghìn, đơn vị. Ví dụ: 1,000,000,000 * Khi NGƯỜI DÙNG focus vào để chỉnh sửa thì không hiển thị dấu "," nữa * Đối với trường hợp số thập phân (các ngoại tệ khác), ngăn cách phần nguyên và phần thập phân bằng dấu "." và làm tròn đến 2 chữ số sau dấu phảy theo quy tắc (đối các module có rule hiển thị khác cần mô tả chi tiết trong từng module): * Nếu chữ số thập phân thứ 3 sau dấu chấm >=5, làm tròn lên 1 đơn vị (VD: 1,000,000.234 → 1,000,000.23) * Nếu chữ số thập phân thứ 3 sau dấu chấm <5, làm tròn xuống 1 đơn vị (VD: 1,000,000.236 → 1,000,000.24) |
| 1.1.9 | Hyperlink | Khi click vào hyperlink sẽ mở 1 tab mới trên browser hiện tại. |
| 1.1.10 | Kích thước file tài liệu | * Khi hiển thị kích thước file tài liệu sẽ hiển thị: <<X>>KB. * <<X>> là kích thước của file tài liệu. |
| 1.1.11 | Place holder | * Nếu trong yêu cầu chi tiết tại các module không mô tả, Place holder sẽ theo nguyên tắc chung dưới đây: * Khi trường thông tin được enable, hiển thị Place holder theo nguyên tắc sau: * Trường input text: Hiển thị: "Nhập" + Tên trường * Trường dropdown:  Hiển thị: "Chọn" + Tên trường * Trường Date Time Picker: * Date: hiển thị DD/MM/YYYY * Date Time: hiển thị DD/MM/YYYY hh:mm * Khi trường thông tin bị disable, không hiển thị Place holder. |
| 1.1.12 | Lưu trường dữ liệu | Khi thực hiện Validate bất cứ trường thông tin nào, hệ thống sẽ thực hiện xóa các khoảng dấu cách ở (clear space) đầu cuối chuỗi ký tự tại trường thông tin đó trước khi validate dữ liệu. |
| 1.1.13 | File Uploader | * Cho phép người dùng kéo thả/chọn file tài liệu đính kèm * Định dạng file cho phép: word, pdf, image, excel, zip, rar, ppt, msg * Tài liệu tải lên thành công sẽ tự động lưu vào trong CSDL * Thông báo lỗi khi upload * Nếu người dùng upload file quá dung lượng 50MB (BA sẽ định nghĩa trong từng trường hợp cụ thể), hiển thị thông báo đỏ dưới File Uploader: “File quá dung lượng cho phép” trên màn hình * Nếu người dùng upload file không đúng định dạng, hiển thị thông báo đỏ dưới File Uploader: “File không đúng định dạng cho phép: word, pdf, image, excel, zip, rar, ppt, msg" * Place holder: Kéo tài liệu vào đây   Người dùng có quyền chỉnh sửa thì sẽ có quyền upload file, tham khảo tại Matrix role  \*Lưu ý: Đối với trường hợp người dùng import danh sách nhân viên lên hệ thống EC, BA sẽ mô tả cụ thể trong [5.3 Import nhân viên v0.1](https://wiki.cmcglobal.com.vn/pages/viewpage.action?pageId=90574497) |

Quy tắc bảng dữ liệu

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **#** | **Control type** | **Description** |
| 1.2.1 | Bảng danh sách | * Khi NGƯỜI DÙNG hover chuột vào 1 giá trị trong bảng danh sách sẽ xuất hiện tooltip hiển thị đầy đủ nội dung của giá trị đó (Phần nội dung có thể bị ẩn do chiều rộng của cột không đủ để hiển thị full thông tin) * Khi NGƯỜI DÙNG đưa chuột vào 1 bản ghi, hệ thống highlight bản ghi đó. Xem chi tiết tại bản design UI/UX * Giá trị của cột thông tin đầu tiên trong bảng (Thường là cột hiển thị trường thông tin độc nhất cho bản ghi đó. Ví dụ: Pipeline,...) sẽ hiển thị dạng Hyperlink. Khi NGƯỜI DÙNG scroll ngang, nếu là cột đầu tiên, hệ thống sẽ cố định cột đầu tiên, nếu là cột thứ 2, hệ thống sẽ cố định cột đầu tiên và cột thứ 2 của bảng dữ liệu. * Khi NGƯỜI DÙNG click vào hyperlink sẽ mở màn hình chi tiết bản ghi tương ứng trên chính browser tab đó (Không mở 1 browser tab mới), hyperlink tại vị trí nào sẽ được BA quy định trong từng màn hình chi tiết * Người dùng có thể click vào một dòng dữ liệu bất kỳ trong bảng để mở màn hình chi tiết bản ghi tương ứng. |
| 1.2.2 | Bảng danh sách có edit inline | * Khi vừa vào màn hình có Bảng edit inline sẽ luôn mặc định hiển thị 1 dòng trống: * Khi tab xuống dòng thì focus vào line mới thay cho click +Thêm mới dòng; * Nếu dòng trống không có data thì khi lưu sumit/save as không cần validate dòng đó. (tham chiếu đến 1.1.12) * Khi click icon "Xóa dòng" (khi thực hiện xóa mà chưa trigger thay đổi DB): * Trường hợp thông tin bảng là bắt buộc: Hệ thống sẽ check đây có phải là dòng duy nhất không: * Nếu không → Xóa cả dòng đó khỏi bảng * Nếu có → Chỉ xóa nội dung trong dòng đó * Trường hợp thông tin bảng là không bắt buộc: cho phép xóa tất cả các dòng * Trường hợp xóa dòng duy nhất ở trang mới → Sau khi xóa sẽ nhảy về trang trước đó (VD: Đang ở trang 4 và trang 4 chỉ chứa 1 dòng → Click icon "Xóa" trên dòng đó → Xóa dòng và back về hiển thị trang 3) * Hệ thống hỗ trợ bảng danh sách có edit indòng với các Control type sau: (Các ràng buộc cho từng Control Type tuân theo như mô tả ở phần **1. Quy tắc trường dữ liệu chung)** * Text input * Instant Search Single Choice Dropdown List * Instant Search Multiple Choice Dropdown List * Calendar Picker * File Uploader * Ở dạng edit: Hiển thị textbox bên trong cell được edit với Control Type tương ứng * Textbox ở trạng thái focus: Hiển thị viền xanh * Textbox ở trạng thái focus và có suggest message: Hiển thị viền xanh và suggest message trong tooltip nền xanh bên dưới textbox * Độ rộng của tooltip sẽ bằng độ rộng của textbox tương ứng * Message dài vượt quá độ rộng sẽ xuống dòng * Textbox ở trạng thái lỗi: Hiển thị viền đỏ và error message trong tooltip nền đỏ bên dưới textbox * Độ rộng của tooltip sẽ bằng độ rộng của textbox tương ứng * Message dài vượt quá độ rộng sẽ xuống dòng * Mô tả hành vi: * Để chỉnh sửa nội dung, người dùng click vào icon "edit" của cell tương ứng → Hiển thị cell đó ở dạng edit, fill sẵn giá trị người dùng đã nhập trước đó (nếu có) vào textbox * Người dùng có thể click vào các cell tương ứng hoặc nhấn phím "Tab" để chuyển cell edit, thứ tự nhảy cell là: từ trái sang phải từ trên xuống dưới * Khi người dùng out focus 1 cell (VD: Nhấn phím "Tab" hoặc click ra ngoài màn hình), hệ thống validate nội dung NGƯỜI DÙNG vừa nhập cho cell tương ứng (nếu cần) * Nếu vi phạm quy tắc validation → Hệ thống sẽ hiển thị textbox ở trạng thái lỗi. * Nếu không vi phạm quy tắc validation → Hệ thống sẽ lưu lại dữ liệu vừa nhập (Lưu ý: Riêng với Control Type = "File Uploader", sau khi upload tài liệu thành công sẽ fill tên của tài liệu vào cell tương ứng và có thêm icon bên cạnh. Khi click icon này sẽ xóa tài liệu tương ứng), sau đó: * Out focus textbox, chuyển về dạng view (Nếu NGƯỜI DÙNG click ra ngoài màn hình) * Chuyển cell edit (Nếu NGƯỜI DÙNG nhấn phím "Tab") * Khi NGƯỜI DÙNG chưa ấn submit: * Tạm thời chấp nhận data ở các dòng cũ sẽ không báo lỗi * Hệ thống sẽ validate lại data ở các dòng thêm mới theo data tổng vừa được thay đổi, thông báo lỗi như mô tả phía trên. * Khi END NGƯỜI DÙNG nhấn Submit: * Hệ thống validate lại toàn bộ data |
| 1.2.3 | Màn hình danh sách | Tất cả màn hình dánh sách:  Thao tác: Khi tìm kiếm theo 1 điều kiện nào đó khi back lại:   * Hiển thị màn hình có điều kiện tìm kiếm trước đó. * Có button Reset (secondary button)- khi tìm kiếm nâng cao, khi click vào cho phép xóa bỏ toàn bộ filter trước đó. |

Quy tắc trường dữ liệu ngày tháng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **#** | **Control type** | **Description** |
| 1.3.1 | Date | Định dạng hiển thị: DD/MM/YYYY  Với những nghiệp vụ đặc biệt, BA sẽ mô tả cụ thể trong màn hình/chức năng tương ứng. |
| 1.3.2 | Date Time | * Định dạng hiển thị: DD/MM/YYYY hh:mm * Định dạng thời gian: 24 giờ. |
| 1.3.3 | Calendar Picker | * Người dùng click vào trường dữ liệu Date thì sẽ hiển thị Calendar Picker bên dưới, đồng thời hiển thị con trỏ chuột icon cho phép người dùng select ngày/tháng/năm * Ngày được lựa chọn sẽ hiển thị trong ô dữ liệu. * Trường hợp chọn [Ngày từ] - [Ngày đến]: * Mặc định ngày hiện tại được chọn cho cả giá trị [Ngày từ] và [Ngày đến] * Ngày được lựa chọn sẽ hiển thị trong ô dữ liệu. * Khi đã chọn giá trị [Ngày từ], hệ thống sẽ disable các giá trị Date < [Ngày từ] đã chọn * Khi đã chọn giá trị [Ngày đến], hệ thống sẽ disable các giá trị Date > [Ngày đến] đã chọn |

Quy tắc trường dữ liệu đặc biệt

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **#** | **Control type** | **Description** |
| 1.4.1 | Số điện thoại | * Chỉ cho phép mọi loại ký tự * Tối đa 15 ký tự |
| 1.4.2 | Email | * Định dạng email [tênmail]@[tênmiền], trong đó: * Số ký tự tối đa của [tênemail] là 64 ký tự * Số ký tự tối đa của [tênmiền] là 250 ký tự * Các ký tự cho phép: * Chữ cái tiếng Anh viết hoa (A-Z) và viết thường (a-z) * Chữ số (0-9) * Ký tự: !, #, $, %, &, ', \*, +, -, /, =, ?, ^, \_, `, {, |, }, ~   §  Dấu chấm "." với điều kiện đó không phải ký tự đầu tiên hoặc cuối cùng và không xuất hiện lần lượt   * Nếu người dùng gõ sai định dạng, hiển thị tại trường “Sai yêu cầu định dạng email. Định dạng email yêu cầu: [tênmail]@[tênmiền] |

Phân trang trên các màn hình danh sách

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **#** | **Control type** | **Description** |
| 1.5.1 | Phân trang | * Nếu không mô tả riêng cho từng page thì mặc định theo quy tắc chung. * Hiển thị text: "Tổng <<X>> bản ghi". <<X>> số lượng bản ghi tìm thấy. * Mặc định hiển thị 10 bản ghi trên 1 trang. * Khi Người dùng bấm thay đổi số lượng bản ghi trên 1 trang sẽ có các lựa chọn: * 10 (bản ghi/ trang) * 30 (bản ghi/ trang) * 50 (bản ghi/ trang) * Luôn hiển thị icon trang đầu và trang cuối. Khi Người dùng bấm vào từng trang sẽ load ra các bản ghi trên các trang tương ứng.   VD:   * Thông báo lỗi với dữ liệu trong bảng: * Thông báo lỗi chỉ hiển thị khi ấn nút submit, Thông báo lỗi dưới table, không có dấu x, thông báo lỗi detail dòng + page tương ứng.-> Highlight đỏ cả dòng * Khi fix hết dòng nào thì bỏ highlight & bỏ ở thông báo lỗi ở dòng đó. * Chỉ khi fix hết các dòng thì thông báo lỗi mới biến mất.   Noted: Sử dụng component của Ant Design. |
| 1.5.2 | Scroll bar (chiều dọc) | * Trong các bảng trên các màn hình chi tiết hoặc tạo mới, nếu số lượng bản ghi trong bảng lớn hơn 5 thì sẽ hiển thị Scroll bar theo chiều dọc. * Người dùng kéo thanh bar cuộn lên xuống để xem thêm thông tin trong bảng. |
| 1.5.3 | Sorting data column (TBU) | * Tại các cột thông tin của màn hình danh sách, tác vụ sorting giúp người dùng sắp xếp các bản ghi theo thứ tự mong muốn ở toàn bảng thông tin: * Sắp xếp theo trình tự Bảng chữ cái Alphabet * Khi click lần đầu: sort theo thứ tự tăng dần với cả chữ, ngày tháng, số * Khi click lần thứ 2: sort theo thứ tự ngược lại * Sắp xếp trên danh sách các kết quả tìm kiếm |
| 1.5.4 | Tab | * Hiển thị các tab với tên tương ứng trên màn hình * Tab nào đang được chọn thì hiển thị dạng Active, các tab còn lại hiển thị dạng Inactive * Trường hợp quá nhiều tab, vượt quá chiều rộng màn hình, hiển thị button “>”, mỗi lần người dùng click hệ thống sẽ hiển thị thêm tối đa 5 tab và thu gọn lại số tab ở đầu kia, đồng thời hiển thị button “<” |
| 1.5.5 | Button | * Nếu không có mô tả đặc biệt ở detail requirement, thì button "Tạo mới" sẽ ở màn hình Danh sách. * Tên button: Các button chỉ để tên hành động. VD: "Tạo mới" thay vì "Tạo mới hồ sơ", "Xóa" thay vì "Xóa hồ sơ" * Nếu button nằm trong dropdown button: * Khi enable: text màu xanh, hiển thị hand cursor khi hover chuột vào button * Khi disable: text màu xám, hiển thị icon  khi hover chuột vào button |

Hiển thị Message lỗi, thông báo

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **#** | **Control type** | **Description** |
| 1.6.1 | Message lỗi (inline) | * Áp dụng khi lỗi xảy ra là của 1 trường dữ liệu cụ thể. VD: Trường bắt buộc nhưng để trống, Nhập sai định dạng của trường email,... * Message lỗi sẽ được hiển thị ngay bên dưới từng trường dữ liệu tương ứng. Nếu message lỗi dài vượt quá chiều dài của trường dữ liệu thì sẽ xuống dòng tiếp theo. * Viền bao quanh trường dữ liệu và message lỗi sẽ hiển thị màu đỏ. * Khi Người dùng chỉnh sửa dữ liệu và click ra ngoài trường dữ liệu bị lỗi thì message lỗi sẽ mất đi và hightlight màu đỏ xung quanh trường dữ liệu sẽ mất đi. * Nếu người dùng đang focus tại trường thông tin thì hệ thống không thực hiện validate thông tin gì. |
| 1.6.2 | Message lỗi (Popup) | * Gray out background và hiển thị thông báo lỗi trong popup ở chính giữa màn hình, ví dụ:      * Nội dung: Hiển thị theo message BE trả về * Button: "Đồng ý": Khi click sẽ tắt popup, điều hướng về màn hình list/reload lại màn hình hiện tại (BA define trong tài liệu) * Popup cần thể hiện rõ người dùng đã thêm mới/xóa bao nhiêu bản ghi. * Ngoài ra sẽ có những button thực hiện nghiệp vụ khác, BA sẽ quy định trong từng màn hình/chức năng cụ thể. |
| 1.6.3 | Message thông báo | Khi server trả về kết quả của 1 request được gửi lên do END NGƯỜI DÙNG trigger button là thành công/thất bại, FE hiển thị thông báo thành công/thất bại tương ứng như sau:   * Thành công: * Message template: * <Tên hành động> + <Tên object> thành công (VD: Tạo mới bảo lãnh thành công/ Sumit/ chuyển trạng thái status thành công) * <Pipeline ID> <Tên tài liệu> đã được phê duyệt bởi <Account LDAP người phê duyệt> lúc <Thời gian duyệt> (VD: ID123SCS - Technical Proposal đã được phê duyệt bởi ANTAnh12 lúc 09/10/2021 09:00) * Nội dung message cụ thể sẽ được mô tả chi tiết trong từng UC * Nếu message vượt quá chiều rộng của khung thông báo thì sẽ xuống dòng * Hiển thị thông báo dạng Toast Message với màu xanh: * Thất bại: * Message: * <Tên hành động> + <Tên object> thất bại (VD: Tạo mới bảo lãnh thất bại/ Gửi duyệt hợp đồng thất bại) * Nếu message vượt quá chiều rộng của khung thông báo thì sẽ xuống dòng * Có thể thêm nội dung về lý do thất bại nếu có (Được mô tả trong UC cụ thể) * Hiển thị thông báo dạng Toast Message với màu đỏ: * Các thông báo đều sẽ tự động ẩn sau 2s hoặc khi END NGƯỜI DÙNG click icon "x" |
| 1.6.4 | Message Types | Mô tả về các loại Message   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **No.** | **Message Type** | **Message Prefix Code** | **Description** | | 1 | Error | <TBD> | Những quy tắc xác thực trả ra message với Type = Error thì hệ thống không thể xử lý tiếp. Error message có thể là lỗi xác thực trên Frontend hoặc từ Server. | | 2 | Info | <TBD> | Là các message thông báo sau khi hệ thống thực hiện xong 1 chức năng. | | 3 | Warning | <TBD> | Là các message cảnh báo cho người dùng về 1 điều kiện nào đó, hệ thống sẽ luôn tiếp tục xử lý. Chỉ có 1 button "Đồng ý", khi người dùng bấm "Đồng ý" thì hệ thống sẽ tiếp tục xử lý. | | 4 | Confirm | <TBD> | Là message đề nghị xác nhận từ phía người dùng.  Nếu người dùng bấm nút "Đồng ý", hệ thống sẽ tiếp tục xử lý.  Nếu người dùng bấm nút "Không", hệ thống sẽ không tiếp tục xử lý | |

Quy tắc tìm kiếm

1.7 Quy tắc tìm kiếm

* Hệ thống sẽ lọc ra các bản ghi có tất cả các giá trị thuộc tính chứa các từ khóa tìm kiếm tương ứng
* Điều kiện chứa từ khóa là từ khóa xuất hiện ở bất kỳ vị trí nào trên chuỗi giá trị, không phân biệt hoa thường, tính cả thanh âm (VD: tìm Hà ra cả Hà, Thành, Nhà; nhưng không tìm ra Hân, Thắng, Nhã)
* Ở phần Tìm kiếm cơ bản:
* Cho phép tìm kiếm theo 1 hoặc 1 số trường.
* Tìm kiếm theo điều kiện "hoặc": Nếu bản ghi có bất kỳ trường nào (Trong các trường đã define) có giá trị chứa từ khóa tìm kiếm thì đều hiển thị trên bảng kết quả
* Ví dụ: Ở màn hình Danh sách nhân viên cho phép tìm kiếm theo 3 trường [Mã nhân viên], [Số hợp đồng]
* Người dùng điền keyword là "12345"
* Bản ghi A có [Mã nhân viên] = 20392012345, [Số hợp đồng] = HĐ3983028

Upload tệp tin đính kèm

File uploader



|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên** | **Kiểu hiển thị** | **Kiểu dữ liệu** | **Bắt buộc** | **Độ dài max** | **Định dạng** | **Mô tả** |  |
| 1 | No | N/A | N/A | N/A | N/A | N/A | * Số thứ tự từng file, hệ thống tự sinh theo quy tắc n + 1 mỗi khi thêm mới tài liệu. * Thứ tự sắp xếp bản ghi trong table sắp xếp theo: thời gian update sớm hiển thị lên trước. * Số lượng tối đa bản ghi/ dòng để hiển thị scroll bar đang để 5 line. |  |
| 2 | Tên tập tin | Hyper Link | No | N/A | N/A | N/A | * Đây là cột chứa Tên tài liệu vừa được người dùng tải lên * Hiển thị: * Hyperlink tên tài liệu   Khi bấm vào Hyperlink, tài liệu được tự động tải về browser hiện tại của người dùng. |  |
| 3 | Download All | Button | N/A | N/A | N/A | N/A | Khi người dùng nhấn vào button sẽ thực hiện download tất cả các file trong 1 file zip với tên file là "Tailieu\_Tên section\_DD/MM/YYYY". |  |
| 4 | File Uploader | File Uploader | N/A | N/A | N/A | N/A | Tham chiếu đến 1.1.13  Dung lượng tối đa của tệp tin 2 MB.  Cho phép upload tối đa 5 tệp tin.  Đuôi file cho phép là: .jpg, .png, .pdf, .xls, .xlsx,, .doc  Các use case cần nghiệp vụ đặc biệt khác nghiệp vụ chung sẽ được BA mô tả trong từng use case |  |
| 5 | Xoá | Icon | N/A | N/A | N/A | N/A | * Khi người dùng nhấn button này, thực hiện xóa line tài liệu. * Tài liệu được upload lên ở trạng thái nào thì chỉ người dùng thực hiện upload và ở tại trạng thái đó mới xóa được. Không cho xóa file attach đã upload ở các trạng thái trước đó.   Trường hợp từ chối duyệt và quay về trạng thái trước đó thì tài liệu đã đính kèm trước đó cũng không được phép xóa |  |

## Hành vi chung của hệ thống

### 1. Danh sách hành động - Thanh Nav Bar

|  |  |
| --- | --- |
| Target Sprint | Sprint.. |
| Module | BMS |
| Jira Ticket |  |
| Document Status | **ready for dev** |
| Document Owner | [Hanh. Nguy Thi My - CMC Global DU1.16](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~ntmhanh2) |
| Reviewer | [Tuan. Dong Anh - CMC Global TDX](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~datuan9) |
| Approver | [Tuan. Dong Anh - CMC Global TDX](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~datuan9) |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Version | Date | Log change | Author | Note | Jira Ticket |
| 0.1 | 10 May 2024 | Tạo tài liệu | [Hanh. Nguy Thi My - CMC Global DU1.16](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~ntmhanh2) |  |  |

Tác nhân

|  |  |
| --- | --- |
| Tác nhân | Người dùng được phân quyền đăng nhập vào hệ thống |
| Điều kiện trước | + Đăng nhập thành công vào hệ thống |
| Kết quả đạt được | + Hiển thị icon danh sách hành động  + Hiển thị các hành động được người dùng phần quyền (TBU)  + Hiển thị "Bidding Management System" |
| Trigger | + Người dùng click vào icon |
| Ngoại lệ | N/A |

Màn hình



Định nghĩa màn hình

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên | Kiểu hiển thị | Kiểu dữ liệu | Bắt buộc | Độ dài max | Định dạng | Mô tả |
| Hiển thị danh sách hành động | | | | | | | |
|  | Icon Hành động | Icon | N/A | N/A | N/A | N/A | + Khi người dùng click vào icon  => Hệ thống sẽ hiển thị danh sách hành động  + Các giá trị trong trường   * Đăng xuất * (TBU) |
|  | Tên người dùng | Label | N/A | N/A | N/A | N/A | Hiển thị tên người dùng |
|  | Đăng xuất | Button | N/A | N/A | N/A | N/A | Người dùng click vào button Đăng xuất  => Hệ thống hiển thị popup warning:   * Tiêu đề: cảnh báo * Nội dung: Bạn có muốn đăng xuất không? * Button: Có/ Không * Người dùng bấm Có => Hệ thống đưa người dùng về màn hình Đăng nhập * Người dùng bấm Không => Hệ thống tắt popup |
| Tìm kiếm profile nhân viên | | | | | | | |
|  | Tìm kiếm nhân viên | Textbox | N/A | N/A | N/A | N/A | * Tìm kiếm tên nhân viên hoặc ldap nhân viên * =>  Hệ thống hiển thị màn hình Profile của nhân viên được tìm kiếm:   + Profile header   + Thông tin tài khoản   + Thông tin liên lạc:     - LDAP (lấy thông tin từ profile header)     - Số điện thoại (lấy thông tin từ profile header)) |

Logic xử lý

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Bước | Thao tác | Thực hiện | Mô tả |
| 1 | Đăng xuất | Người dùng | Người dùng bấm button Đăng xuất |
|  |  | Hệ thống | Hệ thống hiển thị popup warning:   * Tiêu đề: cảnh báo * Nội dung: Bạn có muốn đăng xuất không? * Button: Có/ Không * Người dùng bấm Có => Hệ thống đưa người dùng về màn hình Đăng nhập * Người dùng bấm Không => Hệ thống tắt popup |
| 2 | Tìm kiếm nhân viên | Người dùng | * Tìm kiếm tên nhân viên hoặc ldap nhân viên |
|  |  | Hệ thống | * Hệ thống hiển thị màn hình Profile của nhân viên được tìm kiếm:   + Profile header   + Thông tin tài khoản   + Thông tin liên lạc:     - Email (lấy thông tin từ profile header)     - Số điện thoại (lấy thông tin từ profile header)) |

|  |  |
| --- | --- |
| Target Sprint | Sprint.. |
| Module | BMS |
| Jira Ticket |  |
| Document Status | **review** |
| Document Owner | [Hanh. Nguy Thi My - CMC Global DU1.16](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~ntmhanh2) |
| Reviewer | [Tuan. Dong Anh - CMC Global TDX](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~datuan9) |
| Approver | [Tuan. Dong Anh - CMC Global TDX](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~datuan9) |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Version | Date | Log change | Author | Note | Jira Ticket |
| 0.1 | 10 May 2024 | Tạo tài liệu | [Hanh. Nguy Thi My - CMC Global DU1.16](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~ntmhanh2) |  |  |

Tác nhân

|  |  |
| --- | --- |
| Tác nhân | Người dùng được phân quyền đăng nhập vào hệ thống |
| Điều kiện trước | + Đăng nhập thành công vào hệ thống |
| Kết quả đạt được | + Hiển thị icon danh sách hành động  + Hiển thị các hành động được người dùng phần quyền (TBU)  + Hiển thị "Bidding Management System" |
| Trigger | + Người dùng click vào icon |
| Ngoại lệ | N/A |

Màn hình



Định nghĩa màn hình

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên | Kiểu hiển thị | Kiểu dữ liệu | Bắt buộc | Độ dài max | Định dạng | Mô tả |
| Hiển thị danh sách hành động | | | | | | | |
|  | Icon Hành động | Icon | N/A | N/A | N/A | N/A | + Khi người dùng click vào icon  => Hệ thống sẽ hiển thị danh sách hành động  + Các giá trị trong trường   * Đăng xuất * (TBU) |
|  | Tên người dùng | Label | N/A | N/A | N/A | N/A | Hiển thị tên người dùng |
|  | Đăng xuất | Button | N/A | N/A | N/A | N/A | Người dùng click vào button Đăng xuất  => Hệ thống hiển thị popup warning:   * Tiêu đề: cảnh báo * Nội dung: Bạn có muốn đăng xuất không? * Button: Có/ Không * Người dùng bấm Có => Hệ thống đưa người dùng về màn hình Đăng nhập * Người dùng bấm Không => Hệ thống tắt popup |
| Tìm kiếm profile nhân viên | | | | | | | |
|  | Tìm kiếm nhân viên | Textbox | N/A | N/A | N/A | N/A | * Tìm kiếm tên nhân viên hoặc ldap nhân viên * =>  Hệ thống hiển thị màn hình Profile của nhân viên được tìm kiếm:   + Profile header   + Thông tin tài khoản   + Thông tin liên lạc:     - LDAP (lấy thông tin từ profile header)     - Số điện thoại (lấy thông tin từ profile header)) |

Logic xử lý

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Bước | Thao tác | Thực hiện | Mô tả |
| 1 | Đăng xuất | Người dùng | Người dùng bấm button Đăng xuất |
|  |  | Hệ thống | Hệ thống hiển thị popup warning:   * Tiêu đề: cảnh báo * Nội dung: Bạn có muốn đăng xuất không? * Button: Có/ Không * Người dùng bấm Có => Hệ thống đưa người dùng về màn hình Đăng nhập * Người dùng bấm Không => Hệ thống tắt popup |
| 2 | Tìm kiếm nhân viên | Người dùng | * Tìm kiếm tên nhân viên hoặc ldap nhân viên |
|  |  | Hệ thống | * Hệ thống hiển thị màn hình Profile của nhân viên được tìm kiếm:   + Profile header   + Thông tin tài khoản   + Thông tin liên lạc:     - Email (lấy thông tin từ profile header)     - Số điện thoại (lấy thông tin từ profile header)) |

### 2. Log in/out screen

|  |  |
| --- | --- |
| Target Sprint | Sprint.. |
| Module | BMS |
| Jira Ticket |  |
| Document Status | **ready for dev** |
| Document Owner | [Hanh. Nguy Thi My - CMC Global DU1.16](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~ntmhanh2) |
| Reviewer | [Tuan. Dong Anh - CMC Global TDX](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~datuan9) |
| Approver | [Tuan. Dong Anh - CMC Global TDX](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~datuan9) |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Version | Date | Log change | Author | Note | Jira Ticket |
| 0.1 | 10 May 2024 | Tạo mới tài liệu | [Hanh. Nguy Thi My - CMC Global DU1.16](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~ntmhanh2) |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

Tác nhân

|  |  |
| --- | --- |
| Tác nhân | Nhân viên của công ty |
| Điều kiện trước | + Người dùng có tài khoản trên hệ thống |
| Kết quả đạt được | + Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống  + Người dùng thao tác các tính năng được admin phân quyền |
| Trigger | + Click vào nút đăng nhập trên giao diện |
| Ngoại lệ | N/A |

Màn hình

Định nghĩa màn hình

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên | Kiểu hiển thị | Kiểu dữ liệu | Bắt buộc | Độ dài max | Định dạng | Mô tả |
| Đăng nhập hệ thống | | | | | | | |
|  | Nhập tên đăng nhập | Textbox | N/A | Có | 250 | N/A | Người dùng nhập LDAP do admin cung cấp  **-Người dùng có thể nhập LDAP bằng chữ hoa => Hệ thống đăng nhập thành công** |
|  | Nhập mật khẩu | Textbox | N/A | Có | 250 | N/A | +, Người dùng nhập mật khẩu do admin cung cấp  +, Các kí tự được hệ thống hiển thị dưới dạng “\*” |
|  | Đăng nhập | Button | N/A | N/A | N/A | N/A | Người dùng bấm nút “Đăng nhập”, hệ thống thực hiện các nghiệp vụ sau:   * Hệ thống validate các trường bắt buộc   + Hệ thống hiển thị inline message khi người dùng nhập thiếu trường bắt buộc     - Người dùng điền thiếu trường LDAP => Hệ thống hiển thị inline message: "Ldap không được để trống"     - Người dùng điền thiếu trường Mật khẩu => Hệ thống hiển thị inline message: "Mật khẩu không được để trống" * Sau khi thỏa mãn quy tắc xác thực nêu trên, hệ thống thực hiện quy tắc xác thực phía dưới. |

Logic xử lý

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Bước | Thao tác | Thực hiện | Mô tả |
|  | Đăng nhập hệ thống | Người dùng | + Nhập Tên đăng nhập  + Nhập Mật khẩu |
|  |  | Hệ thống | Hệ thống validate dữ liệu người dùng nhập với database của hệ thống POA   * Thông tin tên đăng nhập và mật khẩu khớp với dữ liệu đã lưu trên hệ thống POA => Hệ thống đưa người dùng đến màn hình * Hệ thống validate dữ liệu người dùng nhập với database của hệ thống POA   + Thông tin tên đăng nhập và mật khẩu khớp với dữ liệu đã lưu trên hệ thống POA => Hệ thống đưa người dùng đến màn hình homepage   + Nếu POA trả về lỗi LDAP hoặc mật khẩu không đúng (401)=> Hệ thống hiển thị inline message: "LDAP hoặc mật khẩu không chính xác"   + Nếu người dùng đăng nhập bằng account inactive => Hệ thống hiển thị inline message: Tài khoản bị khoá   + (Nếu POA trả về lỗi LDAP không tồn tại => Hệ thống hiển thị inline message: "LDAP không tồn tại" ) => POA chưa trả ra lỗi này   + (Nếu POA trả về lỗi tài khoản không có quyền truy cập => Hệ thống hiển thị inline message: "Tài khoản không có quyền truy cập" ) => POA chưa trả ra lỗi này |
|  |  | Người dùng | Bấm button OK |
|  |  | Hệ thống | Hệ thống đưa người dùng về màn hình đăng nhập |

|  |  |
| --- | --- |
| Target Sprint | Sprint.. |
| Module | BMS |
| Jira Ticket |  |
| Document Status | **review** |
| Document Owner | [Hanh. Nguy Thi My - CMC Global DU1.16](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~ntmhanh2) |
| Reviewer | [Tuan. Dong Anh - CMC Global TDX](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~datuan9) |
| Approver | [Tuan. Dong Anh - CMC Global TDX](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~datuan9) |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Version | Date | Log change | Author | Note | Jira Ticket |
| 0.1 | 10 May 2024 | Tạo mới tài liệu | [Hanh. Nguy Thi My - CMC Global DU1.16](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~ntmhanh2) |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

Tác nhân

|  |  |
| --- | --- |
| Tác nhân | Nhân viên của công ty |
| Điều kiện trước | + Người dùng có tài khoản trên hệ thống |
| Kết quả đạt được | + Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống  + Người dùng thao tác các tính năng được admin phân quyền |
| Trigger | + Click vào nút đăng nhập trên giao diện |
| Ngoại lệ | N/A |

Màn hình

Định nghĩa màn hình

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên | Kiểu hiển thị | Kiểu dữ liệu | Bắt buộc | Độ dài max | Định dạng | Mô tả |
| Đăng nhập hệ thống | | | | | | | |
|  | Nhập tên đăng nhập | Textbox | N/A | Có | 250 | N/A | Người dùng nhập LDAP do admin cung cấp  **-Người dùng có thể nhập LDAP bằng chữ hoa => Hệ thống đăng nhập thành công** |
|  | Nhập mật khẩu | Textbox | N/A | Có | 250 | N/A | +, Người dùng nhập mật khẩu do admin cung cấp  +, Các kí tự được hệ thống hiển thị dưới dạng “\*” |
|  | Đăng nhập | Button | N/A | N/A | N/A | N/A | Người dùng bấm nút “Đăng nhập”, hệ thống thực hiện các nghiệp vụ sau:   * Hệ thống validate các trường bắt buộc   + Hệ thống hiển thị inline message khi người dùng nhập thiếu trường bắt buộc     - Người dùng điền thiếu trường LDAP => Hệ thống hiển thị inline message: "Ldap không được để trống"     - Người dùng điền thiếu trường Mật khẩu => Hệ thống hiển thị inline message: "Mật khẩu không được để trống" * Sau khi thỏa mãn quy tắc xác thực nêu trên, hệ thống thực hiện quy tắc xác thực phía dưới. |

Logic xử lý

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Bước | Thao tác | Thực hiện | Mô tả |
|  | Đăng nhập hệ thống | Người dùng | + Nhập Tên đăng nhập  + Nhập Mật khẩu |
|  |  | Hệ thống | Hệ thống validate dữ liệu người dùng nhập với database của hệ thống POA   * Thông tin tên đăng nhập và mật khẩu khớp với dữ liệu đã lưu trên hệ thống POA => Hệ thống đưa người dùng đến màn hình * Hệ thống validate dữ liệu người dùng nhập với database của hệ thống POA   + Thông tin tên đăng nhập và mật khẩu khớp với dữ liệu đã lưu trên hệ thống POA => Hệ thống đưa người dùng đến màn hình homepage   + Nếu POA trả về lỗi LDAP hoặc mật khẩu không đúng (401)=> Hệ thống hiển thị inline message: "LDAP hoặc mật khẩu không chính xác"   + Nếu người dùng đăng nhập bằng account inactive => Hệ thống hiển thị inline message: Tài khoản bị khoá   + (Nếu POA trả về lỗi LDAP không tồn tại => Hệ thống hiển thị inline message: "LDAP không tồn tại" ) => POA chưa trả ra lỗi này   + (Nếu POA trả về lỗi tài khoản không có quyền truy cập => Hệ thống hiển thị inline message: "Tài khoản không có quyền truy cập" ) => POA chưa trả ra lỗi này |
|  |  | Người dùng | Bấm button OK |
|  |  | Hệ thống | Hệ thống đưa người dùng về màn hình đăng nhập |

### 3. Tính năng tìm kiếm

|  |  |
| --- | --- |
| Target Sprint | Sprint.. |
| Module | BMS |
| Jira Ticket |  |
| Document Status | **ready for dev** |
| Document Owner | [Hanh. Nguy Thi My - CMC Global DU1.16](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~ntmhanh2) |
| Reviewer | [Tuan. Dong Anh - CMC Global TDX](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~datuan9) |
| Approver | [Tuan. Dong Anh - CMC Global TDX](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~datuan9) |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Version | Date | Author | Note | Jira Ticket |
| 0.1 | 10 May 2024 | [Hanh. Nguy Thi My - CMC Global DU1.16](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~ntmhanh2) | Tạo tài liệu |  |
|  |  |  |  |  |

#### Requirement Detail

Tác nhân

|  |  |
| --- | --- |
| Tác nhân | Người dùng được phân quyền đăng nhập vào hệ thống |
| Điều kiện trước | + Đăng nhập thành công vào hệ thống |
| Kết quả đạt được | + Hệ thống hiển thị các bản ghi có tất cả các giá trị thuộc tính chứa các từ khóa tìm kiếm tương ứng với từ khoá người dùng tìm kiếm |
| Trigger | Người dùng chọn tính năng Tìm kiếm thông tin |
| Ngoại lệ | N/A |

Màn hình





Textbox tìm kiếm

Hệ thống sẽ hiển thị màn hình “Không tìm thấy” khi không tìm được bản ghi có giá trị thuộc tính chứa từ khoá tương ứng

Định nghĩa màn hình

Logic xử lý

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Bước | Thao tác | Thực hiện | Mô tả |
| 1 | Tìm kiếm thông tin | Người dùng | Người dùng nhập thông tin tìm kiếm |
|  |  | Hệ thống | * Hệ thống hiển thị bảng danh sách gợi ý gồm các thông tin gần nhất với từ khóa mà người dùng nhập, hiển thị tối đa 10 giá trị trong danh sách gợi ý. * **Trong trường hợp danh sách giá trị là người/ nhân viên, hệ thống hiển thị bảng suggest bao gồm thông tin**   + **<Ảnh đại diện>-<Tên đầy đủ nhân viên>-<LDAP>-<Vị trí>-<Khối>-<Phòng Ban>, trong đó**     - **<Tên đầy đủ nhân viên>=<Họ và tên đệm nhân viên> + <Tên nhân viên>** |
|  |  | Hệ thống | Hệ thống tìm kiếm thông tin người dùng nhập theo quy tắc:   * Hệ thống sẽ lọc ra các bản ghi có tất cả các giá trị thuộc tính chứa các từ khóa tìm kiếm tương ứng * Điều kiện chứa từ khóa là từ khóa xuất hiện ở bất kỳ vị trí nào trên chuỗi giá trị, không phân biệt hoa thường, tính cả thanh âm (VD: tìm Hà ra cả Hà, Thành, Nhà; nhưng không tìm ra Hân, Thắng, Nhã) * Ở phần Tìm kiếm cơ bản:   + Cho phép tìm kiếm theo 1 hoặc 1 số trường.   + Tìm kiếm theo điều kiện "hoặc": Nếu bản ghi có bất kỳ trường nào (Trong các trường đã define) có giá trị chứa từ khóa tìm kiếm thì đều hiển thị trên bảng kết quả     - Ví dụ: Ở màn hình Danh sách nhân viên cho phép tìm kiếm theo 3 trường [Mã nhân viên], [Số hợp đồng]       * Người dùng điền keyword là "12345"       * Bản ghi A có [Mã nhân viên] = 20392012345, [Số hợp đồng] = HĐ3983028       * Bản ghi B có [Mã nhân viên] = 32445027622, [Số hợp đồng] = HĐ1234578       * → Cả bản ghi A và B đều thỏa mãn, vì bản ghi A có [Số bảo lãnh] = 20392012345 chứa "12345" và bản ghi B có [Số hợp đồng] = HĐ1234578 chứa "12345" |
| 2 | Không tìm thấy thông tin | Người dùng | Người dùng nhập thông tin tìm kiếm |
|  |  | Hệ thống | + Hệ thống tìm kiếm thông tin người dùng nhập theo quy tắc tìm kiếm bên trên  => không tìm được bản ghi có giá trị tương ứng  => Hiển thị màn hình “Không tìm thấy”  + Nếu có bản ghi có giá trị thuộc tính chứa từ khóa tương ứng, hệ thống hiển thị bản ghi. |

|  |  |
| --- | --- |
| Target Sprint | Sprint.. |
| Module | BMS |
| Jira Ticket |  |
| Document Status | **review** |
| Document Owner | [Hanh. Nguy Thi My - CMC Global DU1.16](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~ntmhanh2) |
| Reviewer | [Tuan. Dong Anh - CMC Global TDX](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~datuan9) |
| Approver | [Tuan. Dong Anh - CMC Global TDX](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~datuan9) |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Version | Date | Author | Note | Jira Ticket |
| 0.1 | 10 May 2024 | [Hanh. Nguy Thi My - CMC Global DU1.16](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~ntmhanh2) | Tạo tài liệu |  |
|  |  |  |  |  |

#### Requirement Detail

Tác nhân

|  |  |
| --- | --- |
| Tác nhân | Người dùng được phân quyền đăng nhập vào hệ thống |
| Điều kiện trước | + Đăng nhập thành công vào hệ thống |
| Kết quả đạt được | + Hệ thống hiển thị các bản ghi có tất cả các giá trị thuộc tính chứa các từ khóa tìm kiếm tương ứng với từ khoá người dùng tìm kiếm |
| Trigger | Người dùng chọn tính năng Tìm kiếm thông tin |
| Ngoại lệ | N/A |

Màn hình





Textbox tìm kiếm

Hệ thống sẽ hiển thị màn hình “Không tìm thấy” khi không tìm được bản ghi có giá trị thuộc tính chứa từ khoá tương ứng

Định nghĩa màn hình

Logic xử lý

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Bước | Thao tác | Thực hiện | Mô tả |
| 1 | Tìm kiếm thông tin | Người dùng | Người dùng nhập thông tin tìm kiếm |
|  |  | Hệ thống | * Hệ thống hiển thị bảng danh sách gợi ý gồm các thông tin gần nhất với từ khóa mà người dùng nhập, hiển thị tối đa 10 giá trị trong danh sách gợi ý. * **Trong trường hợp danh sách giá trị là người/ nhân viên, hệ thống hiển thị bảng suggest bao gồm thông tin**   + **<Ảnh đại diện>-<Tên đầy đủ nhân viên>-<LDAP>-<Vị trí>-<Khối>-<Phòng Ban>, trong đó**     - **<Tên đầy đủ nhân viên>=<Họ và tên đệm nhân viên> + <Tên nhân viên>** |
|  |  | Hệ thống | Hệ thống tìm kiếm thông tin người dùng nhập theo quy tắc:   * Hệ thống sẽ lọc ra các bản ghi có tất cả các giá trị thuộc tính chứa các từ khóa tìm kiếm tương ứng * Điều kiện chứa từ khóa là từ khóa xuất hiện ở bất kỳ vị trí nào trên chuỗi giá trị, không phân biệt hoa thường, tính cả thanh âm (VD: tìm Hà ra cả Hà, Thành, Nhà; nhưng không tìm ra Hân, Thắng, Nhã) * Ở phần Tìm kiếm cơ bản:   + Cho phép tìm kiếm theo 1 hoặc 1 số trường.   + Tìm kiếm theo điều kiện "hoặc": Nếu bản ghi có bất kỳ trường nào (Trong các trường đã define) có giá trị chứa từ khóa tìm kiếm thì đều hiển thị trên bảng kết quả     - Ví dụ: Ở màn hình Danh sách nhân viên cho phép tìm kiếm theo 3 trường [Mã nhân viên], [Số hợp đồng]       * Người dùng điền keyword là "12345"       * Bản ghi A có [Mã nhân viên] = 20392012345, [Số hợp đồng] = HĐ3983028       * Bản ghi B có [Mã nhân viên] = 32445027622, [Số hợp đồng] = HĐ1234578       * → Cả bản ghi A và B đều thỏa mãn, vì bản ghi A có [Số bảo lãnh] = 20392012345 chứa "12345" và bản ghi B có [Số hợp đồng] = HĐ1234578 chứa "12345" |
| 2 | Không tìm thấy thông tin | Người dùng | Người dùng nhập thông tin tìm kiếm |
|  |  | Hệ thống | + Hệ thống tìm kiếm thông tin người dùng nhập theo quy tắc tìm kiếm bên trên  => không tìm được bản ghi có giá trị tương ứng  => Hiển thị màn hình “Không tìm thấy”  + Nếu có bản ghi có giá trị thuộc tính chứa từ khóa tương ứng, hệ thống hiển thị bản ghi. |

### Danh sách thông báo

### Danh sách việc cần làm (To-do-list)

|  |  |
| --- | --- |
| Target Sprint | Sprint.. |
| Module | BMS |
| Jira Ticket |  |
| Document Status | **reject** |
| Document Owner | [Hanh. Nguy Thi My - CMC Global DU1.16](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~ntmhanh2) |
| Reviewer | [Tuan. Dong Anh - CMC Global TDX](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~datuan9) |
| Approver | [Tuan. Dong Anh - CMC Global TDX](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~datuan9) |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Version | Date | Log change | Author | Note | Jira Ticket |
| 0.1 | 10 May 2024 | Tạo mới tài liệu | [Hanh. Nguy Thi My - CMC Global DU1.16](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~ntmhanh2) |  |  |

#### Requirement Detail

Tác nhân

|  |  |
| --- | --- |
| Tác nhân | Người dùng được phân quyền đăng nhập vào hệ thống |
| Điều kiện trước | + Đăng nhập thành công vào hệ thống |
| Kết quả đạt được | + View danh sách to -do list |
| Trigger | + Click icon |
| Ngoại lệ | N/A |

Màn hình

Màn hình To-do List

<https://www.figma.com/file/B314qalC7Ogwx1ELj793is/Bidding-UI?type=design&node-id=2110-25321&mode=design&t=OVHeVF93psAQMYBp-4>

Định nghĩa màn hình

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên | Kiểu hiển thị | Kiểu dữ liệu | Bắt buộc | Độ dài max | Định dạng | Mô tả |
| 1 | Icon Việc cần làm | Icon | N/A | N/A | N/A | N/A | + Khi Người dùng đăng nhập, icon  sẽ hiển thị dạng nếu Người dùng có việc cần làm mới và chưa click vào để xem danh sách việc cần làm  + Số lượng hiển thị bên trong = Số lượng Việc cần làm mới chưa xem  + Số lượng hiển thị tối đa 9, nếu > 9 thì hiển thị "9+"  **Lưu ý:** Định nghĩa việc xem là khi Người dùng click vào icon To-do → Ghi nhận đã xem toàn bộ noti mới |
| 2 | Việc cần làm | Label | N/A | N/A | N/A | N/A | + Hệ thống hiển thị tên của danh sách: "Việc cần làm" |
| 3 | Đóng | Icon | N/A | N/A | N/A | N/A | + Khi click vào icon này hoặc click ra ngoài khối danh sách, hệ thống sẽ ẩn khối danh sách Việc cần làm |
| 4 | Nội dung Việc cần làm | Text | N/A | N/A | N/A | N/A | + Hiển thị nội dung các Task mà Người dùng được gắn vào |

Logic xử lý

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Bước | Thao tác | Thực hiện | Mô tả |
| 1 | Hiển thị việc cần làm | Người dùng | Đăng nhập thành công vào hệ thống |
|  |  | Hệ thống | Hiển thị icon và số lượng việc người dùng chưa hoàn thành |
|  |  | Hệ thống | Noti được push trong vòng 30 ngày trở lại đây và được sắp xếp theo thứ tự được push gần nhất đến lâu nhất |
|  |  | Hệ thống | Hiển thị highlight các noti người dùng chưa đọc |
|  |  | Hệ thống | Hiển thị các công việc người dùng được gắn:   * Hoàn thiện profile: * Hệ thống sẽ kiểm tra các trường trong profile nhân sự => Các trường null được tính là chưa hoàn thành * Hiển thị phần trăm hoàn thành profile của user |

|  |  |
| --- | --- |
| Target Sprint | Sprint.. |
| Module | BMS |
| Jira Ticket |  |
| Document Status | **review** |
| Document Owner | [Hanh. Nguy Thi My - CMC Global DU1.16](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~ntmhanh2) |
| Reviewer | [Tuan. Dong Anh - CMC Global TDX](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~datuan9) |
| Approver | [Tuan. Dong Anh - CMC Global TDX](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~datuan9) |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Version | Date | Log change | Author | Note | Jira Ticket |
| 0.1 | 10 May 2024 | Tạo mới tài liệu | [Hanh. Nguy Thi My - CMC Global DU1.16](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~ntmhanh2) |  |  |

#### Requirement Detail

Tác nhân

|  |  |
| --- | --- |
| Tác nhân | Người dùng được phân quyền đăng nhập vào hệ thống |
| Điều kiện trước | + Đăng nhập thành công vào hệ thống |
| Kết quả đạt được | + View danh sách to -do list |
| Trigger | + Click icon |
| Ngoại lệ | N/A |

Màn hình

Màn hình To-do List

<https://www.figma.com/file/B314qalC7Ogwx1ELj793is/Bidding-UI?type=design&node-id=2110-25321&mode=design&t=OVHeVF93psAQMYBp-4>

Định nghĩa màn hình

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên | Kiểu hiển thị | Kiểu dữ liệu | Bắt buộc | Độ dài max | Định dạng | Mô tả |
| 1 | Icon Việc cần làm | Icon | N/A | N/A | N/A | N/A | + Khi Người dùng đăng nhập, icon  sẽ hiển thị dạng nếu Người dùng có việc cần làm mới và chưa click vào để xem danh sách việc cần làm  + Số lượng hiển thị bên trong = Số lượng Việc cần làm mới chưa xem  + Số lượng hiển thị tối đa 9, nếu > 9 thì hiển thị "9+"  **Lưu ý:** Định nghĩa việc xem là khi Người dùng click vào icon To-do → Ghi nhận đã xem toàn bộ noti mới |
| 2 | Việc cần làm | Label | N/A | N/A | N/A | N/A | + Hệ thống hiển thị tên của danh sách: "Việc cần làm" |
| 3 | Đóng | Icon | N/A | N/A | N/A | N/A | + Khi click vào icon này hoặc click ra ngoài khối danh sách, hệ thống sẽ ẩn khối danh sách Việc cần làm |
| 4 | Nội dung Việc cần làm | Text | N/A | N/A | N/A | N/A | + Hiển thị nội dung các Task mà Người dùng được gắn vào |

Logic xử lý

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Bước | Thao tác | Thực hiện | Mô tả |
| 1 | Hiển thị việc cần làm | Người dùng | Đăng nhập thành công vào hệ thống |
|  |  | Hệ thống | Hiển thị icon và số lượng việc người dùng chưa hoàn thành |
|  |  | Hệ thống | Noti được push trong vòng 30 ngày trở lại đây và được sắp xếp theo thứ tự được push gần nhất đến lâu nhất |
|  |  | Hệ thống | Hiển thị highlight các noti người dùng chưa đọc |
|  |  | Hệ thống | Hiển thị các công việc người dùng được gắn:   * Hoàn thiện profile: * Hệ thống sẽ kiểm tra các trường trong profile nhân sự => Các trường null được tính là chưa hoàn thành * Hiển thị phần trăm hoàn thành profile của user |

### Import/ export file

# Detail requirement\_SRS

## 1. Opportunity Listing (Ops list)

### 1.1 Xem danh sách Ops

|  |  |
| --- | --- |
| Target Sprint | Sprint |
| Module | BMS |
| Jira Ticket |  |
| Document Status | **ready for dev** |
| Document Owner | [Hanh. Nguy Thi My - CMC Global DU1.16](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~ntmhanh2) |
| Reviewer | [Thao. Dinh Thi Phuong - CMC Global DU1.33](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~dtpthao4) |
| Approver | [Tuan. Dong Anh - CMC Global TDX](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~datuan9) |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Version | Date | Author | Note | Jira Ticket |
| 0.1 | 13 May 2024 | [Hanh. Nguy Thi My - CMC Global DU1.16](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~ntmhanh2) | Tạo tài liệu |  |
| 0.2 | 20 Jun 2024 | [Trang. Hoang Thi Thu - CMC Global DU1.33](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~htttrang4) | Chỉnh sửa To do list tại Menu bar (highlight đỏ) |  |

#### Requirement Detail

Tác nhân

|  |  |
| --- | --- |
| Tác nhân | Người dùng được phân quyền xem danh sách Ops và được phân quyền với tệp dữ liệu tương ứng. |
| Điều kiện trước | Đăng nhập thành công vào hệ thống và có quyền thực hiện chức năng này |
| Kết quả đạt được | Hiển thị bảng danh sách Ops |
| Trigger | Người dùng chọn Ops listing trên Menu Bar |
| Ngoại lệ | N/A |

Màn hình Danh sách Op

<https://www.figma.com/file/B314qalC7Ogwx1ELj793is/Bidding-UI?type=design&node-id=0%3A1&mode=design&t=C7c3Akw2FTcf28l5-1>

Định nghĩa màn hình \_ Danh sách Op

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| # | Tên | Kiểu hiển thị | Kiểu dữ liệu | Bắt Buộc | Độ dài tối đa | Định dạng | Mô tả |
| **Mục Header** | | | | | | | |
|  | Logo |  | N/A | N/A | N/A | N/A | Khi người dùng click, hệ thống hiển thị trang chủ Op listing |
|  | Tên hệ thống | Label | N/A | N/A | N/A | N/A | Hiển thị tên màn hình |
| **Mục tìm kiếm và tiện ích** | | | | | | | |
|  | Tìm kiếm theo Pipeline, Customer name, Assignee, Ops name | Instant search | Text | N/A | 250 | Text | - Sau khi người dùng nhập các ký tự tìm kiếm, hệ thống hiển thị các bản ghi có trường Customer name/ Pipeline/ Op name,Assignee giống hoặc gần giống với ký tự đã nhập   * Logic xử lý chức năng tìm kiếm tham chiếu đến quy tắc [5.2 Tìm kiếm thông tin](#scroll-bookmark-19)OPs |
|  | Tìm kiếm theo Trạng thái "Status" | Multiple choice dropdown list  Instant search | Text | N/A | 250 | Text | Người dùng chọn giá trị Trạng thái của Ops để tìm kiếm  Danh sách giá trị:   * All * New * FAQ * Preparing * Reviewing * Awaiting for submission * Submitted * Presenting * Rejected * Succeeded * Deferred   Với giá trị là “All, hệ thống hiển thị các bản ghi tương ứng với tất cả các giá trị trạng thái đang tồn tại. |
|  |  | Icon | N/A | N/A | N/A | N/A | Khi người dùng click icon này, hệ thống hiển thị toàn bộ danh sách Op, sắp xếp theo thứ tự latest trường Create Date |
|  | Assignee | Multiple choice dropdown list | N/A | N/A | N/A | N/A | Default = All  Các giá trị hiển thị trong dropdown list được get data từ trường Assignee của các bản ghi Op đã được tạo |
|  | Du host | Multiple choice dropdown list | N/A | N/A | N/A | N/A | Các giá trị hiển thị trong dropdown list được get data từ trường DU host của các bản ghi Op đã được tạo & theo phân quyền ["Matrix permission"](#scroll-bookmark-20) |
|  | Bid owner | Multiple choice dropdown list | N/A | N/A | N/A | N/A | Các giá trị hiển thị trong dropdown list được get data từ trường Bid owner của các bản ghi Op đã được tạo & theo phân quyền ["Matrix permission"](#scroll-bookmark-20) |
|  | BU | Multiple choice dropdown list | N/A | N/A | N/A | N/A | Các giá trị hiển thị trong dropdown list được get data từ trường BU của các bản ghi Op đã được tạo & theo phân quyền ["Matrix permission"](#scroll-bookmark-20) |
|  | G owner | Multiple choice dropdown list | N/A | N/A | N/A | N/A | Các giá trị hiển thị trong dropdown list được get data từ trường Group của các bản ghi Op đã được tạo & theo phân quyền ["Matrix permission"](#scroll-bookmark-20)  Trường Group kéo từ CRM system theo key là trường Pipeline |
|  | Reviewer | Multiple choice dropdown list | N/A | N/A | N/A | N/A | Các giá trị hiển thị trong dropdown list được get data từ trường các trường Reviewer của các bản ghi Op đã được tạo && theo phân quyền ["Matrix permission"](#scroll-bookmark-20)  Reviewer 1: Sale (tương đương Bid Owner)  Reviewer 2: G-lead  Reviewer 3: CDO  Reviewer 4: CEO |
|  | Thêm mới Ops | Button | N/A | N/A | N/A | N/A | Người dùng click button "Create Ops"  => Hệ thống tham chiếu tính năng [Thêm mới Ops](#scroll-bookmark-21) |
|  | | | | | | | |
|  | *Xem chi tiết của một Ops* | *Hyperlink* | *N/A* | *N/A* | *N/A* | *N/A* | *Người dùng click vào hyperlink tại cột Pipeline, hệ thống hiển thị màn hình chi tiết bản ghi đó. Tham chiếu đến* [*Xem chi tiết Ops: Link*](#scroll-bookmark-22) |
|  | No | Label | N/A | N/A | N/A | N/A | Số thứ tự của các bản ghi, phải là số nguyên, bắt đầu từ 1, không được là số thập phân. |
|  | Lọc | Dropdown | N/A | N/A | N/A | N/A | Hiển thị filter lọc các trường:   * Assignee * Status * DU host * Bid owner * BU host * Reviewer * G owner   Logic xử lý: Tham chiếu: Mục [*Tìm kiếm và lọc thông tin Ops*](#scroll-bookmark-19) |
|  | Create date | Date | N/A | N/A | N/A | N/A | Hiển thị ngày tạo Op |
|  | Pipeline | Hyperlink | N/A | N/A | N/A | N/A | Click ID Pipeline thì hệ thống hiển thị màn hình view chi tiết của OPs tương ứng [2.3 Xem chi tiết Ops](#scroll-bookmark-22) |
|  | Customer name | Label | N/A | N/A | N/A | N/A | Hiển thị tên Khách hàng |
|  | OP name | Label | N/A | N/A | N/A | N/A | Hiển thị tên Op |
|  | Deadline | Label | N/A | N/A | N/A | N/A | Hiển thị deadline của step đó |
|  | Status | Label | N/A | N/A | N/A | N/A | Hiển thị trạng thái của Op |
|  | Order Type | Label | N/A | N/A | N/A | N/A | Hiển thị loại Op |
|  | G-Owner | Label | N/A | N/A | N/A | N/A | Hiển thị G owner của Op |
|  | DU host | Label | N/A | N/A | N/A | N/A | Hiển thị DU của Op |
|  | Bid Owner | Label | N/A | N/A | N/A | N/A | Hiển thị LDAP người tạo Op |

Logic xử lý

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Bước | Thao tác | Thực hiện | Mô tả |
| 1 | Xem bảng danh sách Ops | Người dùng | Người dùng chọn “Ops listing" của phân hệ Bidding trên Menu bar |
|  |  | Hệ thống | Hiển thị Màn hình danh sách Ops với tệp dữ liệu mà người dùng được phân quyền. |
|  |  | Hệ thống | Sắp xếp bản ghi theo thứ tự ngày tạo mới nhất (create date) của bản ghi |
| 2 | Tìm kiếm, lọc thông tin Ops | Người dùng | Người dùng tìm kiếm thông tin Ops theo :  Pipeline, Customer name, Assignee, Ops name |
|  |  | Hệ thống | Tham chiếu[Tìm kiếm thông tin Ops](#scroll-bookmark-19) |
|  |  | Người dùng | Người dùng filter thông tin Ops theo :   * Assignee * Status * DU host * Bid owner * BU * Reviewer * G owner |
|  |  | Hệ thống | Tham chiếu [Tìm kiếm thông tin Ops](#scroll-bookmark-19) |
| 3 | Click To Do List tại Menu | Người dùng | click To do List tại Menu bar |
|  |  | Hệ thống | Hệ thống hiển thị danh sách Op theo role.  Bid Owner: hiển thị cac Op do bid owner đó tạo  Bidder: hiển thị các Op đang được assign đến Bidder đó  Glead: hiển thị danh sách Op đang ở bước review của Glead (stage = reviewing)  CDO: hiển thị danh sách Op đang ở bước review của CDO (stage = reviewing)  CEO: hiển thị danh sách Op đang ở bước review của CEO (stage = reviewing)  BU lead:  -Nếu BU lead kiêm nhiệm thêm quyền, sẽ nhìn thấy danh sách Op như định nghĩa tại mỗi role. - Còn không kiêm nhiệm quyền khác, không hiển thị bản ghi nào  DU lead:  -DU lead sẽ nhìn thấy các Op được assign đến (dựa theo trường Assignee của bản ghi) -Nếu DU lead kiêm nhiệm thêm quyền, sẽ nhìn thấy danh sách Op như định nghĩa tại mỗi role. |

### 1.2. Tìm kiếm và lọc thông tin Ops

|  |  |
| --- | --- |
| Target Sprint | Sprint.. |
| Module | BMS |
| Jira Ticket |  |
| Document Status | **ready for dev** |
| Document Owner | [Hanh. Nguy Thi My - CMC Global DU1.16](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~ntmhanh2) |
| Reviewer | [Tuan. Dong Anh - CMC Global TDX](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~datuan9) |
| Approver | [Tuan. Dong Anh - CMC Global TDX](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~datuan9) |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Version | Date | Author | Note | Jira Ticket |
| 0.1 | 13 May 2024 | [Hanh. Nguy Thi My - CMC Global DU1.16](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~ntmhanh2) | Tạo tài liệu |  |
| 0.2 | ... | .. |  |  |

#### Requirement Detail

Tác nhân

|  |  |
| --- | --- |
| Tác nhân | Người dùng được phân quyền tìm kiếm các thông tin Ops trên màn hình Danh sách Ops |
| Điều kiện trước | Đăng nhập thành công vào hệ thống và có quyền thực hiện chức năng này  Người dùng được phân quyền xem tệp dữ liệu tương ứng. |
| Kết quả đạt được | Hiển thị được các Ops liên quan đến giá trị được người dùng tìm kiếm và (hoặc) lọc theo các trường |
| Trigger | Người dùng chọn tính năng Thông tin OPs, nhập điều kiện tìm kiếm hoặc chọn lọc trạng thái Ops và nhấn Enter |
| Ngoại lệ | N/A |

Màn hình Thêm Op mới

<https://www.figma.com/file/B314qalC7Ogwx1ELj793is/Bidding-UI?type=design&node-id=2164%3A40010&mode=design&t=59uAw3FGlYIldpz3-1>

Định nghĩa màn hình

Tham khảo màn hình tại [5.1 Xem danh sách Ops](#scroll-bookmark-17)

Logic xử lý

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Bước | Thao tác | Thực hiện | Mô tả |
| 1 | Xem bảng danh sách Ops | Người dùng | Người dùng chọn “Ops listing" của phân hệ BMS trên Menu bar |
|  |  | Hệ thống | Hiển thị bảng danh sách Op với những dữ liệu hiện có trong DB. Nếu không có dữ liệu nào, hệ thống hiển thị màn hình”Không tìm thấy” |
| 2 | Tìm kiếm Ops | Người dùng | Người dùng nhập giá trị:  Pipeline, Customer name, Assignee, Ops name cần tìm vào thanh tìm kiếm. |
|  |  | Hệ thống | Validate dữ liệu mà người dùng đã nhập theo dữ liệu trên.   Hệ thống sẽ lọc ra các bản ghi có tất cả giá trị thuộc tính chứa từ khoá tương ứng và hiển thị gợi ý cho người dùng   Hệ thống hiển thị tối đa 7 giá trị gợi ý. |
|  |  | Người dùng | Click vào gợi ý |
|  |  | Hệ thống | Tham chiếu đến bản ghi tương ứng và hiển thị trên màn hình |
| 3 | Tìm kiếm | Người dùng | Nhấn phím Enter trên bàn phím |
|  |  | Hệ thống | +Nếu không tìm thấy bản ghi có giá trị thuộc tính chứa từ khoá tương ứng, hệ thống hiển thị màn hình “Không tìm thấy”  + Nếu có bản ghi có giá trị thuộc tính chứa từ khóa tương ứng, hệ thống hiển thị các kết quả liên quan ngay trên danh sách Ops  + Điều kiện từ khoá tương ứng tham chiếu quy tắc tìm kiếm  [2.1 Tính năng tìm kiếm](https://wiki.cmcglobal.com.vn/pages/viewpage.action?pageId=90574607&src=contextnavpagetreemode) |

 Logic xử lý tìm kiếm

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Bước | Thao tác | Thực hiện | Mô tả |
| 1 | Tìm kiếm thông tin | Người dùng | Người dùng nhập thông tin tìm kiếm |
|  |  | Hệ thống | * Hệ thống hiển thị bảng danh sách gợi ý gồm các thông tin chứa từ khóa mà người dùng nhập, hiển thị tối đa 7 giá trị trong danh sách gợi ý. * Trong trường hợp danh sách giá trị là người/ nhân viên, hệ thống hiển thị bảng suggest bao gồm thông tin   + <OPs name>-<Pipeline>-<Customer Name>-< Assignee> |
|  |  | Hệ thống | Hệ thống tìm kiếm thông tin người dùng nhập theo quy tắc:   * Hệ thống sẽ lọc ra các bản ghi có tất cả các giá trị thuộc tính chứa các từ khóa tìm kiếm tương ứng * Điều kiện chứa từ khóa là từ khóa xuất hiện ở bất kỳ vị trí nào trên chuỗi giá trị, không phân biệt hoa thường, tính cả thanh âm (VD: tìm Hà ra cả Hà, Thành, Nhà; nhưng không tìm ra Hân, Thắng, Nhã) * Ở phần Tìm kiếm cơ bản:   + Cho phép tìm kiếm theo 1 hoặc 1 số trường.   + Tìm kiếm theo điều kiện "Và": Nếu bản ghi có bất kỳ trường nào (Trong các trường đã define) có giá trị chứa từ khóa tìm kiếm thì đều hiển thị trên bảng kết quả   => search tương đối |
|  |  | Hệ thống | + Hệ thống tìm kiếm thông tin người dùng nhập theo quy tắc tìm kiếm bên trên  => không tìm được bản ghi có giá trị tương ứng  => Hiển thị màn hình “Không tìm thấy”  + Nếu có bản ghi có giá trị thuộc tính chứa từ khóa tương ứng, hệ thống hiển thị bản ghi. |

Logic xử lý (Filter)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Bước | Thao tác | Thực hiện | Mô tả |
| 1 | Xem bảng danh sách Ops | Người dùng | Người dùng chọn "Ops listing" trên Menu bar |
|  |  | Hệ thống | Hiển thị bảng danh sách OPs với những dữ liệu đã được tải lên |
| 2 | Filter theo cột | Người dùng | Người dùng filter theo từng cột thông tin được cho phép filter trên bảng Danh sách Ops:   * Người dùng có thể filter theo từng cột thông tin cho phép filter * Người dùng chọn một giá trị trong dropdown list giá trị của filter của các trường * Người dùng tích chọn trong danh sách giá trị filter, khi người dùng outfocus khỏi dropdown list filter, hệ thống bắt đầu quá trình lọc dữ liệu. |
|  |  | Hệ thống | Hệ thống xử lý logic filter:   * Nếu không có filter nào được chọn, hệ thổng hiển thị tất cả thông tin được load ra trên bảng danh sách theo phân quyền chức năng và phân quyền theo tệp dữ liệu của người dùng * Filter sau sẽ lọc trên tệp dữ liệu của filter trước:   + Ví dụ:     - Lần 1 dùng filter, người dùng chọn filter theo Khối G1     - Lần 2 dùng filter, hệ thống sẽ lọc trên tệp dữ liệu kết quả của lần 1 mà người dùng đã chọn     - Lần 3 dùng filter, hệ thống sẽ lọc trên tệp dữ liệu kết quả của lần 2 mà người dùng đã chọn     - ..... * Khi người dùng reload lại trang, hệ thống reset tất cả các filter, đưa màn hình về chế độ mặc định (không filter nào được chọn) |

## 2. CRUD Ops

### 2.1. Tạo mới Ops

|  |  |
| --- | --- |
| Target Sprint | Sprint.. |
| Module | BMS |
| Jira Ticket |  |
| Document Status | **review** |
| Document Owner |  |
| Reviewer | [Tuan. Dong Anh - CMC Global TDX](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~datuan9) |
| Approver | [Tuan. Dong Anh - CMC Global TDX](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~datuan9) |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Version | Date | Author | Note | Jira Ticket |
| 0.1 | 15 May 2024 | [Hanh. Nguy Thi My - CMC Global DU1.16](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~ntmhanh2) | Tạo tài liệu |  |
| 0.2 | 20 Jun 2024 | [Trang. Hoang Thi Thu - CMC Global DU1.33](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~htttrang4) | Chỉnh sửa tên trường  (highlight đỏ) |  |

#### Requirement Detail

Tác nhân

|  |  |
| --- | --- |
| Tác nhân | Người dùng được phân quyền thêm OPs. Tham chiều theo mục: [Permission Matrix](#scroll-bookmark-20) |
| Điều kiện trước | + Đăng nhập thành công vào hệ thống và có quyền thực hiện chức năng này |
| Kết quả đạt được | Hiển thị màn hình Thêm mới OPs |
| Trigger | Người dùng chọn truy cập màn hình Ops Listing, Click button "Create Ops" điền thông tin và nhấn button “save" |
| Ngoại lệ | N/A |

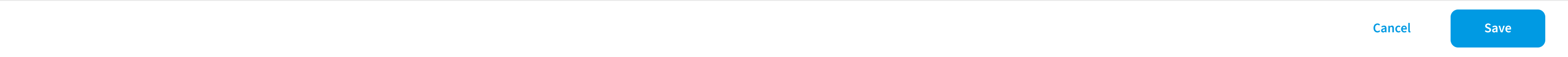
Màn hình Thêm Ops

<https://www.figma.com/design/B314qalC7Ogwx1ELj793is/Bidding-UI?node-id=2192-15048&t=uSM1GwLuIaT45KFq-4>

Định nghĩa màn hình

Người dùng có thể click vào button "Thu gọn/Mở rộng" để thu gọn/mở rộng các section trong một tab.

Thêm Ops\_ footer button



|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| # | Tên | Kiểu hiển thị | Kiểu dữ liệu | Bắt Buộc | Độ dài tối đa | Định dạng | Mô tả |
|  | Footer | | | | | | |
|  | Cancel button | Button | N/A | N/A | N/A | N/A | Khi nhấn button này, nếu trên màn hình có ít nhất một trường dữ liệu được điền,   * Tiêu đề: Xác nhận * Nội dung: Are you sure to cancel? * Button: Yes | No   + Nếu người dùng nhấn button Yes, hệ thống không lưu dữ liệu mà người dùng vừa nhập, hiển thị màn hình trước đó của người dùng.   + Nếu người dúng nhấn No, hệ thống đóng popup và không xử lý gì thêm   Hủy tất cả các thông tin đã điền |
|  | Save button | Button | N/A | N/A | N/A | N/A | Khi người dùng nhấn button này, hệ thống trigger logic xử lý phía dưới |

Thêm mới Ops \_Tab Thông tin chung

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| # | Tên | Kiểu hiển thị | Kiểu dữ liệu | Bắt Buộc | Độ dài tối đa | Định dạng | Mô tả |
| **General Info** | | | | | | | |
|  | Priority | Tag | Text | Có | N/A | N/A | Sau khi người dùng chọn giá trị tại trường Priority, giá trị sẽ hiển thị dưới dạng tag bên General info.  Không được Edit thông tin tại mục này. |
|  | Status | Tag | Text | Có | N/A | N/A | Sau khi người dùng chọn giá trị tại trường Status, giá trị sẽ hiển thị dưới dạng tag bên General info.  Không được Edit thông tin tại mục này. |
|  | Order type | Tag | Text | Có | N/A | N/A | Khi trường Order type có giá trị cụ thể, giá trị sẽ hiển thị dưới dạng tag bên General info.  Không được Edit thông tin tại mục này. |
|  | DU host | Textbox | Text | Có | N/A | N/A | Khi trường DU host có giá trị cụ thể, giá trị sẽ hiển thị bên General info.  Không được Edit thông tin tại mục này. |
|  | BU | Textbox | Text | Có | N/A | N/A | Khi trường BU có giá trị cụ thể, giá trị sẽ hiển thị bên General info.  Không được Edit thông tin tại mục này. |
|  | Bid owner | Textbox | Text | Có | N/A | N/A | Khi trường Bid owner có giá trị cụ thể, giá trị sẽ hiển thị bên General info  Không được Edit thông tin tại mục này. |
|  | Bidding Start date | Textbox | Date | Có | N/A | N/A | Khi trường Bidding Start date có giá trị cụ thể, giá trị sẽ hiển thị bên General info.  Không được Edit thông tin tại mục này. |
|  | Bidding End date | Textbox | Date | Có | N/A | N/A | Khi trường Bidding End date có giá trị cụ thể, giá trị sẽ hiển thị bên General info.  Không được Edit thông tin tại mục này. |
| **Thông tin chung của Ops** | | | | | | | |
|  | Pipeline | Text box | Text | Có | N/A | N/A | Get data từ CRM system, trường Pipeline Key  Hiển thị dạng Vừa input, vừa dropdown list (rule: user nhập 1 vài ký tự, tự động hiển thị gợi ý các giá trị trùng với ký tự nhập) Sales chỉ được select và view data của BU của sales đó |
|  | Man Month | Text box | Number | Có | N/A | N/A | Người dùng nhập thông tin |
|  | Op name | Text box | Text | Có | N/A | N/A | Get data từ CRM system trường Project name & read only |
|  | Customer name | Text box | Text | Có | N/A | N/A | Get data từ CRM system trường Customer name & read only |
|  | Order type | Text box | Text | Có | N/A | N/A | Get data từ CRM system trường Order type & read only |
|  | Industries | Text box | Text | Có | N/A | N/A | Get data từ CRM system trường Industries & read only |
|  | Skill | Text box | Text | Có | N/A | N/A | Cho nhập nhiều giá trị, autocomplete |
|  | Project duration | Text box | Number | Có | N/A | N/A | Người dùng nhập thông tin |
|  | Expected Price | Text box | Number | Có | N/A | N/A | Người dùng nhập số và chọn đơn vị tiền tệ tương ứng (USD, JPY, KRW, VND, GBP, EUR, SGD, AUD).  Lưu dữ liệu của trường Price gồm số + đơn vị tiền tệ dưới db. |
|  | Priority | Dropdown list Single choice | Text | Có | N/A | N/A | Người dùng chọn giá trị  Các giá trị trong trường sắp xếp theo thứ tự:  +) Highest +) High +) Medium  +) Low |
|  | Assignee | Dropdown list Single choice | Text | Có | N/A | N/A | Tự động hiển thị giá trị DU lead của Op |
|  | Status | Dropdown list Single choice | Text | Có | N/A | N/A | Người dùng chọn giá trị  Các giá trị trong trường sắp xếp theo thứ tự:  +) 1. New +) 2. FAQ +) 3. Preparing +) 4. Reviewing  +) 5. Awaiting for Submission  +) 6. Submitted  +) 7. Presenting  +) 8.1. Succeeded  +) 8.2. Rejected  +) 8.3. Deferred |
|  | Service | Text box | Text | Có | N/A | N/A | Get data từ CRM system trường Service & read only |
|  | Subservice | Text box | Text | Có | N/A | N/A | Get data từ CRM system trường Subservice & read only |
|  | Technology | Droplist | Text | Có | N/A | N/A | Get data từ CRM system trường Technology & Edit; |
|  | Du host | Text box | Text | Có | N/A | N/A | Get data từ CRM system trường Du host  & read only |
|  | BU | Text box | Text | Có | N/A | N/A | Get data từ CRM system trường BU  & read only |
|  | Bid Owner | Text box | Text | Có | N/A | N/A | Get data từ CRM system trường Bid Owner  & read only |
|  | Pipline Segment | Text box | Text | Có | N/A | N/A | Get data từ CRM system trường Pipline Segment & read only |
|  | Country | Text box | Text | Có | N/A | N/A | Get data từ CRM system trường Country & read only |
|  | Bidding Start date | Calender Picker | Text | Có | N/A | DD/MM/YYYY | Người dùng nhập thông tin hoặc chọn ngày trên lịch |
|  | Bidding End date | Calender Picker | Text | Có | N/A | DD/MM/YYYY | Người dùng nhập thông tin hoặc chọn ngày trên lịch |
|  | Related document | Hyperlink | Text | Không | N/A | N/A | Người dùng nhập thông tin |
|  | Description | Textbox | Text | Không | 200 ký tự | N/A | Người dùng nhập thông tin |
|  | See more | hyperlink | Button | Yes | N/A | N/A | "See more" để expand to view all |

Thêm mới Ops \_Tab Thông tin stage tạo mới Ops

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| # | Tên | Kiểu hiển thị | Kiểu dữ liệu | Bắt Buộc | Độ dài tối đa | Định dạng | Mô tả |
| **Các step của Ops (follow design)** | | | | | | | |
|  | Số thứ tự step | Icon + number | Number | Có | N/A | N/A | * Hệ thống fix hardcode 8 steps như design * User click vào từng step thì không chuyển trạng thái. Nếu muốn chuyển trạng thái thì edit ở trường Status. |
|  | Tên các step | Text box | Text | Có | N/A | N/A | Tên các step tương ứng với từng status. |
|  | Deadline | Calender Picker | Date | không | N/A | DD/MM/YYYY | Người dùng chọn deadline theo từng stage  +) Deadline của stage sau lớn hơn hoặc bằng stage trước.  Ví dụ:  Deadline stage New là ngày 01/01/2024 => thì Deadline của stage "FAQ" chọn ngày deadline lớn hơn hoặc bằng ngày 01/01/2024. |
|  | Hide deadline | Collapse expand | Text | Có | N/A | N/A | Người dùng chọn 1 giá trị   * Nếu giá trị = "Hide deadline" thì ẩn thông tin deadline (default) * Nếu giá trị = "Show deadline" thì hiện thông tin deadline |
| **Thông tin Porfolio (mục tài liêu) (follow design)** | | | | | | | |
|  | Portfolio | Textbox | Text | Có | N/A | N/A | Hệ thống fix hardcode 6 danh mục porfolio   1. Requirement Understanding and Scope of work 2. Technical Proposal 3. Delivery Plan 4. Cost and Payment Milestone 5. Reference case study & CV 6. Others |
|  | Actor reviewer | Textbox | Text | Có | N/A | N/A | Hệ thống fix hardcode 5 actors   1. Asignee 2. Reviewer 1 (Sale) 3. Reviewer 2 (G-lead) 4. Reviewer 3 (CDO) 5. Reviewer 4 (CEO) |
|  | Check box | Choose | Check box | Có | N/A | N/A | 1. Checkbox chọn Porfolio được required cho Ops:  Người dùng click chọn enable → thì cần được bắt buộc nộp tài liệu cho danh mục được chọn (ngược lại) 2. Checkbox chọn Reviewer được required review cho Ops:  Người dùng click chọn enable → thì Reviewer cần được bắt buộc tham gia vào quá trình phê duyệt tài liệu (ngược lại) |

Thêm mới Ops \_Tab Comment/ History

[Refer tính năng Comment/ History : Link](#scroll-bookmark-26)

Logic xử lý

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Bước | Thao tác | Thực hiện | Mô tả |
| 1 | Tạo "Ops" | Người dùng | Chọn button “Create Ops” |
|  |  | Hệ thống | Hiển thị màn hình Thêm Ops |
| 2 | Nhấn button "Save” | Người dùng | Người dùng nhấn button “Save” |
|  |  | Hệ thống | Hiển thị Popup xác nhận |
|  | Nhấn button Yes | Người dùng | Người dùng nhấn button Yes |
|  |  | Hệ thống | Hệ thống Lưu bản ghi thành công |
| 3 | Nhấn button No | Người dùng | Người dùng nhấn button No |
|  |  | Hệ thống | Hiển thị màn hình nhập thông tin Op tạo mới |
|  | Xác thực dữ liệu BE | Hệ thống | Xác thực dữ liệu dưới BE gồm các quy tắc xác thực được mô tả trong màn hình Thêm OPs, ngoài ra xác thực thêm các điều kiện sau:   * Mặc định OPs mới tạo sẽ có [Trạng thái] = “New”, người dùng có thể thay đổi trạng thái này sau khi tạo mới. * Hệ thống tự sinh ID Ops trong database với quy tắc OPS <xxxxxx>  +) OPS: mặc định  +) XXXXXX: dãy số tự nhiên dương có 6 chữ số, tự động sinh theo thứ tự tăng dần từ 000001 → 999999 * Hệ thống check required các trường thông tin. Hiển thị "Required field" (highlight đỏ) với các trường bắt buộc không điền.   => Lưu dữ liệu người dùng vừa tạo mới vào DB, hiển thị các dữ liệu đó trên màn hình Thông tin chi tiết Ops với dữ liệu vừa tạo. |

### 2.2. Chỉnh sửa thông tin của Ops

|  |  |
| --- | --- |
| Target Sprint | Sprint.. |
| Module | BMS |
| Jira Ticket |  |
| Document Status | **review** |
| Document Owner | [Hanh. Nguy Thi My - CMC Global DU1.16](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~ntmhanh2) |
| Reviewer | [Tuan. Dong Anh - CMC Global TDX](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~datuan9) |
| Approver | [Tuan. Dong Anh - CMC Global TDX](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~datuan9) |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Version | Date | Author | Note | Jira Ticket |
| 0.1 | 16 May 2024 | [Hanh. Nguy Thi My - CMC Global DU1.16](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~ntmhanh2) | Tạo tài liệu |  |
| 0.2 | 20 Jun 2024 | [Trang. Hoang Thi Thu - CMC Global DU1.33](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~htttrang4) | Chỉnh sửa tên trường + rule tick checkbox của Portfolio (highlight đỏ) |  |

#### Requirement Detail

Tác nhân

|  |  |
| --- | --- |
| Tác nhân | Người dùng được phân quyền chỉnh sửa thông tin Ops theo permission matrix |
| Điều kiện trước | Đăng nhập thành công vào hệ thống và có quyền thực hiện chức năng này |
| Kết quả đạt được | Hiển thị bảng Chỉnh sửa thông tin OPs |
| Trigger | Người dùng chọn tính năng Chỉnh sửa thông tin Ops |
| Ngoại lệ | N/A |

Màn hình Edit Ops

<https://www.figma.com/design/B314qalC7Ogwx1ELj793is/Bidding-UI?node-id=0%3A1&t=xmrhDQcaurmDyfxf-1>  
<https://www.figma.com/file/IKB8xNPbIYdhDWp12rROFz/Payroll-%26-EC?type=design&node-id=1-3&mode=design&t=fe9aGdlIYaUmEOYJ-0>

Định nghĩa màn hình

Chỉnh sửa thông tin \_Tab Thông tin chung

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| # | Tên | Kiểu hiển thị | Kiểu dữ liệu | Bắt Buộc | Độ dài tối đa | Định dạng | Mô tả |
| **General Info** | | | | | | | |
|  | Priority Tag | Tag | Text | Có | N/A | N/A | Không được Edit thông tin tại mục này. |
|  | Status tag | Tag | Text | Có | N/A | N/A | Không được Edit thông tin tại mục này. |
|  | Order type tag | Tag | Text | Có | N/A | N/A | Không được Edit thông tin tại mục này. |
|  | DU host | Textbox | Text | Có | N/A | N/A | Không được Edit thông tin tại mục này. |
|  | BU | Textbox | Text | Có | N/A | N/A | Không được Edit thông tin tại mục này. |
|  | Bid Owner | Textbox | Text | Có | N/A | N/A | Không được Edit thông tin tại mục này. |
|  | Bidding Start date | Date | Date | Có | N/A | N/A | Không được Edit thông tin tại mục này. |
|  | Bidding End date | Date | Date | Có | N/A | N/A | Không được Edit thông tin tại mục này. |
| **Thông tin chung của Ops** | | | | | | | |
|  | Pipeline | Text box | Text | Có | N/A | N/A | Không được Edit thông tin tại mục này. |
|  | Op Name | Text box | Text | Có | N/A | N/A | Không được Edit thông tin tại mục này. |
|  | Customer name | Text box | Text | Có | N/A | N/A | Không được Edit thông tin tại mục này. |
|  | Order type | Text box | Text | Có | N/A | N/A | Không được Edit thông tin tại mục này. |
|  | Industries | Text box | Text | Có | N/A | N/A | Không được Edit thông tin tại mục này. |
|  | Skill | Text box | Text | Có | N/A | N/A | Tham chiếu chức năng [2.1. Tạo mới Ops](#scroll-bookmark-21) tại [Tab Thông tin chung](#scroll-bookmark-21)  Cho phép chỉnh sửa và  người dùng nhập tay thêm giá trị |
|  | Project duration | Text box | Number | Có | N/A | N/A | Tham chiếu chức năng [2.1. Tạo mới Ops](#scroll-bookmark-21) tại [Tab Thông tin chung](#scroll-bookmark-21) |
|  | Expected Price | Text box | Number | Có | N/A | N/A | Tham chiếu chức năng [2.1. Tạo mới Ops](#scroll-bookmark-21) tại [Tab Thông tin chung](#scroll-bookmark-21)  **NOTE:** Chỉ các role Bid Owner, DU lead, BU Lead, CEO, CDO mới có quyền View giá trị của trường này. Các role khác sẽ không view được  hiển thị dưới dạng |
|  | Man Month | Text box | Number | Có | N/A | N/A | Tham chiếu chức năng [2.1. Tạo mới Ops](#scroll-bookmark-21) tại [Tab Thông tin chung](#scroll-bookmark-21) |
|  | Priority | Dropdown list Single choice | Text | Có | N/A | N/A | Tham chiếu chức năng [2.1. Tạo mới Ops](#scroll-bookmark-21) tại [Tab Thông tin chung](#scroll-bookmark-21) |
|  | Assignee | Dropdown list Single choice | Text | Có | N/A | N/A | Tham chiếu chức năng [2.1. Tạo mới Ops](#scroll-bookmark-21) tại [Tab Thông tin chung](#scroll-bookmark-21) |
|  | Status | Dropdown list Single choice | Text | Có | N/A | N/A | Tham chiếu chức năng [2.1. Tạo mới Ops](#scroll-bookmark-21) tại [Tab Thông tin chung](#scroll-bookmark-21) |
|  | Service | Text box | Text | Có | N/A | N/A | Không được Edit thông tin tại mục này. |
|  | Subservice | Text box | Text | Có | N/A | N/A | Không được Edit thông tin tại mục này. |
|  | Technology | Droplist | Text | Có | N/A | N/A | Người dùng được chọn giá trị trong droplist |
|  | Du host | Text box | Text | Có | N/A | N/A | Không được Edit thông tin tại mục này. |
|  | BU | Text box | Text | Có | N/A | N/A | Không được Edit thông tin tại mục này. |
|  | Bid Owner | Text box | Text | Có | N/A | N/A | Không được Edit thông tin tại mục này. |
|  | Pipline Segment | Text box | Text | Có | N/A | N/A | Không được Edit thông tin tại mục này. |
|  | Country | Text box | Text | Có | N/A | N/A | Không được Edit thông tin tại mục này. |
|  | Bidding Start date | Calender picker | Date | Có | N/A | N/A | Tham chiếu chức năng [2.1. Tạo mới Ops](#scroll-bookmark-21) tại [Tab Thông tin chung](#scroll-bookmark-21) |
|  | Bidding End date | Calender picker | Date | Có | N/A | N/A | Tham chiếu chức năng [2.1. Tạo mới Ops](#scroll-bookmark-21) tại [Tab Thông tin chung](#scroll-bookmark-21) |
|  | Related document | Hyperlink | Text | Không | N/A | N/A | Tham chiếu chức năng [2.1. Tạo mới Ops](#scroll-bookmark-21) tại [Tab Thông tin chung](#scroll-bookmark-21) |
|  | Description | Textbox | Text | Không | Limited 200 ký tự | N/A | Tham chiếu chức năng [2.1. Tạo mới Ops](#scroll-bookmark-21) tại [Tab Thông tin chung](#scroll-bookmark-21) |
|  | See more | hyperlink | Button | Có | N/A | N/A | "See more" để expand to view all |

Chỉnh sửa thông tin Ops\_TabThông tin Porfolio (mục tài liêu)/ reviewer\_Status New



|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên | Kiểu hiển thị | Kiểu dữ liệu | Bắt buộc | Độ dài max | Định dạng | Mô tả | Noted |
| General Info | | | | | | | |  |
|  | Mục tài liệu | Textbox | Text | Có | N/A | N/A | Không được chỉnh sửa Tham chiếu chức năng [2.1. Tạo mới Ops](#scroll-bookmark-21) tại [Tab Thông tin chung](#scroll-bookmark-21) |  |
|  | Actor reviewer | Textbox | Text | Có | N/A | N/A | Không được chỉnh sửa  Tham chiếu chức năng [2.1. Tạo mới Ops](#scroll-bookmark-21) tại [Tab Thông tin chung](#scroll-bookmark-21) |  |
|  | Check box | Choose | Check box | Có | N/A | N/A | +) Cho phép chỉnh sửa, tại trạng thái New, Tham chiếu chức năng [2.1. Tạo mới Ops](#scroll-bookmark-21) tại [Tab Thông tin chun](#scroll-bookmark-21)g  ***Lưu ý:*** *Người* *dùng* *phải click chọn* *theo* *thứ* *tự Assignee – Reviewer 1 – Reviewer 2 – Reviewer 3 – Reviewer 4.*  *VD: Nếu Reviewer 2 không* *được* *chọn* *thì Reviewer 3, 4 sẽ* *không* *tick* *checkbox* *được* |  |

Chỉnh sửa thông tin Ops\_ CRUD event \_status FAQ

[Refer tính năng CRUD Event : Link](#scroll-bookmark-29)

Chỉnh sửa thông tin Ops\_ Upload file \_Status Preparing

[Refer tính năng Upload file : Link](#scroll-bookmark-30)

Chỉnh sửa thông tin Ops\_ Approval/Reject \_status Reviewing

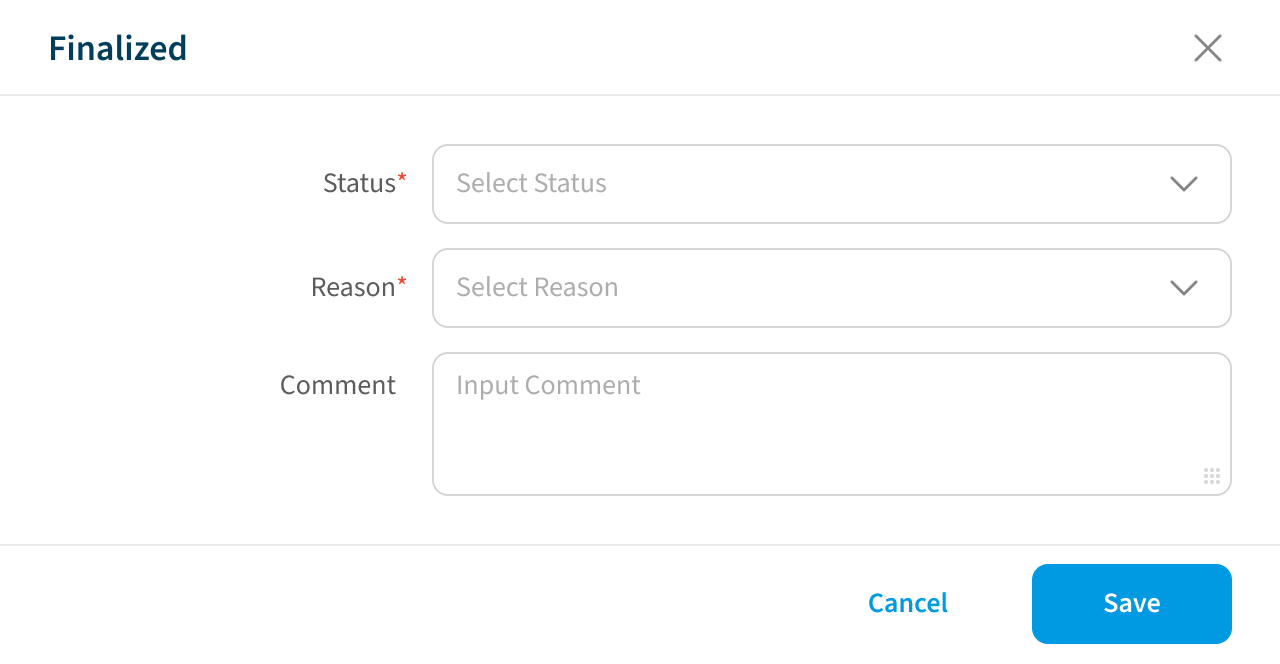
[Refer tính năng Approval/ Reject : Link](#scroll-bookmark-31)

Logic xử lý

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Bước | Thao tác | Thực hiện | Mô tả |
| 1 | Chỉnh sửa Op | Người dùng | Chọn button “Edit” tại bản ghi của Ops tương ứng |
|  |  | Hệ thống | Hiển thị màn hình Chỉnh sửa Ops |
| 2 | Nhập thông tin trong Màn hình Chỉnh sửa thông tin | Người dùng | Người dùng nhập thông tin trong màn hình Chỉnh sửa Ops |
|  |  | Hệ thống | Xác thực dữ liệu mà người dùng nhập theo các quy tắc được mô tả trong màn hình Chỉnh sửa Ops |
| 3 | Nhấn button "Save” | Người dùng | Người dùng nhấn button “Save” |
|  | Hiển thị Popup xác nhận | Hệ thống | Hiển thị popup xác nhận:   * Tiêu đề: Comfirm * Nội dung: Are you sure to save? * Button: Yes | No |
| 4 | Nhấn button Yes | Người dùng | Người dùng nhấn button Yes |
|  |  | Hệ thống | Hệ thống Lưu bản ghi thành công |
| 5 | Nhấn button No | Người dùng | Người dùng nhấn button No |
|  |  | Hệ thống | Hiển thị màn hình chỉnh sửa thông tin Op |
|  | Chọn button phù hợp | Người dùng | * Nếu người dùng nhấn Yes:  (BE) Hệ thống validate từng mục tài liệu tại cột porfolio (6 mục) đã được cập nhật trạng thái approve hay reject chưa. hệ thống lưu dữ liệu * Hệ thống check required các trường thông tin. Hiển thị red box với các trường không điền.   Nếu người dùng nhấn No: Hệ thống đóng popup và không thực hiện gì thêm. |

Chỉnh sửa thông tin Ops\_ Popup finalized \_status Finalized

Design:



|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên | Kiểu hiển thị | Kiểu dữ liệu | Bắt buộc | Độ dài max | Định dạng | Mô tả |
| Popup khi chọn finalized | | | | | | | |
|  | Status | Dropdown list Single choice | Text | Có | N/A | N/A | Người dùng chọn giá trị => default giá trị khi user select ở trường status => Các giá trị sau:  +) Succeeded  +) Rejected +) Deferred |
|  | Reason | Dropdown list Single choice | Text | Có | N/A | N/A | Người dùng chọn giá trị trong list.  Dev team tạo 1 table REASON dưới db, gồm status - reason đi kèm theo danh sách dưới đây. Sau golive, khi có yêu cầu bổ sung thêm lý do, sẽ thêm giá trị dưới table này.   * Status: "Succeeded"   +) Khách hàng chốt thoả thuận  +) Đội thầu hiểu rõ yêu cầu của khách hàng  +) Giải pháp kỹ thuật tốt  +) Kế hoạch triển khai tốt  +) Giá thầu và các mốc thanh toán hợp lý  +) Othes   * Status "Rejected":   + Giá chào cao hơn ngân sách của khách hàng   + Giá chào cao hơn giá đối thủ đưa ra   + Đội thầu không hiểu yêu cầu của khách hàng   + Giải pháp kỹ thuật đưa ra không đáp ứng   + Thời điểm vào muộn, KH đã có vendor lock-in   + Đối thủ lobby tốt hơn   + Năng lực, kinh nghiệm của đội thầu không best fit   + Others * Status "Deferred":   + Khách hàng đang cân nhắc lại   + Đội thầu bổ sung thêm hồ sơ thầu   + Others   Khi người dùng chọn Option "Others" tại mỗi status, trường Comment bắt buộc nhập thông tin.  Nếu người dùng không nhập thông tin, màn hình hiển thị Alert: "Field Comment is required" |
|  | Comment | Textbox | Text | Không | Limited 200 ký tự | N/A | Người dùng nhập dữ liệu |
|  | Cancel button | Button | N/A | N/A | N/A | N/A | Khi nhấn button này, nếu trên màn hình có ít nhất một trường dữ liệu được điền, hệ thống hiển thị popup   * Tiêu đề: "Are you sure to Cancel?" * Button: Yes | No   + Nếu người dùng nhấn button Yes, hệ thống không lưu dữ liệu mà người dùng vừa nhập, hiển thị màn hình trước đó của người dùng.   + Nếu người dúng nhấn No, hệ thống đóng popup và không xử lý gì thêm   Hủy tất cả các thông tin đã điền: |
|  | Save button | Button | N/A | N/A | N/A | N/A | Khi người dùng nhấn button này, hệ thống trigger logic chức năng chỉnh sửa Ops Hệ thống hiển thị alert "Success" Người dùng nhấn nút “Save" để kết thúc quá trình tạo => Hệ thống kích hoạt logic xử lý của chức năng “Save" |

Chỉnh sửa thông tin Ops\_Footer button

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên | Kiểu hiển thị | Kiểu dữ liệu | Bắt buộc | Độ dài max | Định dạng | Mô tả | Noted |
| Footer - button | | | | | | | |  |
|  | Cancel button | Button | N/A | N/A | N/A | N/A | Khi nhấn button này, nếu trên màn hình có ít nhất một trường dữ liệu được điền, hệ thống hiển thị popup   * Tiêu đề: "Are you sure to Cancel?" * Button: Yes | No   + Nếu người dùng nhấn button Yes, hệ thống không lưu dữ liệu mà người dùng vừa nhập, hiển thị màn hình trước đó của người dùng.   + Nếu người dúng nhấn No, hệ thống đóng popup và không xử lý gì thêm   Hủy tất cả các thông tin đã điền: |  |
|  | Edit | Button | N/A | N/A | N/A | N/A | Cho phép hiện button "Edit" Chỉnh sửa thông tin của OPs với status sau:   * New * FAQ * Preparing * Reviewing * Awaiting for submission * Sumitted * Presenting * Succeeded * Rejected * Deferred   Khi người dùng nhấn button này, hệ thống trigger logic chức năng chỉnh sửa Ops |  |
|  | Save button | Button | N/A | N/A | N/A | N/A | Khi người dùng nhấn button này, hệ thống trigger logic chức năng chỉnh sửa Ops Hệ thống hiển thị alert "Success" Người dùng nhấn nút “Save" để kết thúc quá trình tạo => Hệ thống kích hoạt logic xử lý của chức năng “Save" |  |
|  | Delete button | Button | N/A | N/A | N/A | N/A | Button chỉ hiển thị ở status = New  Khi người dùng nhấn button này, hệ thống trigger logic chức năng xoá Ops |  |

Chỉnh sửa Ops\_ Tab Comment/ History

Chỉnh sửa Ops\_ Tab Comment/ History

Refer tính năng Comment/ History : Link

Logic xử lý

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Bước | Thao tác | Thực hiện | Mô tả |
| 1 | Chọn màn hình “Ops Listing” | Người dùng | Người dùng chọn  trên Navbar, chọn màn hình Ops listing  Hoặc chọn bản ghi chứa Ops cần chỉnh sửa |
|  |  | Hệ thống | * Nếu người dùng chọn màn Ops listing, hệ thống hiển thị màn hình Ops listing với dữ liệu trên màn hình là tập dữ liệu mà người dùng được phân quyền * Nếu người dùng chọn bản ghi chứa Ops cần chỉnh sửa, hệ thống hiển thị màn Chi tiết Ops |
| 2 | Chỉnh sửa Op | Người dùng | Chọn button “Edit” tại bản ghi của Ops tương ứng |
|  |  | Hệ thống | Hiển thị màn hình Chỉnh sửa Ops |
| 3 | Nhập thông tin trong Màn hình Chỉnh sửa thông tin | Người dùng | Người dùng nhập thông tin trong màn hình Chỉnh sửa Ops |
|  |  | Hệ thống | Xác thực dữ liệu mà người dùng nhập theo các quy tắc được mô tả trong màn hình Chỉnh sửa Ops |
| 4 | Nhấn button "Save” | Người dùng | Người dùng nhấn button “Save” |
|  | Hiển thị Popup xác nhận | Hệ thống | Hiển thị popup xác nhận:   * Tiêu đề: Comfirm * Nội dung: Are you sure to save? * Button: Yes | No |
| 5 | Nhấn button Cancel | Người dùng | Người dùng nhấn button Cancel |
|  |  | Hệ thống | Hệ thống hiển thị popup   * Tiêu đề: Confirm * Nội dung: Are you sure to Cancel? * Button: Yes/ No |
| 6 | Chọn button phù hợp | Người dùng | Nếu người dùng nhấn Yes: Hệ thống thực hiện bước (7)  Nếu người dùng nhấn No: Hệ thống đóng popup và không thực hiện gì thêm. |
| 7 | Xác thực dữ liệu dưới BE | Hệ thống | Xác thực dữ liệu dưới BE gồm các quy tắc xác thực được mô tả trong màn hình Chỉnh sửa  => Lưu dữ liệu người dùng vừa chỉnh sửa vào DB, hiển thị các dữ liệu đó trên màn hình Thông tin chi tiết Ops với dữ liệu vừa tạo. |

|  |  |
| --- | --- |
| Target Sprint | Sprint.. |
| Module | BMS |
| Jira Ticket |  |
| Document Status | **review** |
| Document Owner | [Hanh. Nguy Thi My - CMC Global DU1.16](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~ntmhanh2) |
| Reviewer | [Tuan. Dong Anh - CMC Global TDX](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~datuan9) |
| Approver | [Tuan. Dong Anh - CMC Global TDX](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~datuan9) |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Version | Date | Author | Note | Jira Ticket |
| 0.1 | 16 May 2024 | [Hanh. Nguy Thi My - CMC Global DU1.16](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~ntmhanh2) | Tạo tài liệu |  |
| 0.2 | 20 Jun 2024 | [Trang. Hoang Thi Thu - CMC Global DU1.33](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~htttrang4) | Chỉnh sửa tên trường + rule tick checkbox của Portfolio (highlight đỏ) |  |

#### Requirement Detail

Tác nhân

|  |  |
| --- | --- |
| Tác nhân | Người dùng được phân quyền chỉnh sửa thông tin Ops theo permission matrix |
| Điều kiện trước | Đăng nhập thành công vào hệ thống và có quyền thực hiện chức năng này |
| Kết quả đạt được | Hiển thị bảng Chỉnh sửa thông tin OPs |
| Trigger | Người dùng chọn tính năng Chỉnh sửa thông tin Ops |
| Ngoại lệ | N/A |

Màn hình Edit Ops

<https://www.figma.com/design/B314qalC7Ogwx1ELj793is/Bidding-UI?node-id=0%3A1&t=xmrhDQcaurmDyfxf-1>  
<https://www.figma.com/file/IKB8xNPbIYdhDWp12rROFz/Payroll-%26-EC?type=design&node-id=1-3&mode=design&t=fe9aGdlIYaUmEOYJ-0>

Định nghĩa màn hình

Chỉnh sửa thông tin \_Tab Thông tin chung

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| # | Tên | Kiểu hiển thị | Kiểu dữ liệu | Bắt Buộc | Độ dài tối đa | Định dạng | Mô tả |
| **General Info** | | | | | | | |
|  | Priority Tag | Tag | Text | Có | N/A | N/A | Không được Edit thông tin tại mục này. |
|  | Status tag | Tag | Text | Có | N/A | N/A | Không được Edit thông tin tại mục này. |
|  | Order type tag | Tag | Text | Có | N/A | N/A | Không được Edit thông tin tại mục này. |
|  | DU host | Textbox | Text | Có | N/A | N/A | Không được Edit thông tin tại mục này. |
|  | BU | Textbox | Text | Có | N/A | N/A | Không được Edit thông tin tại mục này. |
|  | Bid Owner | Textbox | Text | Có | N/A | N/A | Không được Edit thông tin tại mục này. |
|  | Bidding Start date | Date | Date | Có | N/A | N/A | Không được Edit thông tin tại mục này. |
|  | Bidding End date | Date | Date | Có | N/A | N/A | Không được Edit thông tin tại mục này. |
| **Thông tin chung của Ops** | | | | | | | |
|  | Pipeline | Text box | Text | Có | N/A | N/A | Không được Edit thông tin tại mục này. |
|  | Op Name | Text box | Text | Có | N/A | N/A | Không được Edit thông tin tại mục này. |
|  | Customer name | Text box | Text | Có | N/A | N/A | Không được Edit thông tin tại mục này. |
|  | Order type | Text box | Text | Có | N/A | N/A | Không được Edit thông tin tại mục này. |
|  | Industries | Text box | Text | Có | N/A | N/A | Không được Edit thông tin tại mục này. |
|  | Skill | Text box | Text | Có | N/A | N/A | Tham chiếu chức năng [2.1. Tạo mới Ops](#scroll-bookmark-21) tại [Tab Thông tin chung](#scroll-bookmark-21)  Cho phép chỉnh sửa và  người dùng nhập tay thêm giá trị |
|  | Project duration | Text box | Number | Có | N/A | N/A | Tham chiếu chức năng [2.1. Tạo mới Ops](#scroll-bookmark-21) tại [Tab Thông tin chung](#scroll-bookmark-21) |
|  | Expected Price | Text box | Text | Có | N/A | N/A | Tham chiếu chức năng [2.1. Tạo mới Ops](#scroll-bookmark-21) tại [Tab Thông tin chung](#scroll-bookmark-21)  **NOTE:** Chỉ các role Bid Owner, DU lead, BU Lead, CEO, CDO mới có quyền View giá trị của trường này. Các role khác sẽ không view được  hiển thị dưới dạng |
|  | Man Month | Text box | Number | Có | N/A | N/A | Tham chiếu chức năng [2.1. Tạo mới Ops](#scroll-bookmark-21) tại [Tab Thông tin chung](#scroll-bookmark-21) |
|  | Priority | Dropdown list Single choice | Text | Có | N/A | N/A | Tham chiếu chức năng [2.1. Tạo mới Ops](#scroll-bookmark-21) tại [Tab Thông tin chung](#scroll-bookmark-21) |
|  | Assignee | Dropdown list Single choice | Text | Có | N/A | N/A | Tham chiếu chức năng [2.1. Tạo mới Ops](#scroll-bookmark-21) tại [Tab Thông tin chung](#scroll-bookmark-21) |
|  | Status | Dropdown list Single choice | Text | Có | N/A | N/A | Tham chiếu chức năng [2.1. Tạo mới Ops](#scroll-bookmark-21) tại [Tab Thông tin chung](#scroll-bookmark-21) |
|  | Service | Text box | Text | Có | N/A | N/A | Không được Edit thông tin tại mục này. |
|  | Subservice | Text box | Text | Có | N/A | N/A | Không được Edit thông tin tại mục này. |
|  | Technology | Droplist | Text | Có | N/A | N/A | Người dùng được chọn giá trị trong droplist |
|  | Du host | Text box | Text | Có | N/A | N/A | Không được Edit thông tin tại mục này. |
|  | BU | Text box | Text | Có | N/A | N/A | Không được Edit thông tin tại mục này. |
|  | Bid Owner | Text box | Text | Có | N/A | N/A | Không được Edit thông tin tại mục này. |
|  | Pipline Segment | Text box | Text | Có | N/A | N/A | Không được Edit thông tin tại mục này. |
|  | Country | Text box | Text | Có | N/A | N/A | Không được Edit thông tin tại mục này. |
|  | Bidding Start date | Calender picker | Date | Có | N/A | N/A | Tham chiếu chức năng [2.1. Tạo mới Ops](#scroll-bookmark-21) tại [Tab Thông tin chung](#scroll-bookmark-21) |
|  | Bidding End date | Calender picker | Date | Có | N/A | N/A | Tham chiếu chức năng [2.1. Tạo mới Ops](#scroll-bookmark-21) tại [Tab Thông tin chung](#scroll-bookmark-21) |
|  | Related document | Hyperlink | Text | Không | N/A | N/A | Tham chiếu chức năng [2.1. Tạo mới Ops](#scroll-bookmark-21) tại [Tab Thông tin chung](#scroll-bookmark-21) |
|  | Description | Textbox | Text | Không | Limited 200 ký tự | N/A | Tham chiếu chức năng [2.1. Tạo mới Ops](#scroll-bookmark-21) tại [Tab Thông tin chung](#scroll-bookmark-21) |
|  | See more | hyperlink | Button | Có | N/A | N/A | "See more" để expand to view all |

Chỉnh sửa thông tin Ops\_TabThông tin Porfolio (mục tài liêu)/ reviewer\_Status New



|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên | Kiểu hiển thị | Kiểu dữ liệu | Bắt buộc | Độ dài max | Định dạng | Mô tả | Noted |
| General Info | | | | | | | |  |
|  | Mục tài liệu | Textbox | Text | Có | N/A | N/A | Không được chỉnh sửa Tham chiếu chức năng [2.1. Tạo mới Ops](#scroll-bookmark-21) tại [Tab Thông tin chung](#scroll-bookmark-21) |  |
|  | Actor reviewer | Textbox | Text | Có | N/A | N/A | Không được chỉnh sửa  Tham chiếu chức năng [2.1. Tạo mới Ops](#scroll-bookmark-21) tại [Tab Thông tin chung](#scroll-bookmark-21) |  |
|  | Check box | Choose | Check box | Có | N/A | N/A | +) Cho phép chỉnh sửa, tại trạng thái New, Tham chiếu chức năng [2.1. Tạo mới Ops](#scroll-bookmark-21) tại [Tab Thông tin chun](#scroll-bookmark-21)g  ***Lưu ý:*** *Người* *dùng* *phải click chọn* *theo* *thứ* *tự Assignee – Reviewer 1 – Reviewer 2 – Reviewer 3 – Reviewer 4.*  *VD: Nếu Reviewer 2 không* *được* *chọn* *thì Reviewer 3, 4 sẽ* *không* *tick* *checkbox* *được* |  |

Chỉnh sửa thông tin Ops\_ CRUD event \_status FAQ

[Refer tính năng CRUD Event : Link](#scroll-bookmark-29)

Chỉnh sửa thông tin Ops\_ Upload file \_Status Preparing

[Refer tính năng Upload file : Link](#scroll-bookmark-30)

Chỉnh sửa thông tin Ops\_ Approval/Reject \_status Reviewing

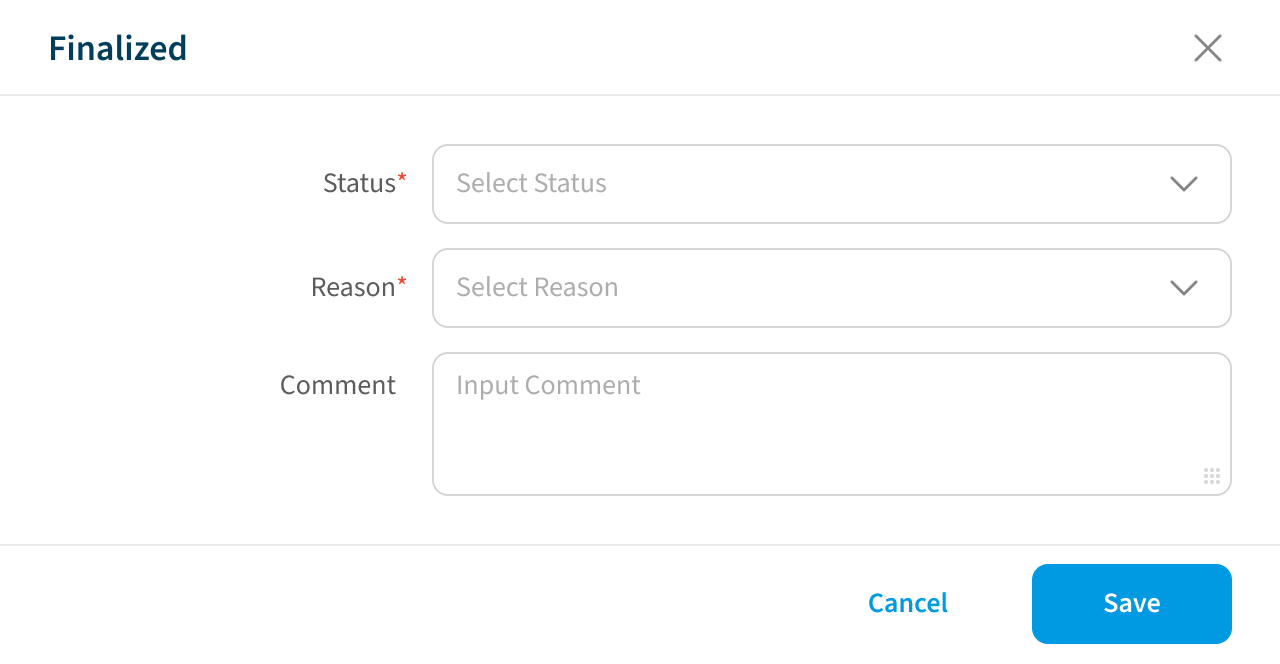
[Refer tính năng Approval/ Reject : Link](#scroll-bookmark-31)

Logic xử lý

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Bước | Thao tác | Thực hiện | Mô tả |
| 1 | Chỉnh sửa Op | Người dùng | Chọn button “Edit” tại bản ghi của Ops tương ứng |
|  |  | Hệ thống | Hiển thị màn hình Chỉnh sửa Ops |
| 2 | Nhập thông tin trong Màn hình Chỉnh sửa thông tin | Người dùng | Người dùng nhập thông tin trong màn hình Chỉnh sửa Ops |
|  |  | Hệ thống | Xác thực dữ liệu mà người dùng nhập theo các quy tắc được mô tả trong màn hình Chỉnh sửa Ops |
| 3 | Nhấn button "Save” | Người dùng | Người dùng nhấn button “Save” |
|  | Hiển thị Popup xác nhận | Hệ thống | Hiển thị popup xác nhận:   * Tiêu đề: Comfirm * Nội dung: Are you sure to save? * Button: Yes | No |
| 4 | Nhấn button Yes | Người dùng | Người dùng nhấn button Yes |
|  |  | Hệ thống | Hệ thống Lưu bản ghi thành công |
| 5 | Nhấn button No | Người dùng | Người dùng nhấn button No |
|  |  | Hệ thống | Hiển thị màn hình chỉnh sửa thông tin Op |
|  | Chọn button phù hợp | Người dùng | * Nếu người dùng nhấn Yes:  (BE) Hệ thống validate từng mục tài liệu tại cột porfolio (6 mục) đã được cập nhật trạng thái approve hay reject chưa. hệ thống lưu dữ liệu * Hệ thống check required các trường thông tin. Hiển thị red box với các trường không điền.   Nếu người dùng nhấn No: Hệ thống đóng popup và không thực hiện gì thêm. |

Chỉnh sửa thông tin Ops\_ Popup finalized \_status Finalized

Design:



|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên | Kiểu hiển thị | Kiểu dữ liệu | Bắt buộc | Độ dài max | Định dạng | Mô tả |
| Popup khi chọn finalized | | | | | | | |
|  | Status | Dropdown list Single choice | Text | Có | N/A | N/A | Người dùng chọn giá trị => default giá trị khi user select ở trường status => Các giá trị sau:  +) Succeeded  +) Rejected +) Deferred |
|  | Reason | Dropdown list Single choice | Text | Có | N/A | N/A | Người dùng chọn giá trị trong list.  Dev team tạo 1 table REASON dưới db, gồm status - reason đi kèm theo danh sách dưới đây. Sau golive, khi có yêu cầu bổ sung thêm lý do, sẽ thêm giá trị dưới table này.   * Status: "Succeeded"   +) Khách hàng chốt thoả thuận +) Othes   * Status "Rejected":   + Giá chào cao hơn ngân sách của khách hàng   + Giá chào cao hơn giá đối thủ đưa ra   + Đội thầu không hiểu yêu cầu của khách hàng   + Giải pháp kỹ thuật đưa ra không đáp ứng   + Thời điểm vào muộn, KH đã có vendor lock-in   + Đối thủ lobby tốt hơn   + Năng lực, kinh nghiệm của đội thầu không best fit   + Others * Status "Deferred":   + Khách hàng đang cân nhắc lại   + Đội thầu bổ sung thêm hồ sơ thầu   + Others   Khi người dùng chọn Option "Others" tại mỗi status, trường Comment bắt buộc nhập thông tin.  Nếu người dùng không nhập thông tin, màn hình hiển thị Alert: "Field Comment is required" |
|  | Comment | Textbox | Text | Không | Limited 200 ký tự | N/A | Người dùng nhập dữ liệu |
|  | Cancel button | Button | N/A | N/A | N/A | N/A | Khi nhấn button này, nếu trên màn hình có ít nhất một trường dữ liệu được điền, hệ thống hiển thị popup   * Tiêu đề: "Are you sure to Cancel?" * Button: Yes | No   + Nếu người dùng nhấn button Yes, hệ thống không lưu dữ liệu mà người dùng vừa nhập, hiển thị màn hình trước đó của người dùng.   + Nếu người dúng nhấn No, hệ thống đóng popup và không xử lý gì thêm   Hủy tất cả các thông tin đã điền: |
|  | Save button | Button | N/A | N/A | N/A | N/A | Khi người dùng nhấn button này, hệ thống trigger logic chức năng chỉnh sửa Ops Hệ thống hiển thị alert "Successfully save" Người dùng nhấn nút “Save" để kết thúc quá trình tạo => Hệ thống kích hoạt logic xử lý của chức năng “Save" |

Chỉnh sửa thông tin Ops\_Footer button

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên | Kiểu hiển thị | Kiểu dữ liệu | Bắt buộc | Độ dài max | Định dạng | Mô tả | Noted |
| Footer - button | | | | | | | |  |
|  | Cancel button | Button | N/A | N/A | N/A | N/A | Khi nhấn button này, nếu trên màn hình có ít nhất một trường dữ liệu được điền, hệ thống hiển thị popup   * Tiêu đề: "Are you sure to Cancel?" * Button: Yes | No   + Nếu người dùng nhấn button Yes, hệ thống không lưu dữ liệu mà người dùng vừa nhập, hiển thị màn hình trước đó của người dùng.   + Nếu người dúng nhấn No, hệ thống đóng popup và không xử lý gì thêm   Hủy tất cả các thông tin đã điền: |  |
|  | Edit | Button | N/A | N/A | N/A | N/A | Cho phép hiện button "Edit" Chỉnh sửa thông tin của OPs với status sau:   * New * FAQ * Preparing * Reviewing * Awaiting for submission * Sumitted * Presenting * Succeeded * Rejected * Deferred   Khi người dùng nhấn button này, hệ thống trigger logic chức năng chỉnh sửa Ops |  |
|  | Save button | Button | N/A | N/A | N/A | N/A | Khi người dùng nhấn button này, hệ thống trigger logic chức năng chỉnh sửa Ops Hệ thống hiển thị alert "Success" Người dùng nhấn nút “Save" để kết thúc quá trình tạo => Hệ thống kích hoạt logic xử lý của chức năng “Save" |  |
|  | Delete button | Button | N/A | N/A | N/A | N/A | Button chỉ hiển thị ở status = New  Khi người dùng nhấn button này, hệ thống trigger logic chức năng xoá Ops |  |

Chỉnh sửa Ops\_ Tab Comment/ History

Chỉnh sửa Ops\_ Tab Comment/ History

Refer tính năng Comment/ History : Link

Logic xử lý

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Bước | Thao tác | Thực hiện | Mô tả |
| 1 | Chọn màn hình “Ops Listing” | Người dùng | Người dùng chọn  trên Navbar, chọn màn hình Ops listing  Hoặc chọn bản ghi chứa Ops cần chỉnh sửa |
|  |  | Hệ thống | * Nếu người dùng chọn màn Ops listing, hệ thống hiển thị màn hình Ops listing với dữ liệu trên màn hình là tập dữ liệu mà người dùng được phân quyền * Nếu người dùng chọn bản ghi chứa Ops cần chỉnh sửa, hệ thống hiển thị màn Chi tiết Ops |
| 2 | Chỉnh sửa Op | Người dùng | Chọn button “Edit” tại bản ghi của Ops tương ứng |
|  |  | Hệ thống | Hiển thị màn hình Chỉnh sửa Ops |
| 3 | Nhập thông tin trong Màn hình Chỉnh sửa thông tin | Người dùng | Người dùng nhập thông tin trong màn hình Chỉnh sửa Ops |
|  |  | Hệ thống | Xác thực dữ liệu mà người dùng nhập theo các quy tắc được mô tả trong màn hình Chỉnh sửa Ops |
| 4 | Nhấn button "Save” | Người dùng | Người dùng nhấn button “Save” |
|  | Hiển thị Popup xác nhận | Hệ thống | Hiển thị popup xác nhận:   * Tiêu đề: Comfirm * Nội dung: Are you sure to save? * Button: Yes | No |
| 5 | Nhấn button Cancel | Người dùng | Người dùng nhấn button Cancel |
|  |  | Hệ thống | Hệ thống hiển thị popup   * Tiêu đề: Confirm * Nội dung: Are you sure to Cancel? * Button: Yes/ No |
| 6 | Chọn button phù hợp | Người dùng | Nếu người dùng nhấn Yes: Hệ thống thực hiện bước (7)  Nếu người dùng nhấn No: Hệ thống đóng popup và không thực hiện gì thêm. |
| 7 | Xác thực dữ liệu dưới BE | Hệ thống | Xác thực dữ liệu dưới BE gồm các quy tắc xác thực được mô tả trong màn hình Chỉnh sửa  => Lưu dữ liệu người dùng vừa chỉnh sửa vào DB, hiển thị các dữ liệu đó trên màn hình Thông tin chi tiết Ops với dữ liệu vừa tạo. |

### 2.3 Xem chi tiết Ops

|  |  |
| --- | --- |
| Target Sprint | Sprint.. |
| Module | BMS |
| Jira Ticket |  |
| Document Status | **review** |
| Document Owner | [Hanh. Nguy Thi My - CMC Global DU1.16](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~ntmhanh2) |
| Reviewer | [Tuan. Dong Anh - CMC Global TDX](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~datuan9) |
| Approver | [Tuan. Dong Anh - CMC Global TDX](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~datuan9) |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Version | Date | Author | Note | Jira Ticket |
| 0.1 | 16 May 2024 | [Hanh. Nguy Thi My - CMC Global DU1.16](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~ntmhanh2) | Tạo tài liệu |  |
| 0.2 | 20 Jun 2024 | [Trang. Hoang Thi Thu - CMC Global DU1.33](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~htttrang4) | Chỉnh sửa tên trường (highlight đỏ) |  |

#### Requirement Detail

Tác nhân

|  |  |
| --- | --- |
| Tác nhân | Người dùng được phân quyền thêm OPs. Tham chiều theo mục: [Permission Matrix](#scroll-bookmark-20) |
| Điều kiện trước | + Đăng nhập thành công vào hệ thống và có quyền thực hiện chức năng này  + Người dùng chọn Ops từ Ops list |
| Kết quả đạt được | Hiển thị màn hình View detail Ops thành công |
| Trigger | Người dùng truy cập vào màn hình chi tiết Ops |
| Ngoại lệ | N/A |

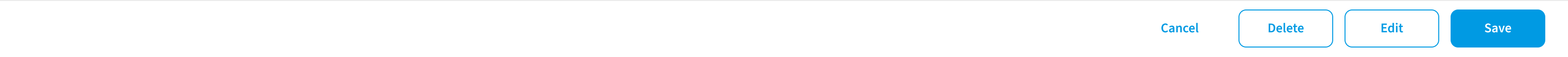
Màn hình

<https://www.figma.com/design/B314qalC7Ogwx1ELj793is/Bidding-UI?node-id=0%3A1&t=gO28ydwwFTowa3X2-1>

Định nghĩa màn hình

Người dùng có thể click vào button "Thu gọn/Mở rộng" để thu gọn/mở rộng các section trong một tab.

Thêm Ops\_ footer button



|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| # | Tên | Kiểu hiển thị | Kiểu dữ liệu | Bắt Buộc | Độ dài tối đa | Định dạng | Mô tả |
|  | Footer | | | | | | |
|  | Cancel | Button | N/A | N/A | N/A | N/A | Người dùng muốn Huỷ việc xem chi tiết Op |
|  | Delete | Button | N/A | N/A | N/A | N/A | Button chỉ hiển thị với bản ghi có trạng thái New.  Người dùng muốn Xoá op |
|  | Edit | Button | N/A | N/A | N/A | N/A | Hiển thị button ở tất cả trạng thái. |
|  | Save | Button | N/A | N/A | N/A | N/A | Hiển thị button ở tất cả trạng thái |

Thêm mới Ops \_Tab Thông tin chung

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| # | Tên | Kiểu hiển thị | Kiểu dữ liệu | Bắt Buộc | Độ dài tối đa | Định dạng | Mô tả |
| **General Info** | | | | | | | |
|  | Priority Tag | Tag | Text | Có | N/A | N/A | Hiển thị thông tin chế độ view mode - read only |
|  | Status tag | Tag | Text | Có | N/A | N/A | Hiển thị thông tin chế độ view mode - read only |
|  | Order type tag | Tag | Text | Có | N/A | N/A | Hiển thị thông tin chế độ view mode - read only |
|  | DU host | Textbox | Text | Có | N/A | N/A | Hiển thị thông tin chế độ view mode - read only |
|  | BU | Textbox | Text | Có | N/A | N/A | Hiển thị thông tin chế độ view mode - read only |
|  | Bidding Start date | Textbox | Date | Có | N/A | N/A | Hiển thị thông tin chế độ view mode - read only |
|  | Bidding End date | Textbox | Date | Có | N/A | N/A | Hiển thị thông tin chế độ view mode - read only |
| **Thông tin chung của Ops** | | | | | | | |
|  | Pipeline | Text box | Text | Có | N/A | N/A | Hiển thị thông tin chế độ view mode - read only |
|  | Project Name | Text box | Text | Có | N/A | N/A | Hiển thị thông tin chế độ view mode - read only |
|  | Customer name | Text box | Text | Có | N/A | N/A | Hiển thị thông tin chế độ view mode - read only |
|  | Order type | Text box | Text | Có | N/A | N/A | Hiển thị thông tin chế độ view mode - read only |
|  | Industries | Text box | Text | Có | N/A | N/A | Hiển thị thông tin chế độ view mode - read only |
|  | Skill | Text box | Text | Có | N/A | N/A | Hiển thị thông tin chế độ view mode - read only |
|  | Project duration | Text box | Text | Có | N/A | N/A | Hiển thị thông tin chế độ view mode - read only |
|  | Expected Price | Text box | Text | Có | N/A | N/A | Hiển thị thông tin chế độ view mode - read only  **NOTE:** Chỉ các role Bid Owner, DU lead, BU Lead, CEO, CDO mới có quyền View giá trị của trường này. Các role khác sẽ không view được  hiển thị dưới dạng: |
|  | Man Month | Text box | Text | Có | N/A | N/A | Hiển thị thông tin chế độ view mode - read only |
|  | Priority | Dropdown list Single choice | Text | Có | N/A | N/A | Hiển thị thông tin chế độ view mode - read only |
|  | Assignee | Dropdown list Single choice | Text | Có | N/A | N/A | Hiển thị thông tin chế độ view mode - read only |
|  | Status | Dropdown list Single choice | Text | Có | N/A | N/A | Hiển thị thông tin chế độ view mode - read only |
|  | Service | Text box | Text | Có | N/A | N/A | Hiển thị thông tin chế độ view mode - read only |
|  | Subservice | Text box | Text | Có | N/A | N/A | Hiển thị thông tin chế độ view mode - read only |
|  | Technology | Text box | Text | Có | N/A | N/A | Hiển thị thông tin chế độ view mode - read only |
|  | Du host | Text box | Text | Có | N/A | N/A | Hiển thị thông tin chế độ view mode - read only |
|  | BU | Text box | Text | Có | N/A | N/A | Hiển thị thông tin chế độ view mode - read only |
|  | Bid Owner | Text box | Text | Có | N/A | N/A | Hiển thị thông tin chế độ view mode - read only |
|  | Pipline Segment | Text box | Text | Có | N/A | N/A | Hiển thị thông tin chế độ view mode - read only |
|  | Country | Text box | Text | Có | N/A | N/A | Hiển thị thông tin chế độ view mode - read only |
|  | Bidding Start date | Text box | Date | Có | N/A | DD/MM/YYYY | Hiển thị thông tin chế độ view mode - read only |
|  | Bidding End date | Text box | Date | Có | N/A | DD/MM/YYYY | Hiển thị thông tin chế độ view mode - read only |
|  | Related document | Hyperlink | Text | Không | N/A | N/A | Hiển thị thông tin chế độ view mode - read only |
|  | Description | Textbox | Text | No | Limited 200 ký tự | N/A | Hiển thị thông tin chế độ view mode - read only |
|  | See more | Collapse expand | text | Yes | N/A | N/A | "See more" để expand to view all |

Thêm mới Ops \_Tab Thông tin stage tạo mới Ops

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| # | Tên | Kiểu hiển thị | Kiểu dữ liệu | Bắt Buộc | Độ dài tối đa | Định dạng | Mô tả |
| **Các step của Ops (follow design)** | | | | | | | |
|  | Số thứ tự step | Icon + number | Number | Có | N/A | N/A | Hiển thị thông tin |
|  | Tên các step | Text box | Text | Có | N/A | N/A | Hiển thị thông tin |
|  | Deadline | Calender Picker | Date | Có | N/A | DD/MM/YYYY | Hiển thị thông tin |
|  | Hide deadline | Collapse expand | Text | Có | N/A | N/A | Hiển thị thông tin |
| **Thông tin Porfolio (mục tài liêu) (follow design)** | | | | | | | |
|  | Mục tài liệu | Textbox | Text | Có | N/A | N/A | Hiển thị thông tin |
|  | Actor reviewer | Textbox | Text | Có | N/A | N/A | Hiển thị thông tin |
|  | Check box | Choose | Check box | Có | N/A | N/A | Hiển thị thông tin |

Thêm mới Ops \_Tab Comment/ History

[Refer tính năng Comment/ History : Link](#scroll-bookmark-34)

Logic xử lý

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Bước** | **Thao tác** | **Thực hiện** | **Mô tả** |
| 1 | Chọn See more | Người dùng | Click nút See more  hoặc tại màn hình Op listing, người dùng nhấn vào hyperlink Pipeline |
| 2 |  | Hệ thống | Hiển thị màn hình View chi tiết của OPs đó |
| 3 | Nhấn nút Edit | Người dùng | Nhấn nút Edit |
| 4 |  | Hệ thống | Hiển thị màn hình Edit, cho phép người dùng Chỉnh sửa Ops, refer tại Edit Ops [2.2. Chỉnh sửa thông tin của Ops](#scroll-bookmark-27) |
| 5 | Nhấn nút Delete | Người dùng nhấn button Delete | Nhấn nút Delete ( Button "Delete" chỉ xuất hiện ở trạng thái "New"), refer tại Delete Op [2.4 Xoá Op](#scroll-bookmark-35) |

### 2.4 Xoá Op

|  |  |
| --- | --- |
| Target Sprint | Sprint.. |
| Module | BMS |
| Jira Ticket |  |
| Document Status | **review** |
| Document Owner | [Trang. Hoang Thi Thu - CMC Global DU1.33](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~htttrang4) |
| Reviewer | [Tuan. Dong Anh - CMC Global TDX](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~datuan9) |
| Approver | [Tuan. Dong Anh - CMC Global TDX](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~datuan9) |

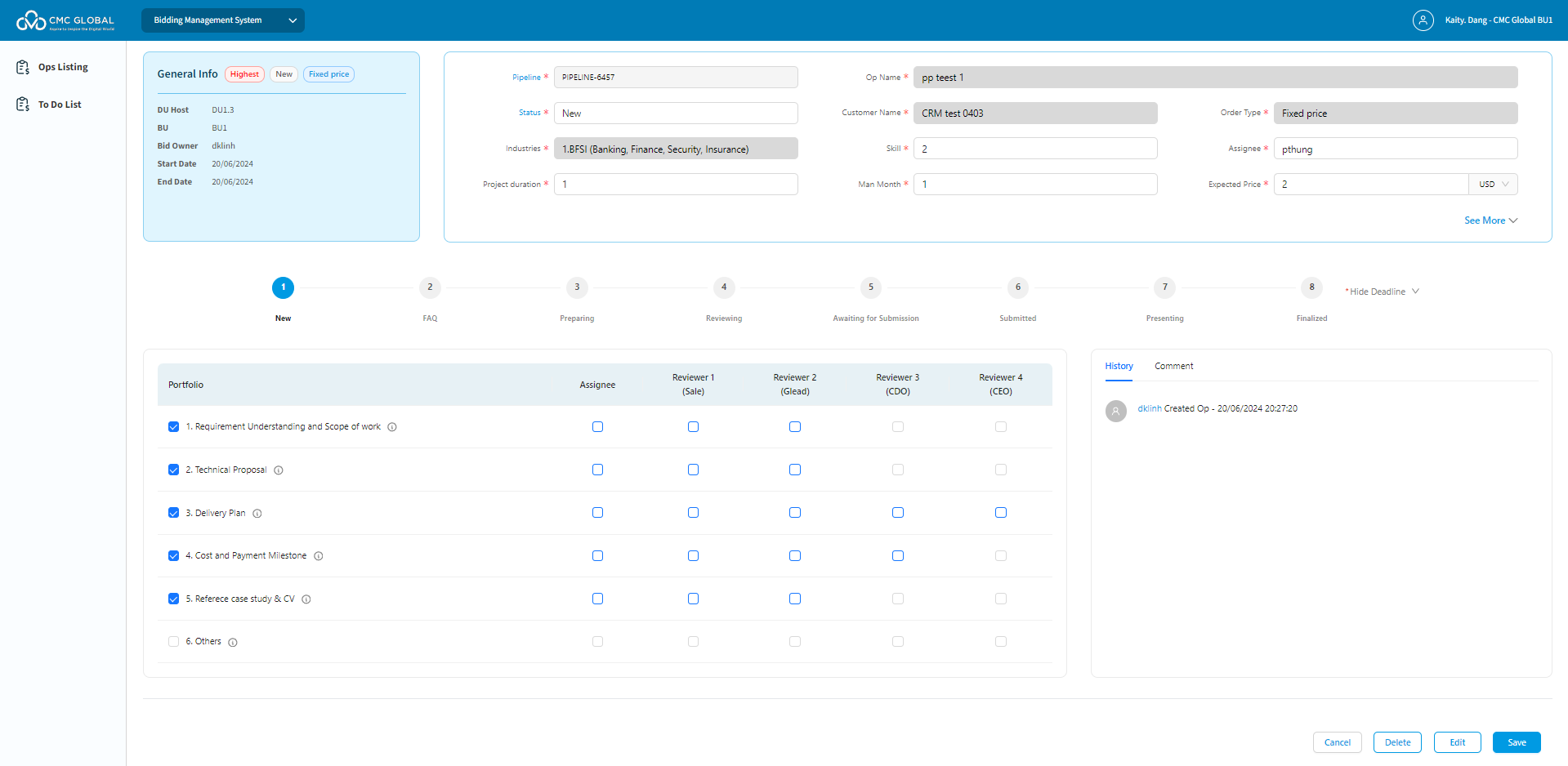
|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Version | Date | Author | Note | Jira Ticket |
| 0.1 | 16 May 2024 | [Trang. Hoang Thi Thu - CMC Global DU1.33](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~htttrang4) | Tạo tài liệu |  |

#### Requirement Detail

Tác nhân

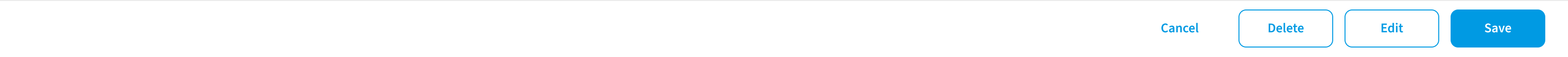
|  |  |
| --- | --- |
| Tác nhân | Người dùng được phân quyền vào màn hình view thông tin Ops theo permission matrix |
| Điều kiện trước | Đăng nhập thành công vào hệ thống và có quyền thực hiện chức năng này |
| Kết quả đạt được | Xoá Op |
| Trigger | Người dùng click tại menu Op listing -> Click vào hyperlink của 1 Pipeline →Click button Delete |
| Ngoại lệ | N/A |

Màn hình Delete Op

<https://www.figma.com/design/B314qalC7Ogwx1ELj793is/Bidding-UI?node-id=0%3A1&t=xmrhDQcaurmDyfxf-1>  
<https://www.figma.com/file/IKB8xNPbIYdhDWp12rROFz/Payroll-%26-EC?type=design&node-id=1-3&mode=design&t=fe9aGdlIYaUmEOYJ-0>

Định nghĩa màn hình

Định nghĩa các trường trên màn hình như mô tả tại màn hình Xem chi tiết Op: [2.3 Xem chi tiết Ops](#scroll-bookmark-22)



|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| # | Tên | Kiểu hiển thị | Kiểu dữ liệu | Bắt Buộc | Độ dài tối đa | Định dạng | Mô tả |
|  | Footer | | | | | | |
|  | Delete | Button | N/A | N/A | N/A | N/A | Button chỉ hiển thị với bản ghi có trạng thái New.  Người dùng muốn Xoá op, click vào button Delete, màn hình Popup hiển thị  Title: Confirm  Message: Are you sure to Delete this Op?  Button: Yes/No.  + Nếu người dùng chọn Yes, hiện message alert. "Success"; đồng thời đưa người dùng quay trở lại màn hình Op listing  + Nếu người dùng chọn No, tắt màn hình Popup, đưa người dùng trở lại màn hình View detail Op |

Logic xử lý

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Bước | Thao tác | Thực hiện | Mô tả |
| 1 | Xoá Op | Người dùng | Người dùng click vào Op listing → View chi tiết 1 Op → click button "Delete" |
|  |  | Hệ thống | Hiển thị popup yêu cầu người dùng xác nhận việc xoá op  + Nếu người dùng chọn Yes, hiện message alert. "Delete Op successfully"; đồng thời đưa người dùng quay trở lại màn hình Op listing  + Nếu người dùng chọn No, tắt màn hình Popup, đưa người dùng trở lại màn hình View detail Op |
|  |  | Hệ thống | Bản ghi được lưu trong bảng dưới db với trạng thái= Deleted |

|  |  |
| --- | --- |
| Target Sprint | Sprint.. |
| Module | BMS |
| Jira Ticket |  |
| Document Status | **review** |
| Document Owner | [Trang. Hoang Thi Thu - CMC Global DU1.33](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~htttrang4) |
| Reviewer | [Tuan. Dong Anh - CMC Global TDX](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~datuan9) |
| Approver | [Tuan. Dong Anh - CMC Global TDX](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~datuan9) |

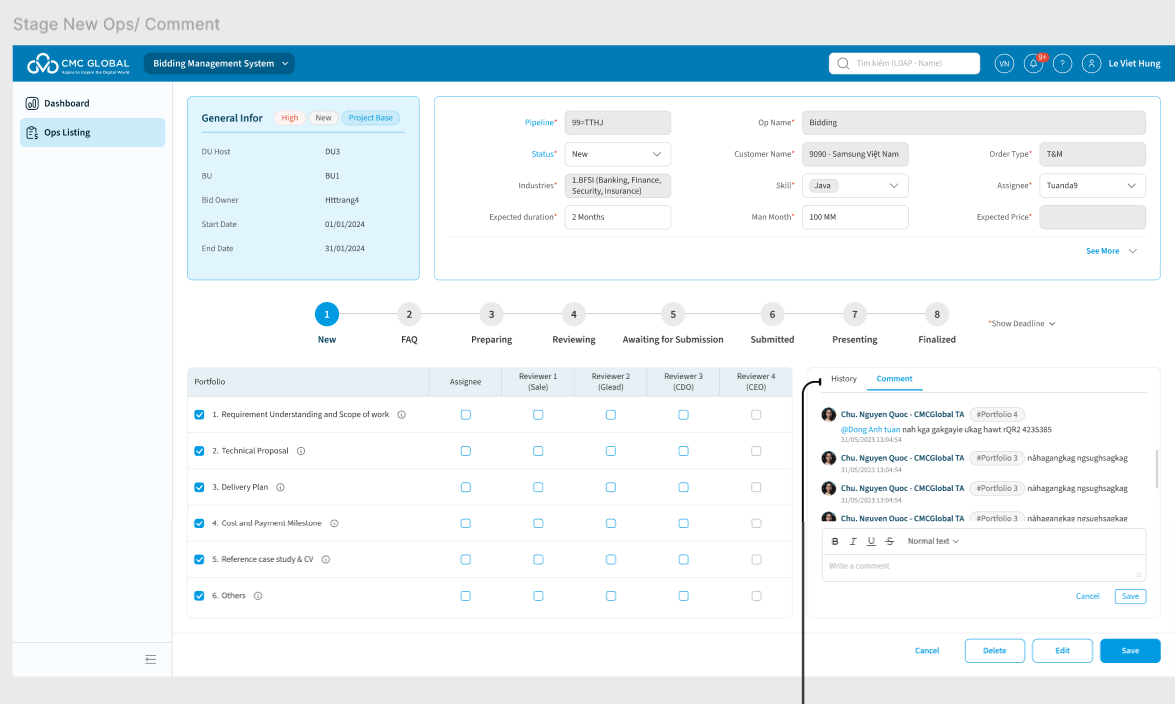
|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Version | Date | Author | Note | Jira Ticket |
| 0.1 | 16 May 2024 | [Trang. Hoang Thi Thu - CMC Global DU1.33](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~htttrang4) | Tạo tài liệu |  |

#### Requirement Detail

Tác nhân

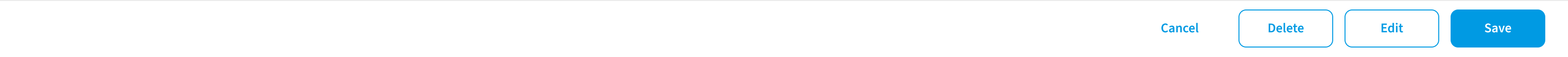
|  |  |
| --- | --- |
| Tác nhân | Người dùng được phân quyền vào màn hình view thông tin Ops theo permission matrix |
| Điều kiện trước | Đăng nhập thành công vào hệ thống và có quyền thực hiện chức năng này |
| Kết quả đạt được | Xoá Op |
| Trigger | Người dùng click tại menu Op listing -> Click vào hyperlink của 1 Pipeline →Click button Delete |
| Ngoại lệ | N/A |

Màn hình Delete Op

<https://www.figma.com/design/B314qalC7Ogwx1ELj793is/Bidding-UI?node-id=0%3A1&t=xmrhDQcaurmDyfxf-1>  
<https://www.figma.com/file/IKB8xNPbIYdhDWp12rROFz/Payroll-%26-EC?type=design&node-id=1-3&mode=design&t=fe9aGdlIYaUmEOYJ-0>

Định nghĩa màn hình

Định nghĩa các trường trên màn hình như mô tả tại màn hình Xem chi tiết Op: [2.3 Xem chi tiết Ops](#scroll-bookmark-22)



|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| # | Tên | Kiểu hiển thị | Kiểu dữ liệu | Bắt Buộc | Độ dài tối đa | Định dạng | Mô tả |
|  | Footer | | | | | | |
|  | Delete | Button | N/A | N/A | N/A | N/A | Button chỉ hiển thị với bản ghi có trạng thái New.  Người dùng muốn Xoá op, click vào button Delete, màn hình Popup hiển thị  Title: Confirm  Message: Are you sure to Delete this Op?  Button: Yes/No.  + Nếu người dùng chọn Yes, hiện message alert. "Delete Op successfully"; đồng thời đưa người dùng quay trở lại màn hình Op listing  + Nếu người dùng chọn No, tắt màn hình Popup, đưa người dùng trở lại màn hình View detail Op |

Logic xử lý

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Bước | Thao tác | Thực hiện | Mô tả |
| 1 | Xoá Op | Người dùng | Người dùng click vào Op listing → View chi tiết 1 Op → click button "Delete" |
|  |  | Hệ thống | Hiển thị popup yêu cầu người dùng xác nhận việc xoá op  + Nếu người dùng chọn Yes, hiện message alert. "Delete Op successfully"; đồng thời đưa người dùng quay trở lại màn hình Op listing  + Nếu người dùng chọn No, tắt màn hình Popup, đưa người dùng trở lại màn hình View detail Op |
|  |  | Hệ thống | Bản ghi được lưu trong bảng dưới db với trạng thái= Deleted |

## 3. Upload/download/Delete File

|  |  |
| --- | --- |
| Target Sprint | Sprint.. |
| Module |  |
| Jira Ticket |  |
| Document Status | READY FOR DEV |
| Document Owner | [Trang. Hoang Thi Thu - CMC Global DU1.12](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~htttrang4) |
| Reviewer | [Tuan. Dong Anh - CMC Global TDX](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~datuan9) |
| Approver | [Tuan. Dong Anh - CMC Global TDX](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~datuan9) |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 0.1 | 15 May 2024 | [Trang. Hoang Thi Thu - CMC Global DU1.12](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~htttrang4) | Tạo tài liệu |  |
| 0.2 | 23 May 2024 | [Trang. Hoang Thi Thu - CMC Global DU1.12](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~htttrang4) | Note thêm Logic xử lý (highlight đỏ) |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

### Requirement Detail

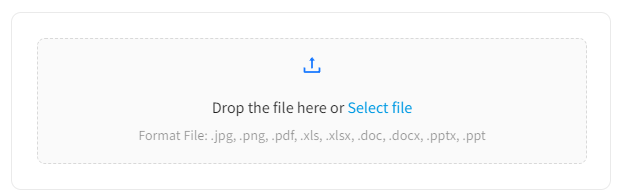
Tác nhân

|  |  |
| --- | --- |
| Tác nhân | Người dùng được phân quyền upload file/ download file/remove file |
| Điều kiện trước | Đăng nhập thành công vào hệ thống và có quyền thực hiện chức năng này |
| Kết quả đạt được | Người dùng upload file/ download file/remove file thành công |
| Trigger | Tại stage FAQ và Preparing  + upload file: người dùng kéo và thả tập tin hoặc nhấn vào icon  hoặc nhấn vào hyperlink Select file  + download file: người dùng nhấn icon  + remove file: người dùng nhấn icon |
| Ngoại lệ | N/A |

Màn hình

<https://www.figma.com/design/B314qalC7Ogwx1ELj793is/Bidding-UI?node-id=2282-22210&t=CWnRcN4nef6KvMO3-0>

Định nghĩa màn hình



|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên** | **Kiểu hiển thị** | **Kiểu dữ liệu** | **Bắt buộc** | **Độ dài max** | **Định dạng** | **Mô tả** |
| Popup upload file/ download file/remove file:   * Các cách hiển thị của hệ thống: | | | | | | | |
| 1 | File uploader | File uploader | N/A | N/A | N/A | N/A | Khi người dùng click icon Upload file hoặc click hyperlink Select file   * Cho phép kéo thả file hoặc chọn file từ máy. * Chỉ cho phép kéo thả để upload 1 file/lần import. * Cho phép upload file đuôi .jpg, .png, .pdf, .xlsx, .xls, .doc, docx, .pptx, .ppt và dung lượng nhỏ hơn 50MB. |
| 4 | Download file | Icon | N/A | N/A | N/A | N/A | Khi người dùng click icon Download file, hệ thống tự động tải xuống file trên thiết bị người dùng. |
| 5 | Remove file | Icon | N/A | N/A | N/A | N/A | Khi người dùng click icon Remove file, hệ thống xoá file khỏi bộ nhớ hệ thống. |

Thông báo popup lỗi khi upload:

Định dạng file: .jpg, .png, .pdf, .xlsx, .xls, .doc, .pptx, .ppt. Nếu file không đúng định dạng, hệ thống hiển thị thông báo lỗi “The uploaded file is not in correct format. Please upload file in these following format .jpg, .png, .pdf, .xlsx, .xls, .doc, docx, .pptx, .ppt"

* Dung lượng file: Tối đa 50MB. Nếu không, hệ thống sẽ báo lỗi “The uploaded file size limit exceeds 50MB.”
* Nếu hệ thống xảy ra sự cố kỹ thuật, hệ thống báo lỗi: "There is an error in processing your request. Please try again"

Logic xử lý

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Bước | Thao tác | Thực hiện | Mô tả |
| 1 | Upload file | Người dùng | Người dùng tải file lên bằng cách kéo thả hoặc chọn icon Upload file hoặc chọn hyperlink Select file. |
|  |  | Hệ thống | Xác thực dữ liệu file theo các nguyên tắc upload được mô tả phía trên.  **Note: Tại stage Preparing, Sau khi user upload xong file và tick  tại cột "Assignee" trên bảng Porfolio, thay đổi trạng thái status = Reviewing và nhấn nút Save => tài liệu được đẩy đến người Reviewer 1** |
| 2 | Download file | Người dùng | Người dùng nhấn icon Download file |
|  |  | Hệ thống | Hệ thống tự động tải file xuống thư mục mặc định trên thiết bị người dùng |
| 3 | Remove file | Người dùng | Người dùng nhấn icon Remove file |
|  |  | Hệ thống | Hệ thống xoá file đã được upload. |

## 4. Approve/Reject document tại stage Reviewing

|  |  |
| --- | --- |
| Target Sprint | Sprint.. |
| Module |  |
| Jira Ticket |  |
| Document Status | **review** |
| Document Owner | [Trang. Hoang Thi Thu - CMC Global DU1.12](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~htttrang4) |
| Reviewer | [Tuan. Dong Anh - CMC Global TDX](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~datuan9) |
| Approver | [Tuan. Dong Anh - CMC Global TDX](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~datuan9) |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Version | Date | Author | Note | Jira Ticket |
| 0.1 | 16 May 2024 | [Trang. Hoang Thi Thu - CMC Global DU1.12](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~htttrang4) | Tạo tài liệu |  |
| 0.2 | 21 May 2024 | [Trang. Hoang Thi Thu - CMC Global DU1.12](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~htttrang4) | Bổ sung logic xử lý (highlight đỏ) |  |

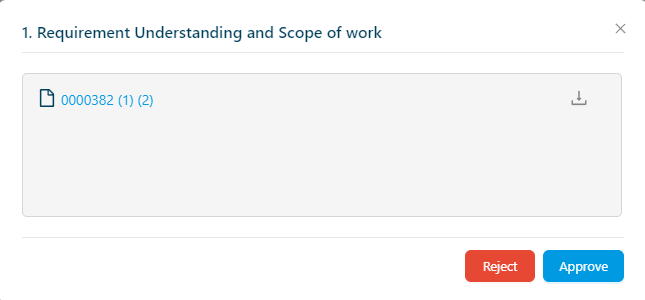
### Requirement Detail

Tác nhân

|  |  |
| --- | --- |
| Tác nhân | Người dùng được phân quyền vào stage Reviewing |
| Điều kiện trước | Đăng nhập thành công vào hệ thống và có quyền thực hiện chức năng này |
| Kết quả đạt được | Người dùng Approve/Reject từng mục thành công |
| Trigger | Tại stage Reviewing, người dùng click từng mục tại cột Portfolio (6 Portfolio) để Approve/Reject portfolio |
| Ngoại lệ | N/A |

Màn hình

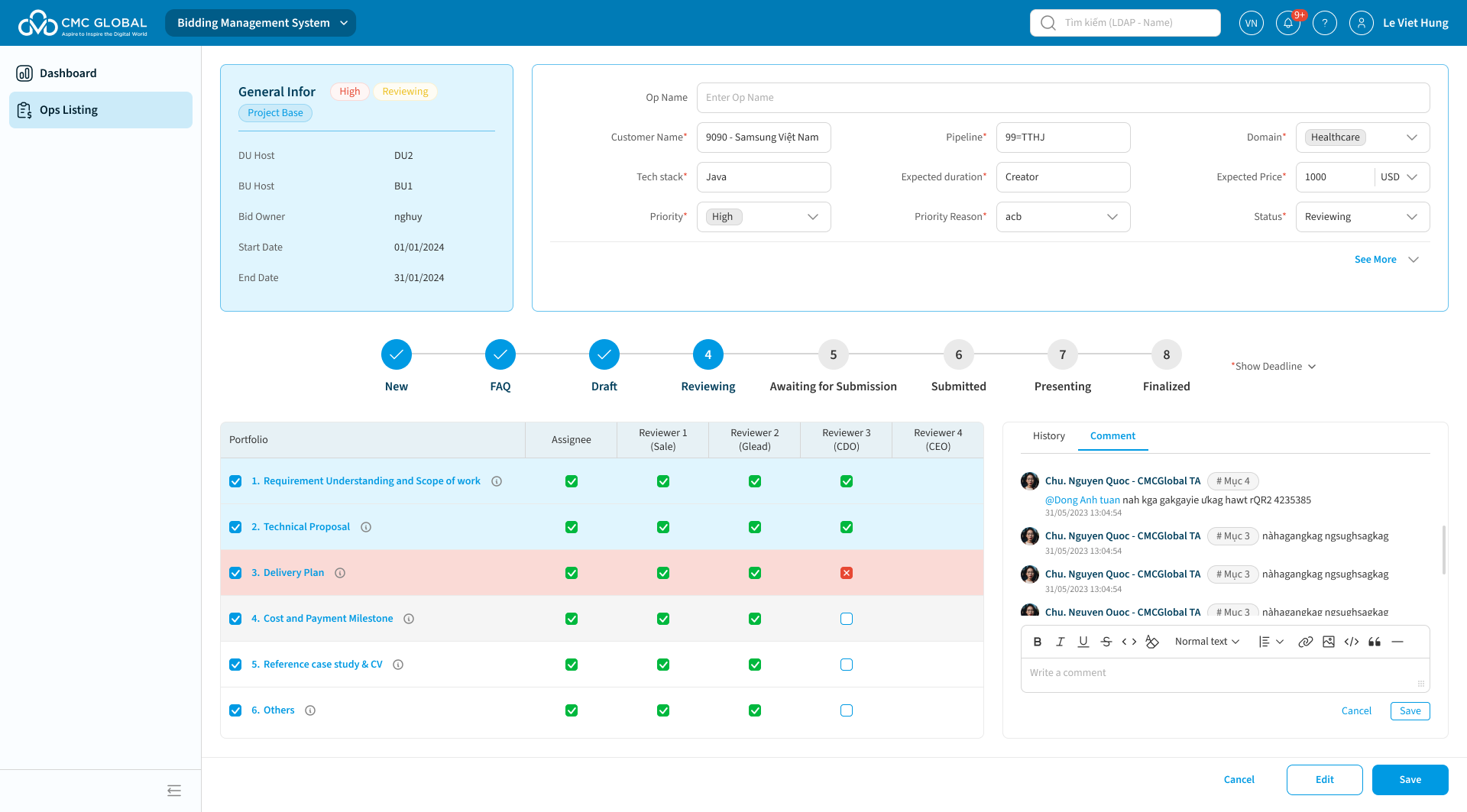
<https://www.figma.com/design/B314qalC7Ogwx1ELj793is/Bidding-UI?node-id=2306-34886&t=TZQGvnyOd5yNlA7u-0>



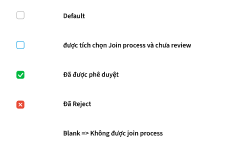
Định nghĩa màn hình

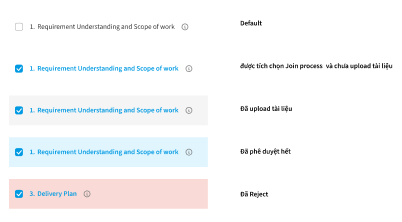
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| # | Tên | Kiểu hiển thị | Kiểu dữ liệu | Bắt Buộc | Độ dài tối đa | Định dạng | Mô tả |
| 1 | Danh sách event |  | N/A | N/A | N/A | N/A |  |
| 2 | Download event | Icon | N/A | N/A | N/A | N/A | Hệ thống cho phép người dùng Download event |
| 3 | Approve | Button | N/A | N/A | N/A | N/A | Hệ thống hiển thị màn hình warning message  "Do you want to approve this portfolio <Tên portfolio>?"  Button: Cancel/Approve    Người dùng chọn: Approve  Hệ thống cập nhật màu của portfolio được approve (theo ảnh dưới) **và tick  tại cột Reviewer approve tương ứng**     * Cancel: quay trở lại màn hình chỉnh sửa Op |
| 4 | Reject | Button | N/A | N/A | N/A | N/A | Hệ thống hiển thị màn hình warning message  "Do you want to reject this portfolio <Tên portfolio>?"  Button: Cancel/Reject    Người dùng chọn Reject  Hệ thống cập nhật màu của portfolio bị reject (theo ảnh dưới) **và tick tại cột Reviewer reject tương ứng**     * Cancel: quay trở lại màn hình chỉnh sửa Op |
| 5 | Thoát | Button | N/A | N/A | N/A | N/A | Khi người dùng click, hệ thống quay trở lại màn hình tại bước Reviewing |

Ví dụ màn hình hiển thị danh sách Portfolio được Approve, Reject thành công:



bảng định nghĩa các bảng màu và tick chọn:





Logic xử lý

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Bước** | **Thao tác** | **Thực hiện** | **Mô tả** |
| 1 | Chọn từng mục tại cột Portfolio | Người dùng | Click vào từng mục tại cột Portfolio |
|  |  | Hệ thống | Hiển thị màn hình S1, cho phép người dùng Approve/Reject event |
| 2 | Click Approve | Người dùng | Click Approve, |
|  |  | Hệ thống | Hiển thị màn hình warning message  "Do you want to approve this portfolio <Tên portfolio>?"  Button: Cancel/Approve |
|  |  | Người dùng | Chọn Approve |
|  |  | Hệ thống | Hiển thị alert thông báo: "Successfully approved"; **đồng thời tick  tại cột Reviewer phê duyệt tương ứng và tài liệu này được tự động đẩy đến reviewer tiếp theo.**  **Thứ tự review như sau: Reviewer 1 → Reviewer 2 → Reviewer 3 → Reviewer 4** |
|  |  | Người dùng | Chọn Cancel |
|  |  | Hệ thống | Đưa người dùng quay trở lại màn hình chỉnh sửa Op |
| 3 | Click Reject | Người dùng | Click Reject |
|  |  | Hệ thống | Hiển thị màn hình warning message  "Do you want to reject this portfolio <Tên portfolio>?"  Button: Cancel/Reject |
|  |  | Người dùng | Chọn Reject |
|  |  | Hệ thống | Hiển thị alert thông báo: "Successfully rejected", **đồng thời  tick tại cột Reviewer reject tương ứng và tài liệu này được tự động đẩy đến reviewer tiếp theo**  **Thứ tự review như sau: Reviewer 1 → Reviewer 2 → Reviewer 3 → Reviewer 4** |
|  | Click nút Cancel | Người dùng | Chọn Cancel |
|  |  | Hệ thống | Đưa người dùng quay trở lại màn hình chỉnh sửa Op |
| 4 | Thoát | Người dùng | Chọn icon Thoát |
|  |  | Hệ thống | Quay trở lại màn hình tại bước Reviewing |

## 5. CRUD Event tại FAQ

### 5.1. Tạo mới Event

|  |  |
| --- | --- |
| Target Sprint | Sprint.. |
| Module |  |
| Jira Ticket |  |
| Document Status | **ready for dev** |
| Document Owner | [Trang. Hoang Thi Thu - CMC Global DU1.12](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~htttrang4) |
| Reviewer | [Tuan. Dong Anh - CMC Global TDX](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~datuan9) |
| Approver | [Tuan. Dong Anh - CMC Global TDX](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~datuan9) |

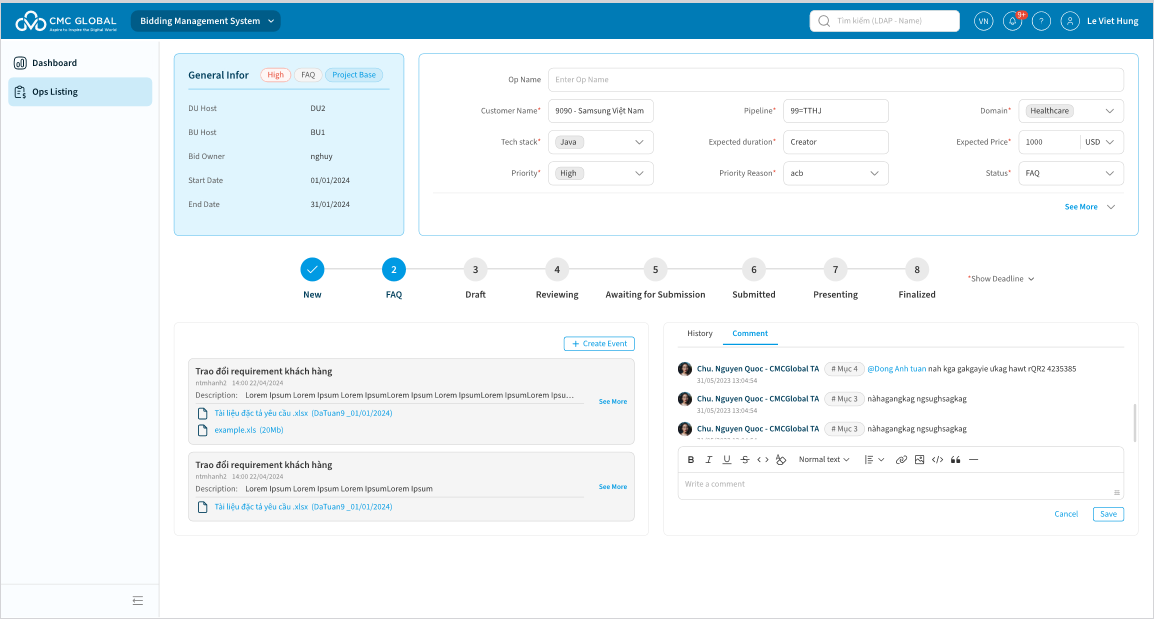
|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Version | Date | Author | Note | Jira Ticket |
| 0.1 | 16 May 2024 | [Trang. Hoang Thi Thu - CMC Global DU1.12](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~htttrang4) | Tạo tài liệu |  |

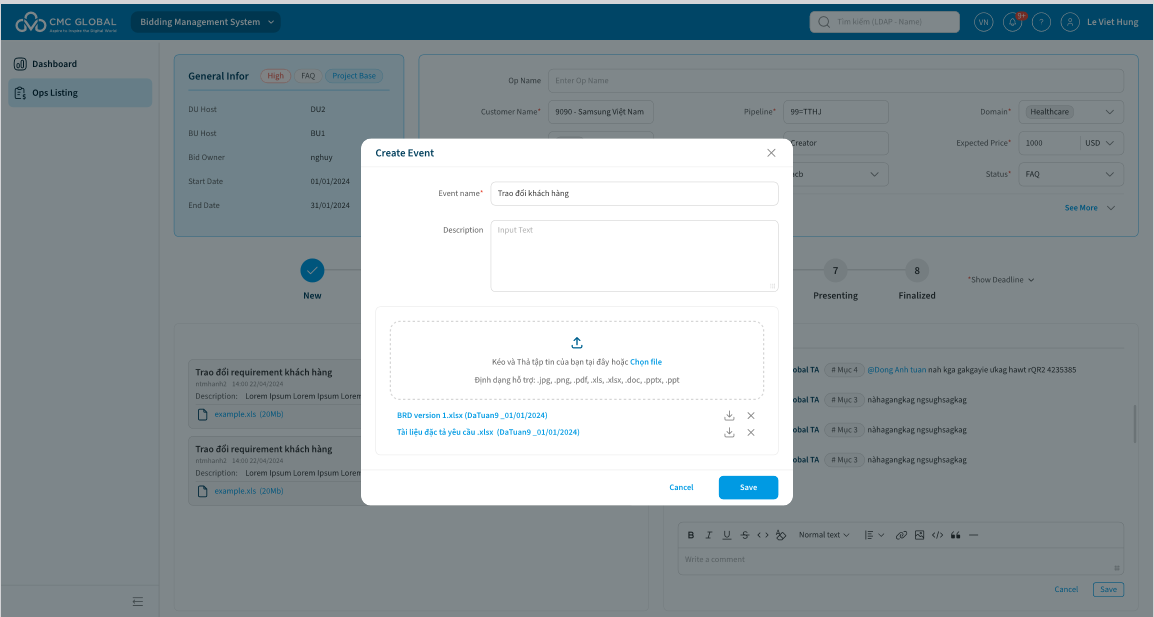
#### Requirement Detail

Tác nhân

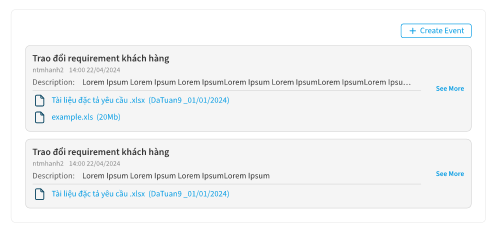
|  |  |
| --- | --- |
| Tác nhân | Người dùng được phân quyền vào stage FAQ |
| Điều kiện trước | + Đăng nhập thành công vào hệ thống và có quyền thực hiện chức năng này |
| Kết quả đạt được | Người dùng tạo mới Event thành công |
| Trigger | Người dùng click nút:  Create Event |
| Ngoại lệ | N/A |

Màn hình

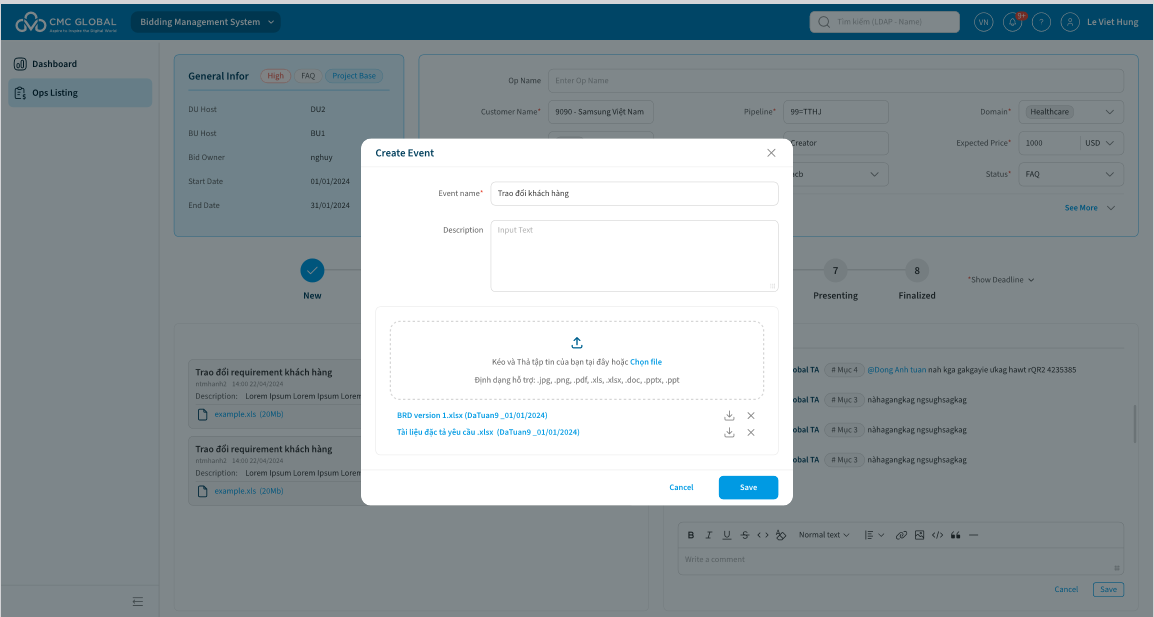




Định nghĩa màn hình



|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| # | Tên | Kiểu hiển thị | Kiểu dữ liệu | Bắt Buộc | Độ dài tối đa | Định dạng | Mô tả |
|  | Create Event | button | N/A | N/A | N/A | N/A | Khi người dùng click button Create Event, màn hình popup hiển thị cho phép người dùng nhập thông tin để tạo mới Event |



|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| # | Tên | Kiểu hiển thị | Kiểu dữ liệu | Bắt Buộc | Độ dài tối đa | Định dạng | Mô tả |
| 1 | Event name | Textbox | Chữ | Yes | 100 | N/A | Người dùng nhập tên Event |
| 2 | Description | Textbox | Chữ | No | 250 | N/A | Người dùng nhập mô tả của Event |
| 3 | File uploader/ Download file/ Remove file |  |  |  |  |  | refer tại [3. Upload/download/Delete File](#scroll-bookmark-30) |
| 4 | Thoát/ Cancel | Button | N/A | N/A | N/A | N/A | * Khi người dùng click, hệ thống hiển thị message warning nếu có dữ liệu người dùng nhập trong popup:  “Are you sure to exit?” * Button: Yes/No * Yes: Hệ thống đóng popup, hiển thị màn hình tại bước FAQ * No: Hệ thống đóng popup, không xử lý logic gì thêm. |
| 5 | Save | Button | N/A | N/A | N/A | N/A | Khi click, hệ thống trigger phần logic xử lý phía dưới |

Logic xử lý

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Bước** | **Thao tác** | **Thực hiện** | **Mô tả** |
| 1 | Chọn Create Event | Người dùng | Click nút Create Event |
|  |  | Hệ thống | Hiển thị màn hình Tạo mới Event |
| 2 | Nhấn nút Thoát/Cancel | Người dùng | Nhấn nút X (góc bên phải) hoặc nút Cancel |
|  |  | Hệ thống | Hệ thống hiển thị Message warning nếu người dùng có nhập dữ liệu trong popup:  “Are you sure to exit?”   * Button: Yes/No |
|  |  | Người dùng | Người dùng chọn Yes |
|  |  | Hệ thống | Hệ thống đóng popup, hiển thị màn hình tại bước FAQ |
|  |  | Người dùng | Người dùng chọn No |
|  |  | Hệ thống | Hệ thống đóng popup, không xử lý logic gì thêm. |
| 3 | Nhấn nút Save | Người dùng | Người dùng nhấn nút Save |
|  |  | Hệ thống | Hệ thống validate:  + trường Event name đã được nhập giá trị chưa?   * Nếu chưa, hiển thị inline message: "Event Name is a required field" * Nếu có, hệ thống trigger logic xử lý phía dưới |

### 5.2. Edit Event

|  |  |
| --- | --- |
| Target Sprint | Sprint.. |
| Module |  |
| Jira Ticket |  |
| Document Status | **ready for dev** |
| Document Owner | [Trang. Hoang Thi Thu - CMC Global DU1.12](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~htttrang4) |
| Reviewer | [Tuan. Dong Anh - CMC Global TDX](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~datuan9) |
| Approver | [Tuan. Dong Anh - CMC Global TDX](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~datuan9) |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Version | Date | Author | Note | Jira Ticket |
| 0.1 | 16 May 2024 | [Trang. Hoang Thi Thu - CMC Global DU1.12](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~htttrang4) | Tạo tài liệu |  |

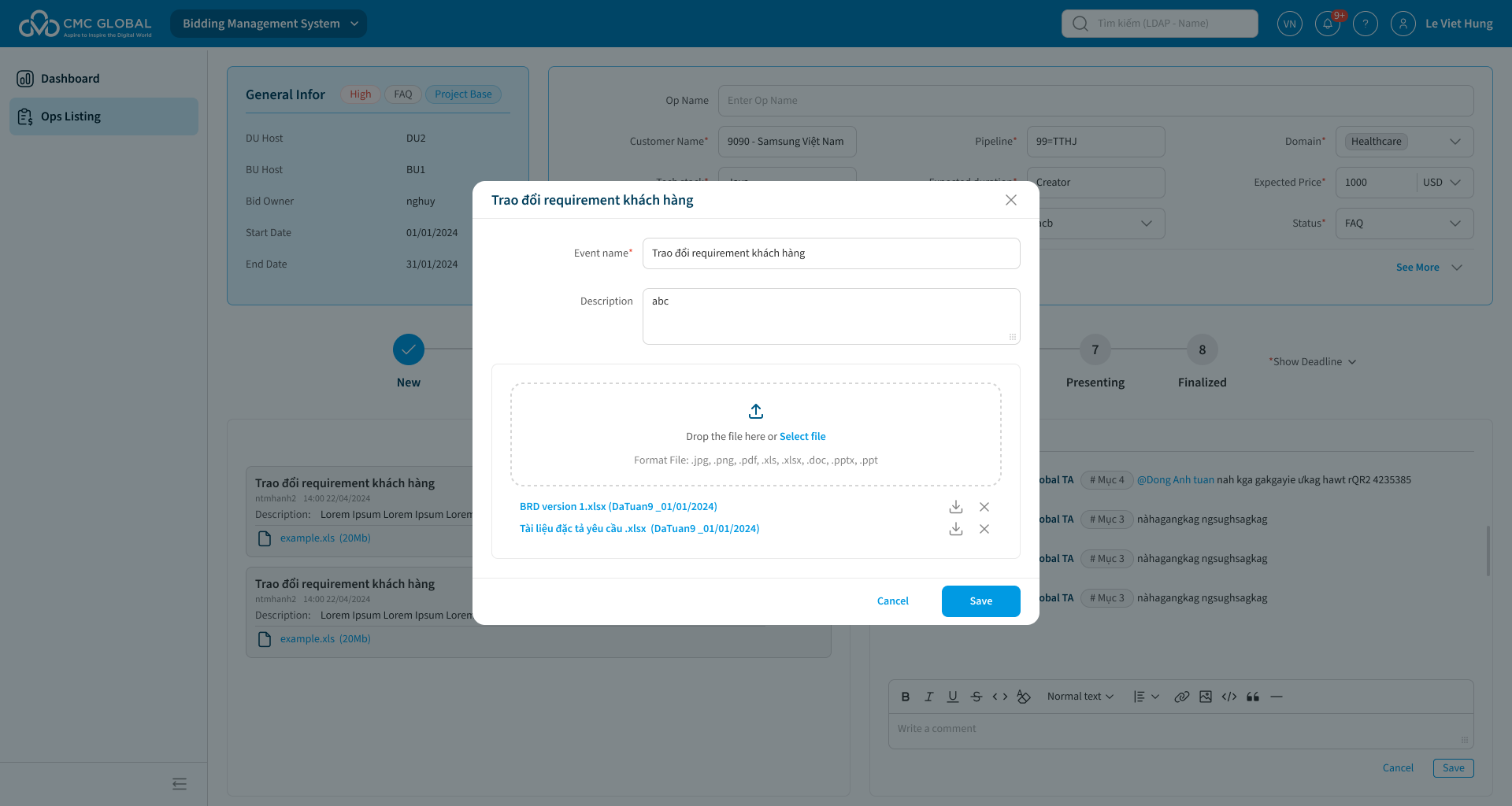
#### Requirement Detail

Tác nhân

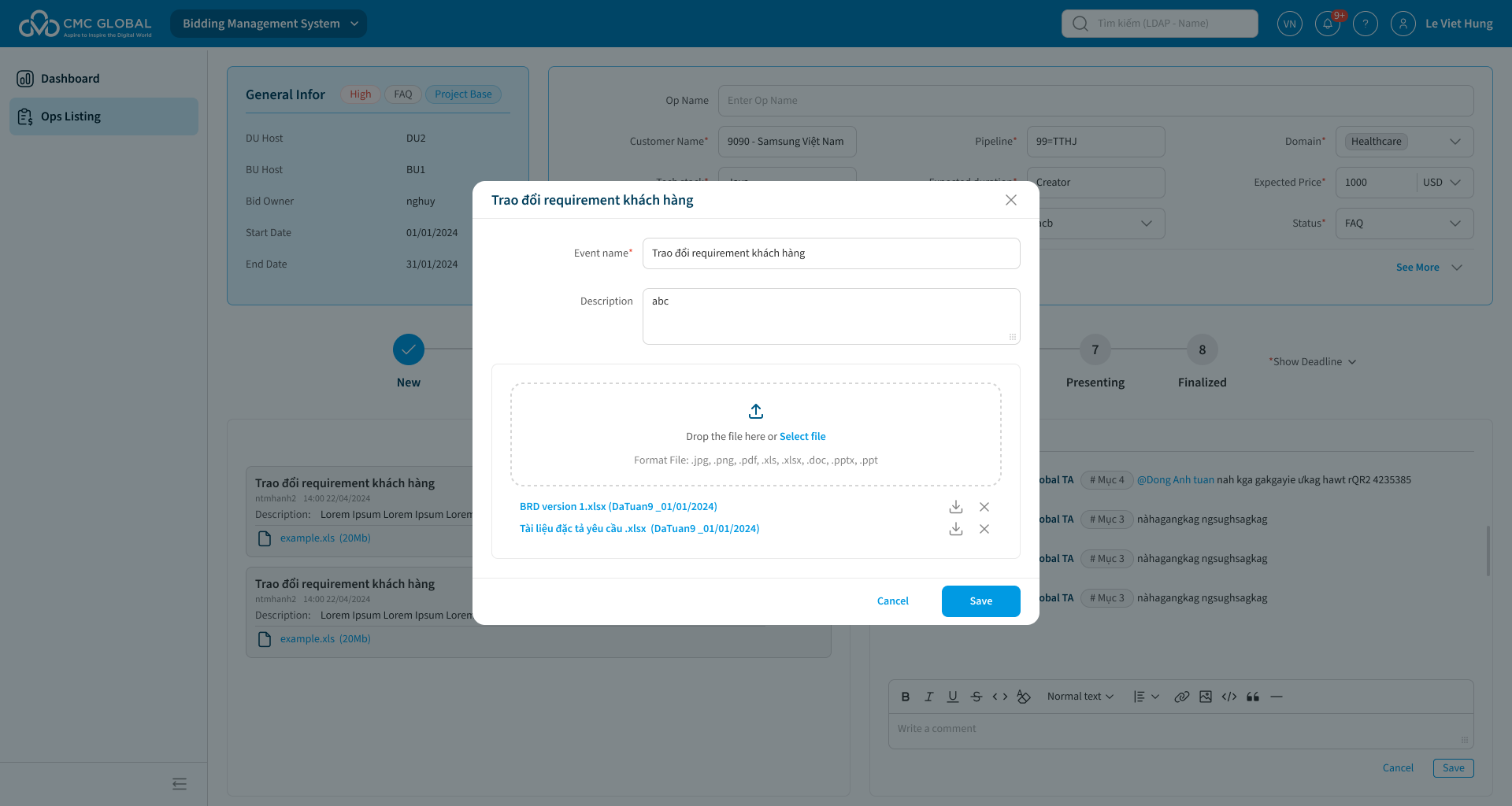
|  |  |
| --- | --- |
| Tác nhân | Người dùng được phân quyền vào stage FAQ |
| Điều kiện trước | Đăng nhập thành công vào hệ thống và có quyền thực hiện chức năng này |
| Kết quả đạt được | Người dùng chỉnh sửa Event thành công |
| Trigger | Người dùng click hyperlink See more => click nút Edit |
| Ngoại lệ | N/A |

Màn hình

<https://www.figma.com/design/B314qalC7Ogwx1ELj793is/Bidding-UI?node-id=2335-25139&t=TZQGvnyOd5yNlA7u-0>



Định nghĩa màn hình



|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| # | Tên | Kiểu hiển thị | Kiểu dữ liệu | Bắt Buộc | Độ dài tối đa | Định dạng | Mô tả |
| 1 | Event name | Textbox | Chữ | Yes | 100 | N/A | Người dùng chỉnh sửa tên Event |
| 2 | Description | Textbox | Chữ | No | 250 | N/A | Người dùng chỉnh sửa mô tả của Event |
| 3 | File uploader/ Download file/ Remove file |  |  |  |  |  | refer tại [3. Upload/download/Delete File](#scroll-bookmark-30) |
| 4 | Thoát/ Cancel | Button | N/A | N/A | N/A | N/A | * Khi người dùng click, hệ thống hiển thị message warning nếu có dữ liệu người dùng nhập trong popup:  “Are you sure to exit?” * Button: Yes/No * Yes: Hệ thống đóng popup, hiển thị màn hình tại bước FAQ * No: Hệ thống đóng popup, không xử lý logic gì thêm. |
| 5 | Save | Button | N/A | N/A | N/A | N/A | Khi click, hệ thống trigger phần logic xử lý phía dưới |

Logic xử lý

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Bước** | **Thao tác** | **Thực hiện** | **Mô tả** |
| 1 | Chọn Edit | Người dùng | Click nút Edit |
|  |  | Hệ thống | Hiển thị màn hình Chỉnh sửa Event |
| 2 | Nhấn nút Thoát/Cancel | Người dùng | Nhấn nút X (góc bên phải) hoặc nút Cancel |
|  |  | Hệ thống | Hệ thống hiển thị Message warning nếu người dùng có nhập dữ liệu trong popup:  “Are you sure to Exit?”   * Button: Yes/No |
|  |  | Người dùng | Người dùng chọn Yes |
|  |  | Hệ thống | Hệ thống đóng popup, hiển thị màn hình tại bước FAQ |
|  |  | Người dùng | Người dùng chọn No |
|  |  | Hệ thống | Hệ thống đóng popup, không xử lý logic gì thêm. |
| 3 | Nhấn nút Save | Người dùng | Người dùng nhấn nút Save |
|  |  | Hệ thống | Hệ thống validate:  + trường Event name đã được nhập giá trị chưa?   * Nếu chưa, hiển thị inline message: "Event Name is a required field" * Nếu rồi, hệ thống trigger logic xử lý phía dưới |

|  |  |
| --- | --- |
| Target Sprint | Sprint.. |
| Module |  |
| Jira Ticket |  |
| Document Status | **review** |
| Document Owner | [Trang. Hoang Thi Thu - CMC Global DU1.12](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~htttrang4) |
| Reviewer | [Tuan. Dong Anh - CMC Global TDX](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~datuan9) |
| Approver | [Tuan. Dong Anh - CMC Global TDX](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~datuan9) |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Version | Date | Author | Note | Jira Ticket |
| 0.1 | 16 May 2024 | [Trang. Hoang Thi Thu - CMC Global DU1.12](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~htttrang4) | Tạo tài liệu |  |

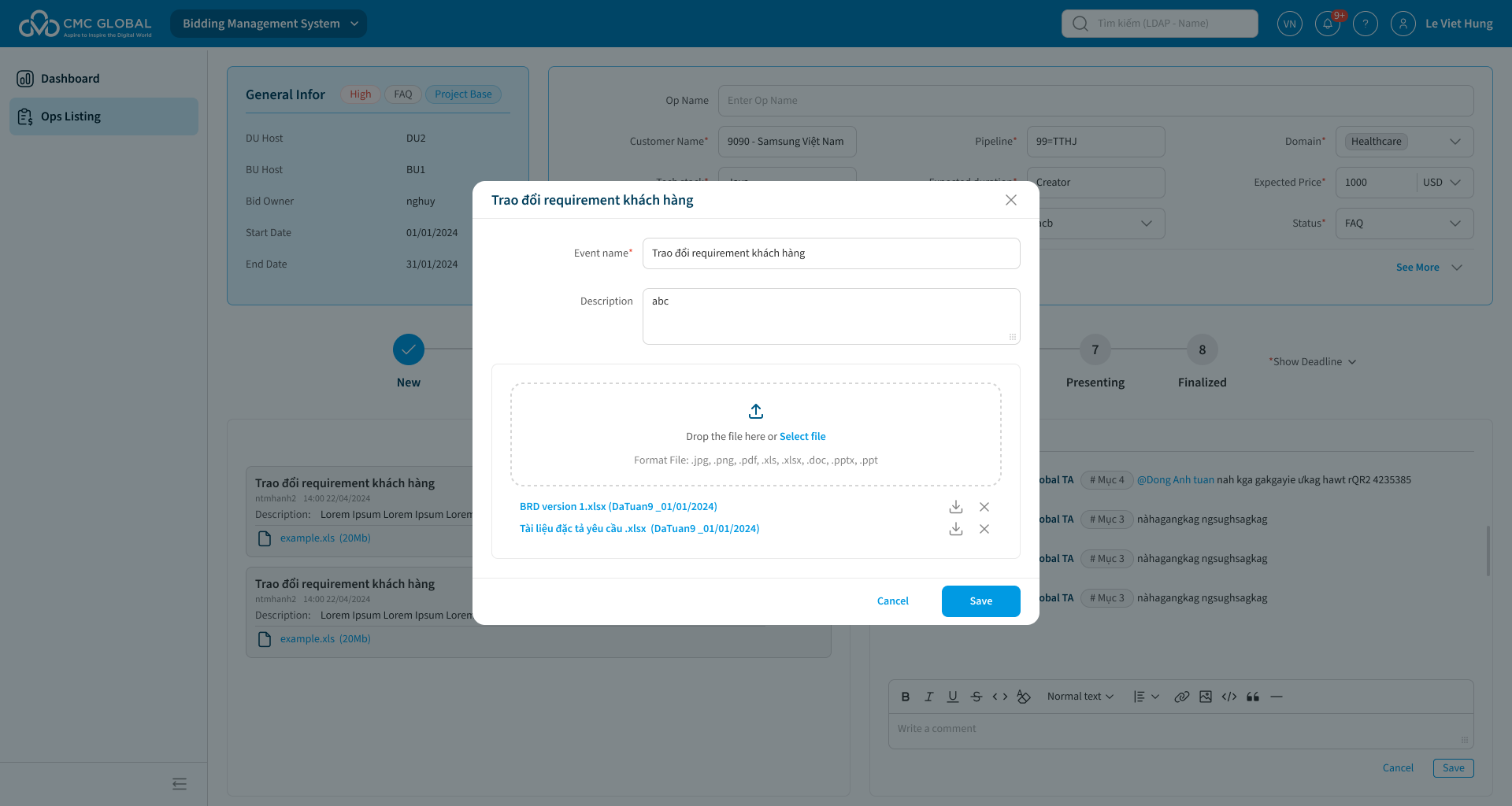
#### Requirement Detail

Tác nhân

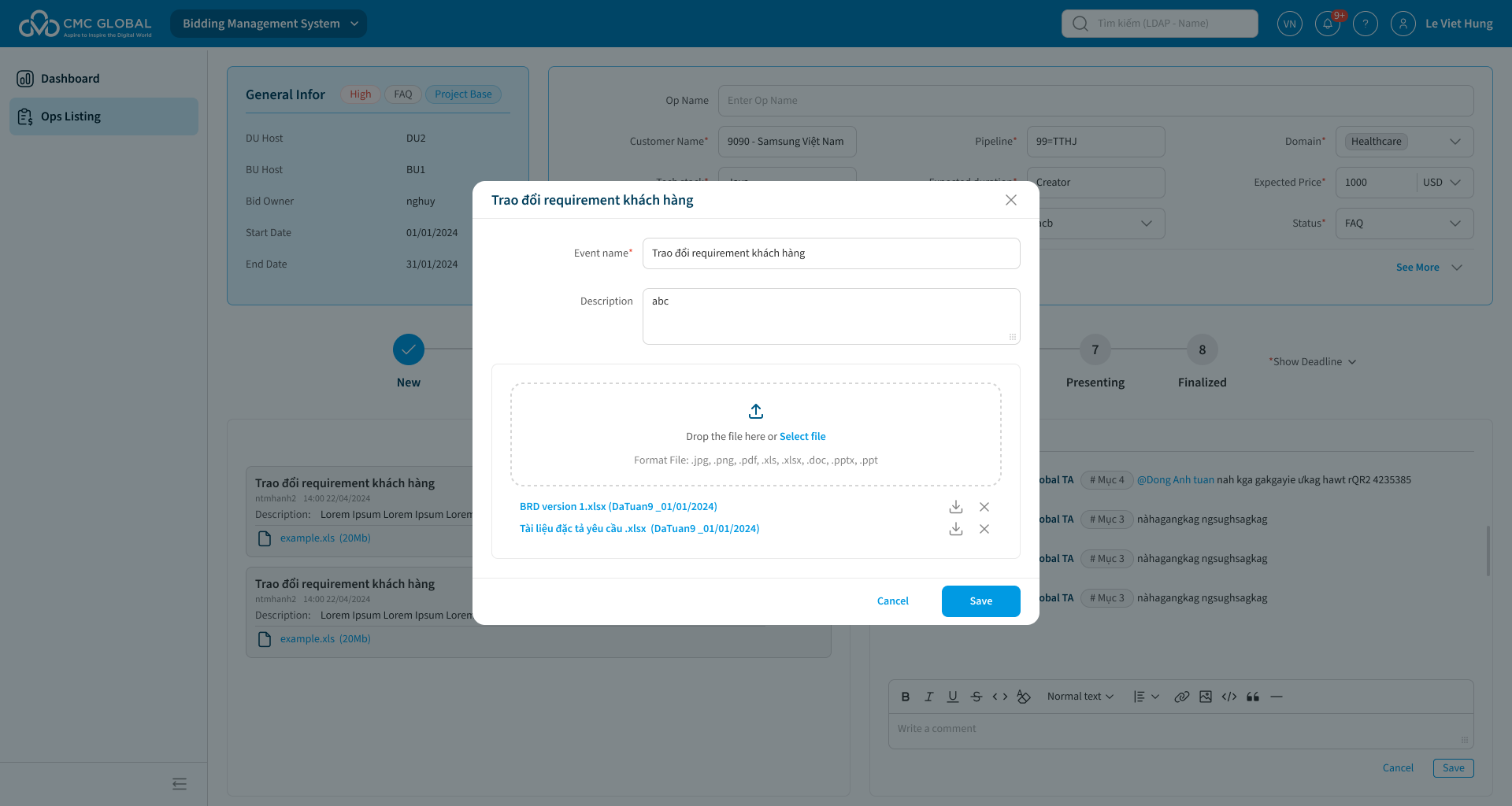
|  |  |
| --- | --- |
| Tác nhân | Người dùng được phân quyền vào stage FAQ |
| Điều kiện trước | Đăng nhập thành công vào hệ thống và có quyền thực hiện chức năng này |
| Kết quả đạt được | Người dùng chỉnh sửa Event thành công |
| Trigger | Người dùng click hyperlink See more => click nút Edit |
| Ngoại lệ | N/A |

Màn hình

<https://www.figma.com/design/B314qalC7Ogwx1ELj793is/Bidding-UI?node-id=2335-25139&t=TZQGvnyOd5yNlA7u-0>



Định nghĩa màn hình



|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| # | Tên | Kiểu hiển thị | Kiểu dữ liệu | Bắt Buộc | Độ dài tối đa | Định dạng | Mô tả |
| 1 | Event name | Textbox | Chữ | Yes | 100 | N/A | Người dùng chỉnh sửa tên Event |
| 2 | Description | Textbox | Chữ | No | 250 | N/A | Người dùng chỉnh sửa mô tả của Event |
| 3 | File uploader/ Download file/ Remove file |  |  |  |  |  | refer tại [3. Upload/download/Delete File](#scroll-bookmark-30) |
| 4 | Thoát/ Cancel | Button | N/A | N/A | N/A | N/A | * Khi người dùng click, hệ thống hiển thị message warning nếu có dữ liệu người dùng nhập trong popup:  “Are you sure to exit?” * Button: Yes/No * Yes: Hệ thống đóng popup, hiển thị màn hình tại bước FAQ * No: Hệ thống đóng popup, không xử lý logic gì thêm. |
| 5 | Save | Button | N/A | N/A | N/A | N/A | Khi click, hệ thống trigger phần logic xử lý phía dưới |

Logic xử lý

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Bước** | **Thao tác** | **Thực hiện** | **Mô tả** |
| 1 | Chọn Edit | Người dùng | Click nút Edit |
|  |  | Hệ thống | Hiển thị màn hình Chỉnh sửa Event |
| 2 | Nhấn nút Thoát/Cancel | Người dùng | Nhấn nút X (góc bên phải) hoặc nút Cancel |
|  |  | Hệ thống | Hệ thống hiển thị Message warning nếu người dùng có nhập dữ liệu trong popup:  “Are you sure to Exit?”   * Button: Yes/No |
|  |  | Người dùng | Người dùng chọn Yes |
|  |  | Hệ thống | Hệ thống đóng popup, hiển thị màn hình tại bước FAQ |
|  |  | Người dùng | Người dùng chọn No |
|  |  | Hệ thống | Hệ thống đóng popup, không xử lý logic gì thêm. |
| 3 | Nhấn nút Save | Người dùng | Người dùng nhấn nút Save |
|  |  | Hệ thống | Hệ thống validate:  + trường Event name đã được nhập giá trị chưa?   * Nếu chưa, hiển thị inline message: "Event Name is a required field" * Nếu rồi, hệ thống trigger logic xử lý phía dưới |

### 5.3. View Event

|  |  |
| --- | --- |
| Target Sprint | Sprint.. |
| Module |  |
| Jira Ticket |  |
| Document Status | **ready for dev** |
| Document Owner | [Trang. Hoang Thi Thu - CMC Global DU1.12](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~htttrang4) |
| Reviewer | [Tuan. Dong Anh - CMC Global TDX](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~datuan9) |
| Approver | [Tuan. Dong Anh - CMC Global TDX](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~datuan9) |

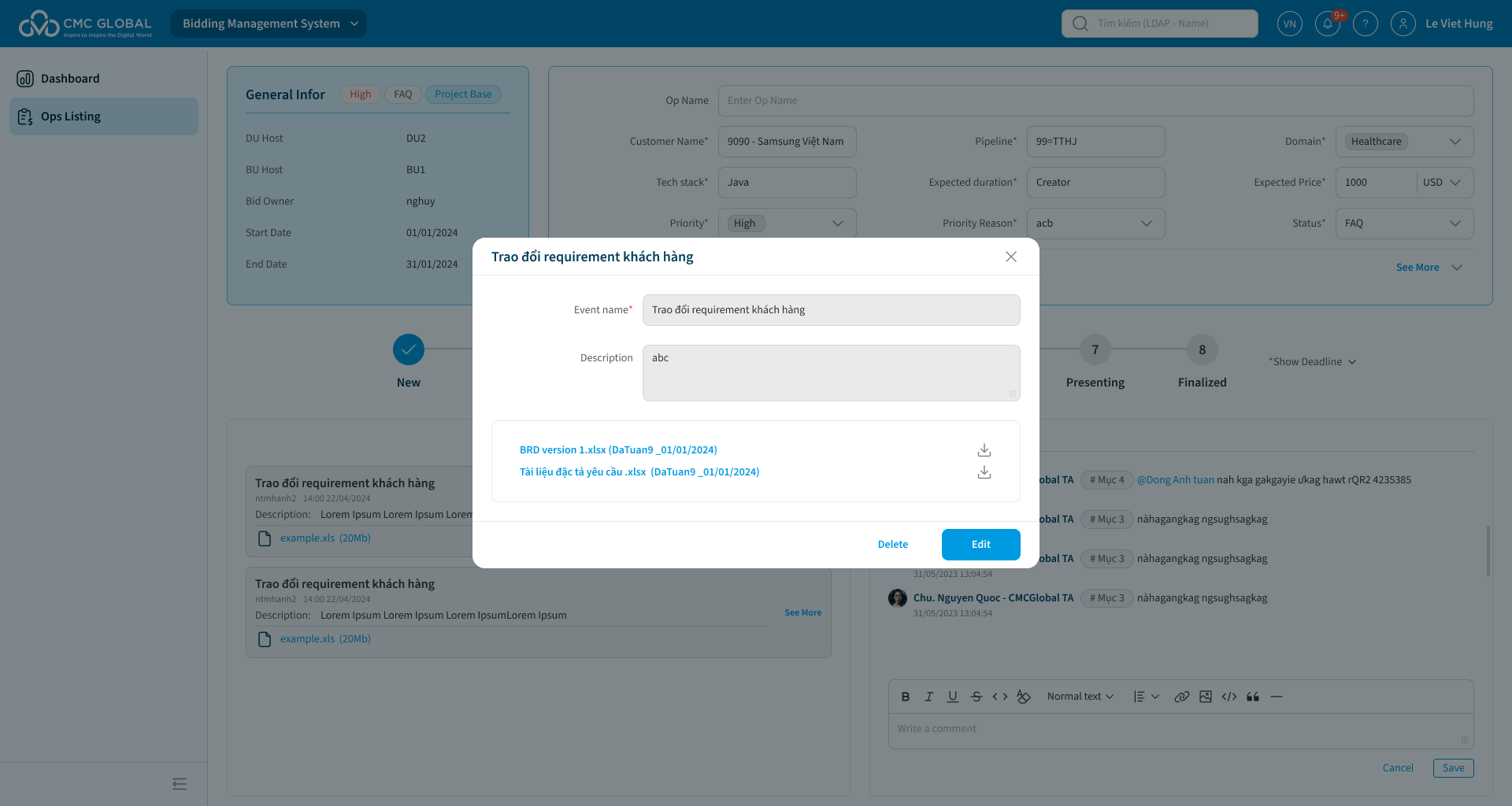
|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Version | Date | Author | Note | Jira Ticket |
| 0.1 | 16 May 2024 | [Trang. Hoang Thi Thu - CMC Global DU1.12](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~htttrang4) | Tạo tài liệu |  |

#### Requirement Detail

Tác nhân

|  |  |
| --- | --- |
| Tác nhân | Người dùng được phân quyền vào stage FAQ |
| Điều kiện trước | + Đăng nhập thành công vào hệ thống và có quyền thực hiện chức năng này |
| Kết quả đạt được | Người dùng View Event thành công |
| Trigger | Người dùng click hyperlink See more |
| Ngoại lệ | N/A |

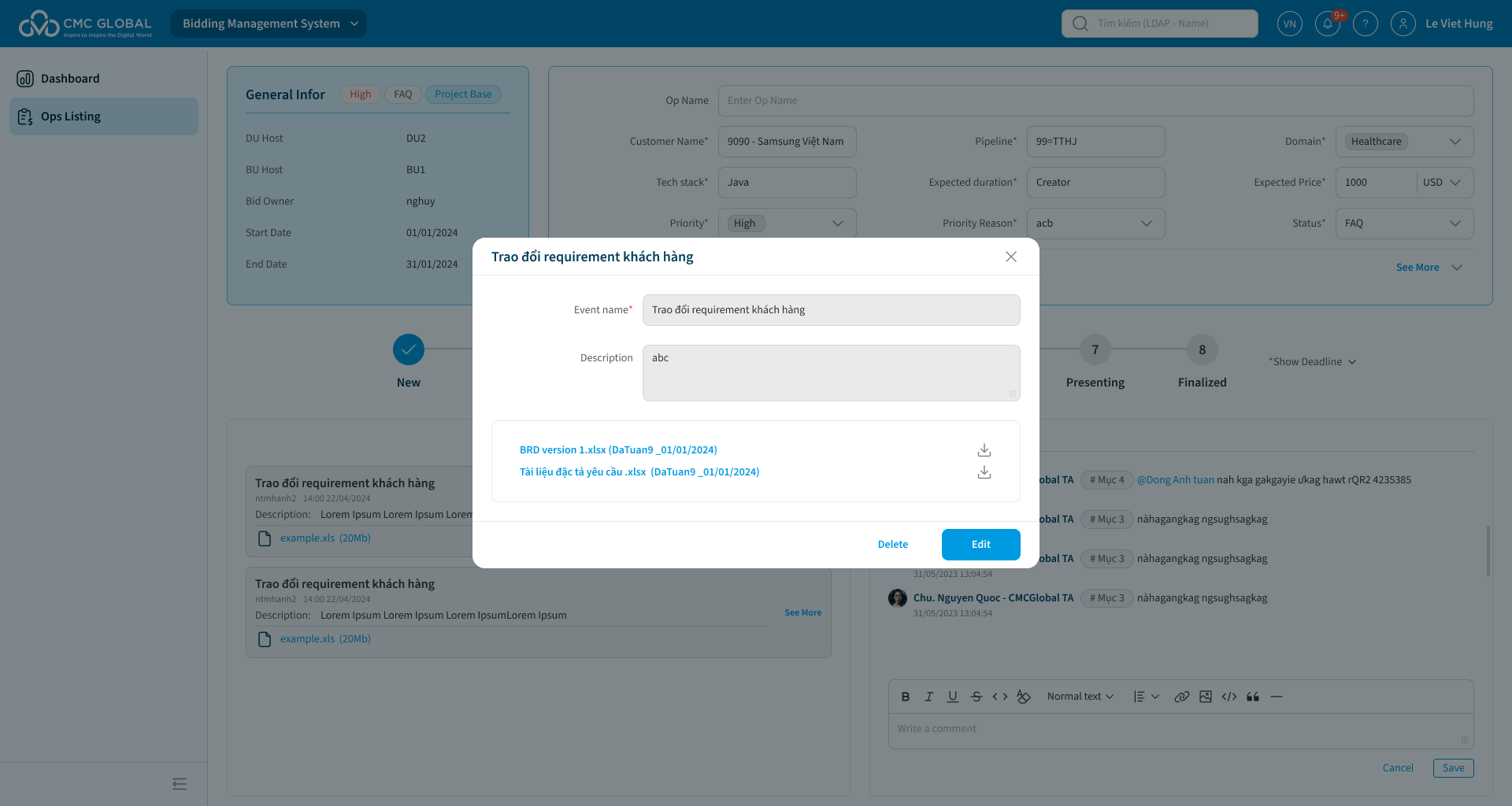
Màn hình



<https://www.figma.com/design/B314qalC7Ogwx1ELj793is/Bidding-UI?node-id=2335-24256&t=TZQGvnyOd5yNlA7u-0>

Định nghĩa màn hình

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| # | Tên | Kiểu hiển thị | Kiểu dữ liệu | Bắt Buộc | Độ dài tối đa | Định dạng | Mô tả |



|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| # | Tên | Kiểu hiển thị | Kiểu dữ liệu | Bắt Buộc | Độ dài tối đa | Định dạng | Mô tả |
| 1 | Event name | Textbox  View only | Chữ | Yes | 100 | N/A | hiển thị tên Event |
| 2 | Description | Textbox  View Only | Chữ | No | 250 | N/A | hiển thị Mô tả |
| 3 | Danh sách file đã upload |  |  |  |  |  | hiển thị các file đã upload (nếu có); mỗi file đã upload đều có icon Download file |
| 4 | Download file | Icon | N/A | N/A | N/A | N/A | Khi người dùng click icon Download file, hệ thống cho phép người dùng tải file xuống thư mục mặc định trên thiết bị |
| 5 | Edit | Button | N/A | N/A | N/A | N/A | Khi người dùng click icon Edit, refer tại [Edit Event](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/TH/Edit+Event) |
| 6 | Delete | Button | N/A | N/A | N/A | N/A | [Khi người dùng click icon Delete, refer tại: Delete Event](#scroll-bookmark-47) |
| 5 | Thoát | Button | N/A | N/A | N/A | N/A | Khi người dùng click, hệ thống đưa người dùng quay trở lại màn hình FAQ |

Logic xử lý

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Bước** | **Thao tác** | **Thực hiện** | **Mô tả** |
| 1 | Chọn See more | Người dùng | Click nút See more |
|  |  | Hệ thống | Hiển thị màn hình View chi tiết của Event đó |
| 2 | Nhấn nút Thoát | Người dùng | Nhấn nút X (góc bên phải) |
|  |  | Hệ thống | Đưa người dùng trở lại màn hình FAQ |
| 3 | Nhấn nút Edit | Người dùng | Nhấn nút Edit |
|  |  | Hệ thống | Hiển thị màn hình Edit, cho phép người dùng Chỉnh sửa Event, refer tại [Edit Event](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/TH/Edit+Event) |
| 4 | Nhấn nút Delete | Người dùng | Nhấn nút Delete |
|  |  | Hệ thống | refer tại  [Delete Event](#scroll-bookmark-47) |

|  |  |
| --- | --- |
| Target Sprint | Sprint.. |
| Module |  |
| Jira Ticket |  |
| Document Status | **review** |
| Document Owner | [Trang. Hoang Thi Thu - CMC Global DU1.12](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~htttrang4) |
| Reviewer | [Tuan. Dong Anh - CMC Global TDX](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~datuan9) |
| Approver | [Tuan. Dong Anh - CMC Global TDX](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~datuan9) |

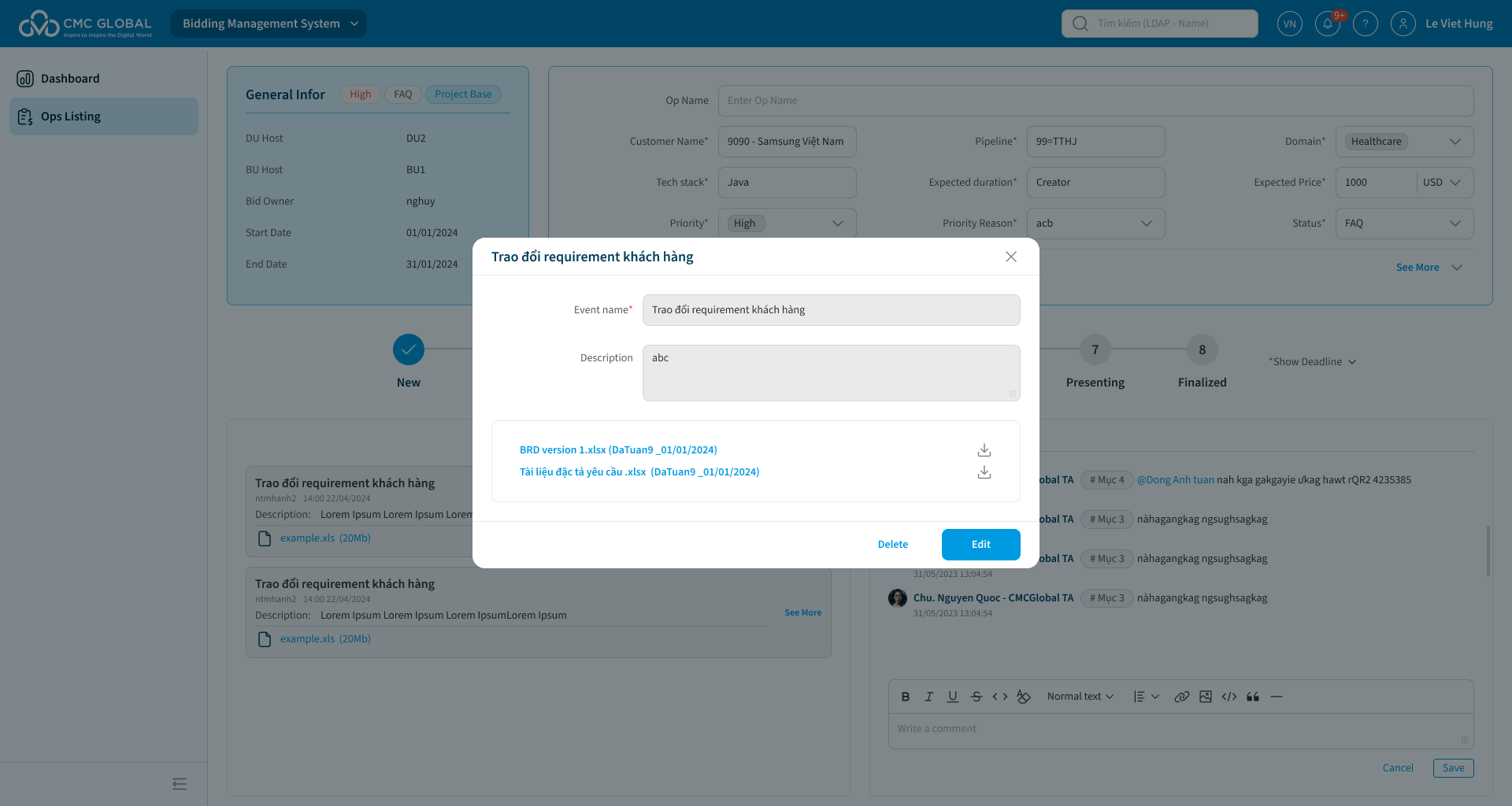
|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Version | Date | Author | Note | Jira Ticket |
| 0.1 | 16 May 2024 | [Trang. Hoang Thi Thu - CMC Global DU1.12](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~htttrang4) | Tạo tài liệu |  |

#### Requirement Detail

Tác nhân

|  |  |
| --- | --- |
| Tác nhân | Người dùng được phân quyền vào stage FAQ |
| Điều kiện trước | + Đăng nhập thành công vào hệ thống và có quyền thực hiện chức năng này |
| Kết quả đạt được | Người dùng View Event thành công |
| Trigger | Người dùng click hyperlink See more |
| Ngoại lệ | N/A |

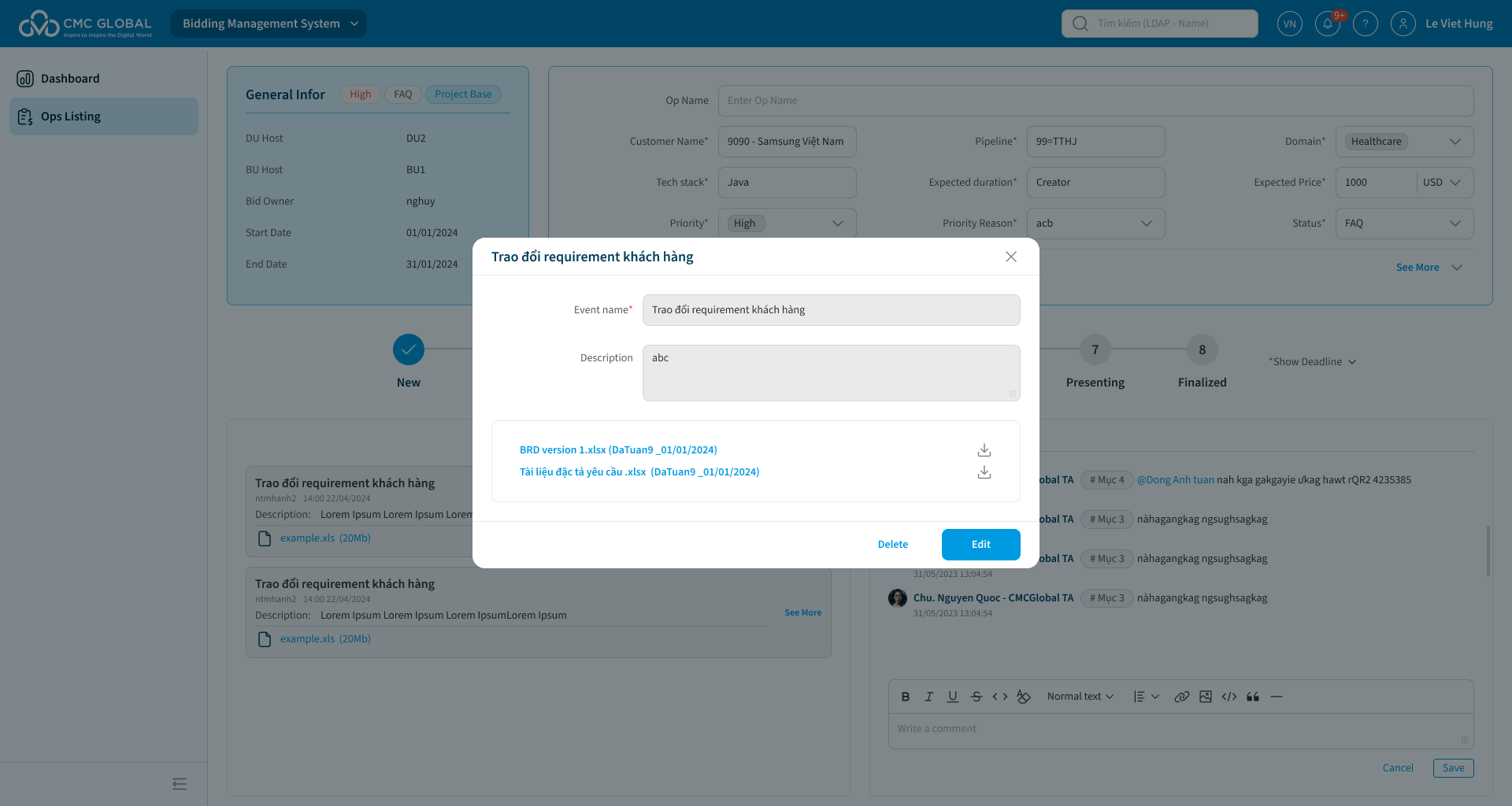
Màn hình



<https://www.figma.com/design/B314qalC7Ogwx1ELj793is/Bidding-UI?node-id=2335-24256&t=TZQGvnyOd5yNlA7u-0>

Định nghĩa màn hình

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| # | Tên | Kiểu hiển thị | Kiểu dữ liệu | Bắt Buộc | Độ dài tối đa | Định dạng | Mô tả |



|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| # | Tên | Kiểu hiển thị | Kiểu dữ liệu | Bắt Buộc | Độ dài tối đa | Định dạng | Mô tả |
| 1 | Event name | Textbox  View only | Chữ | Yes | 100 | N/A | hiển thị tên Event |
| 2 | Description | Textbox  View Only | Chữ | No | 250 | N/A | hiển thị Mô tả |
| 3 | Danh sách file đã upload |  |  |  |  |  | hiển thị các file đã upload (nếu có); mỗi file đã upload đều có icon Download file |
| 4 | Download file | Icon | N/A | N/A | N/A | N/A | Khi người dùng click icon Download file, hệ thống cho phép người dùng tải file xuống thư mục mặc định trên thiết bị |
| 5 | Edit | Button | N/A | N/A | N/A | N/A | Khi người dùng click icon Edit, refer tại [Edit Event](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/TH/Edit+Event) |
| 6 | Delete | Button | N/A | N/A | N/A | N/A | [Khi người dùng click icon Delete, refer tại: Delete Event](#scroll-bookmark-47) |
| 5 | Thoát | Button | N/A | N/A | N/A | N/A | Khi người dùng click, hệ thống đưa người dùng quay trở lại màn hình FAQ |

Logic xử lý

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Bước** | **Thao tác** | **Thực hiện** | **Mô tả** |
| 1 | Chọn See more | Người dùng | Click nút See more |
|  |  | Hệ thống | Hiển thị màn hình View chi tiết của Event đó |
| 2 | Nhấn nút Thoát | Người dùng | Nhấn nút X (góc bên phải) |
|  |  | Hệ thống | Đưa người dùng trở lại màn hình FAQ |
| 3 | Nhấn nút Edit | Người dùng | Nhấn nút Edit |
|  |  | Hệ thống | Hiển thị màn hình Edit, cho phép người dùng Chỉnh sửa Event, refer tại [Edit Event](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/TH/Edit+Event) |
| 4 | Nhấn nút Delete | Người dùng | Nhấn nút Delete |
|  |  | Hệ thống | refer tại  [Delete Event](#scroll-bookmark-47) |

### 5.4. Xoá Event

|  |  |
| --- | --- |
| Target Sprint | Sprint.. |
| Module |  |
| Jira Ticket |  |
| Document Status | **ready for dev** |
| Document Owner | [Trang. Hoang Thi Thu - CMC Global DU1.12](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~htttrang4) |
| Reviewer | [Tuan. Dong Anh - CMC Global TDX](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~datuan9) |
| Approver | [Tuan. Dong Anh - CMC Global TDX](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~datuan9) |

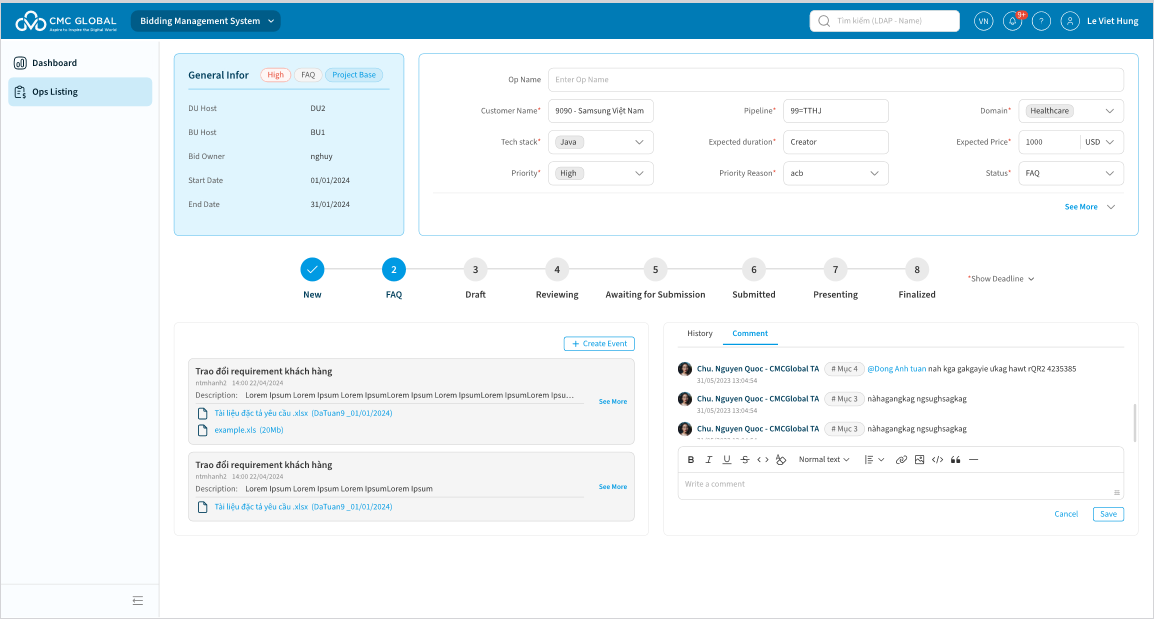
|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Version | Date | Author | Note | Jira Ticket |
| 0.1 | 16 May 2024 | [Trang. Hoang Thi Thu - CMC Global DU1.12](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~htttrang4) | Tạo tài liệu |  |

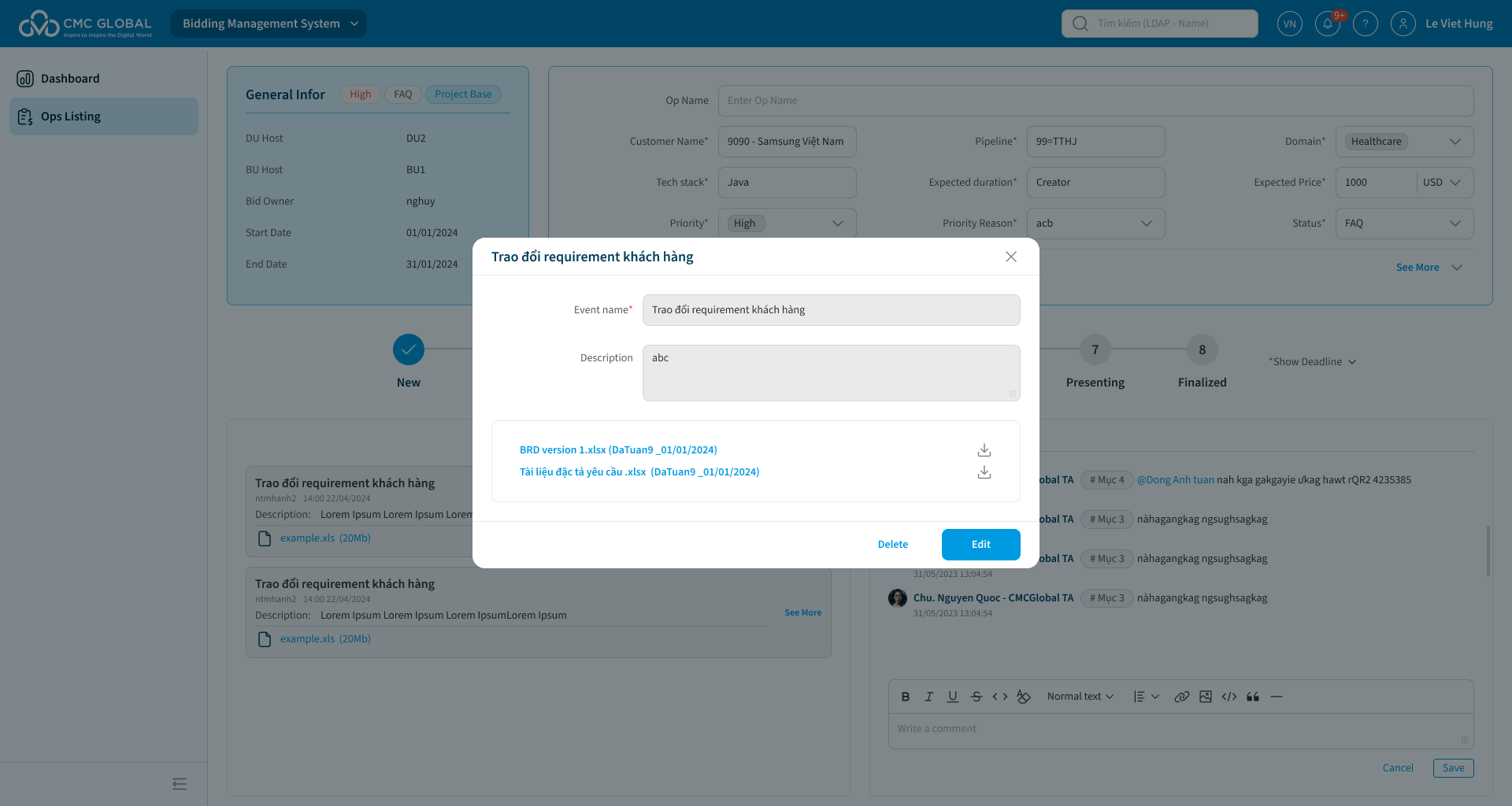
#### Requirement Detail

Tác nhân

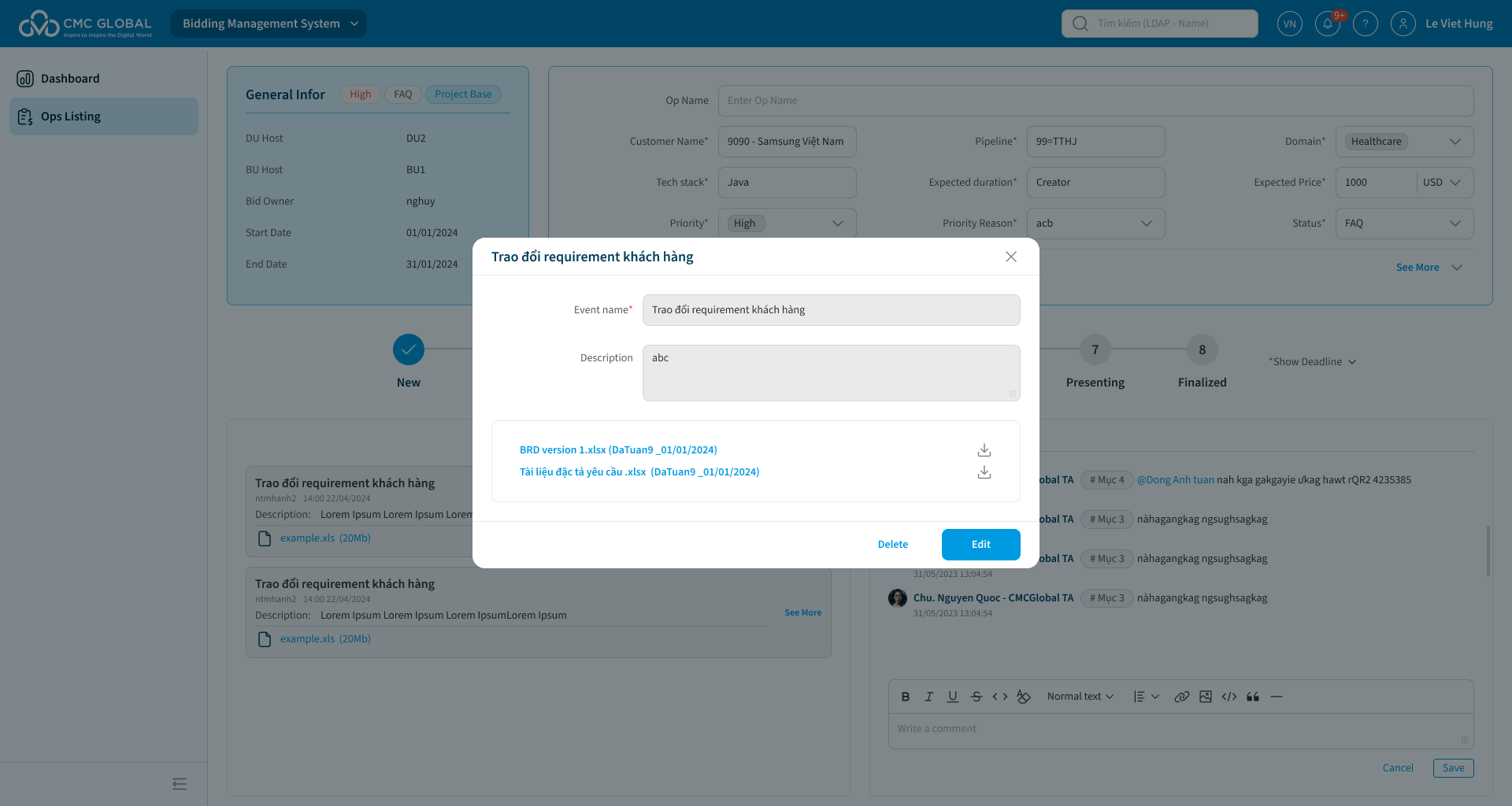
|  |  |
| --- | --- |
| Tác nhân | Người dùng được phân quyền vào stage FAQ |
| Điều kiện trước | Đăng nhập thành công vào hệ thống và có quyền thực hiện chức năng này |
| Kết quả đạt được | Người dùng xoá Event thành công |
| Trigger | Người dùng click hyperlink See more => click nút Delete |
| Ngoại lệ | N/A |

Màn hình





Định nghĩa màn hình



|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| # | Tên | Kiểu hiển thị | Kiểu dữ liệu | Bắt Buộc | Độ dài tối đa | Định dạng | Mô tả |
| 1 | Event name | Textbox | Chữ | Yes | 100 | N/A | Màn hình hiển thị tên Event |
| 2 | Description | Textbox | Chữ | No | 250 | N/A | Màn hình hiển thị mô tả Event |
| 3 | Danh sách file đã upload |  |  |  |  |  | hiển thị các file đã upload (nếu có); mỗi file đã upload đều có icon Download file |
| 4 | Download file | Icon | N/A | N/A | N/A | N/A | Khi người dùng click icon Download file, hệ thống cho phép người dùng tải file xuống thư mục mặc định trên thiết bị |
| 5 | Edit | Button | N/A | N/A | N/A | N/A | Khi người dùng click icon Edit, refer tại [5.2. Edit Event](#scroll-bookmark-42) |
| 6 | Delete | Button | N/A | N/A | N/A | N/A | Khi người dùng click icon Delete, màn hình hiển thi warning message: " Are you sure to delete this Event?"  Button: Yes/No  Yes: Hệ thống xoá event khỏi màn hình hiển thị  No: Hệ thống hiển thị màn hình View Event |
| 5 | Thoát | Button | N/A | N/A | N/A | N/A | Khi người dùng click, hệ thống đưa người dùng quay trở lại màn hình FAQ |

Logic xử lý

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Bước** | **Thao tác** | **Thực hiện** | **Mô tả** |
| 1 | Chọn nút Delete | Người dùng | Click nút Delete |
|  |  | Hệ thống | Hiển thị màn hình warning message:  " Are you sure to delete this Event?"  Button: Yes/No |
|  |  | Người dùng | Chọn Yes |
|  |  | Hệ thống | Xoá event khỏi màn hình |
|  |  | Người dùng | Chọn No |
|  |  | Hệ thống | Hiển thị màn hình View Event |

## 6. Tạo mới/Xem comment/Tracking history

### 6.1. Thêm comment

|  |  |
| --- | --- |
| Target Sprint | Sprint.. |
| Module |  |
| Jira Ticket |  |
| Document Status | **ready for dev** |
| Document Owner | [Trang. Hoang Thi Thu - CMC Global DU1.12](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~htttrang4) |
| Reviewer | [Tuan. Dong Anh - CMC Global TDX](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~datuan9) |
| Approver | [Tuan. Dong Anh - CMC Global TDX](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~datuan9) |

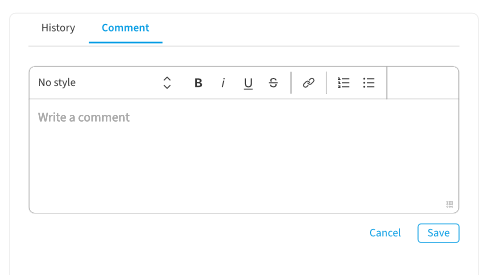
|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Version | Date | Author | Note | Jira Ticket |
| 0.1 | 17 May 2024 | [Trang. Hoang Thi Thu - CMC Global DU1.12](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~htttrang4) | Tạo tài liệu |  |
| 0.2 | 22 May 2024 | [Trang. Hoang Thi Thu - CMC Global DU1.12](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~htttrang4) | Sửa Mục Định nghĩa màn hình=> Mô tả trường 3. Write Comment  (highlight đỏ) |  |
| 0.3 | 21 Jun 2024 | [Trang. Hoang Thi Thu - CMC Global DU1.12](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~htttrang4) | Sửa max length trường Write Comment (highlight xanh) |  |

#### Requirement Detail

Tác nhân

|  |  |
| --- | --- |
| Tác nhân | Người dùng được phân quyền vào hệ thống này |
| Điều kiện trước | Đăng nhập thành công vào hệ thống và có quyền thực hiện chức năng này |
| Kết quả đạt được | Người dùng tạo mới comment thành công |
| Trigger | Người dùng click tab Comment, hệ thống hiển thị màn hình tạo Comment |
| Ngoại lệ | N/A |

Màn hình



Định nghĩa màn hình

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| # | Tên | Kiểu hiển thị | Kiểu dữ liệu | Bắt Buộc | Độ dài tối đa | Định dạng | Mô tả |
| 1 | Tab bar | Tab bar | N/A | N/A | N/A | N/A | Hiển thị 2 giá trị History, Comment   * History: khi người dùng click, hiển thị section History * Comment: khi người dùng click, hiển thị section Comment |
| 2 | Rich text | Rich text | N/A | N/A | N/A | N/A | Cho phép người dùng chọn font chữ, bôi đậm (B), chữ nghiêng (*i),* chữ gạch chân dưới, gạch ngang, gạch bulletpoint, đánh số,... |
| 3 | Write comment | Textbox | Chữ | N/A | 500 | N/A | Người dùng viết comment.   * Trường hợp người dùng muốn thêm comment cho mỗi mục tại cột Portfolio (6 mục); người dùng nhấn hashtag (#) + mục muốn comment:   Ví dụ: #Portfolio 1: cần bổ sung thêm tài liệu   * **Trường hợp người dùng muốn tag tên, người dùng nhập @+ ký tự; màn hình hiển thị danh sách gợi ý có ký tự trùng với nội dung nhập**   **Ví dụ: Người dùng nhập @t => màn hình hiển thị danh sách các user có ký tự t trong tên và các user liên quan đến Op gồm user thuộc CEO,CDO, DUlead, BUlead,Glead, sales, assignee** |
| 4 | Save | Button | N/A | N/A | N/A | N/A | Hệ thống validate xem có nội dung comment không?   * Nếu có, thực hiện trigger phần logic xử lý phía dưới * Nếu không, không xử lý logic gì |
| 5 | Cancel | Button | N/A | N/A | N/A | N/A | Hệ thống validate xem có nội dung comment không?   * Nếu có, tự động xoá các nội dung tại ô comment * Nếu không, không xử lý logic gì |

Logic xử lý

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Bước** | **Thao tác** | **Thực hiện** | **Mô tả** |
| 1 | Chọn nút Add comment | Người dùng | Click nút Add comment |
|  |  | Hệ thống | Hiển thị màn hình Thêm mới comment |
| 2 | Nhấn nút Save | Người dùng | Người dùng nhấn nút Save |
|  |  | Hệ thống | Hệ thống validate xem có nội dung comment không?   * Nếu có, thực hiện trigger phần logic xử lý * Nếu không, không xử lý logic gì |
| 3 | Nhấn nút Cancel | Người dùng | Nhấn nút Cancel |
|  |  | Hệ thống | Hệ thống validate xem có nội dung comment không?   * Nếu có, tự động xoá các nội dung tại ô comment * Nếu không, không xử lý logic gì |

### 6.2. Xem Comment

|  |  |
| --- | --- |
| Target Sprint | Sprint.. |
| Module |  |
| Jira Ticket |  |
| Document Status | **ready for dev** |
| Document Owner | [Trang. Hoang Thi Thu - CMC Global DU1.12](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~htttrang4) |
| Reviewer | [Tuan. Dong Anh - CMC Global TDX](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~datuan9) |
| Approver | [Tuan. Dong Anh - CMC Global TDX](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~datuan9) |

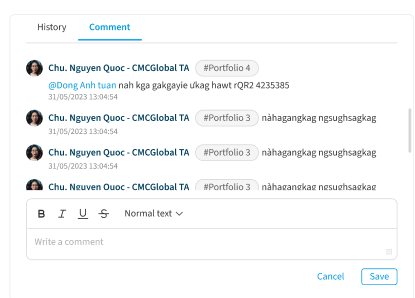
|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Version | Date | Author | Note | Jira Ticket |
| 0.1 | 17 May 2024 | [Trang. Hoang Thi Thu - CMC Global DU1.12](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~htttrang4) | Tạo tài liệu |  |

#### Requirement Detail

Tác nhân

|  |  |
| --- | --- |
| Tác nhân | Người dùng được phân quyền vào hệ thống |
| Điều kiện trước | Đăng nhập thành công vào hệ thống và có quyền thực hiện chức năng này |
| Kết quả đạt được | Người dùng View comment thành công |
| Trigger | Người dùng click tab Comment |
| Ngoại lệ | N/A |

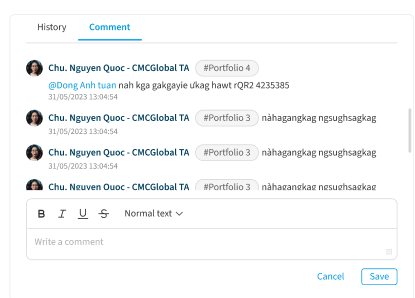
Màn hình





<https://www.figma.com/design/B314qalC7Ogwx1ELj793is/Bidding-UI?node-id=2335-24256&t=TZQGvnyOd5yNlA7u-0>

Định nghĩa màn hình



|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| # | Tên | Kiểu hiển thị | Kiểu dữ liệu | Bắt Buộc | Độ dài tối đa | Định dạng | Mô tả |
| 1 | Tab bar | Tab bar | N/A | N/A | N/A | N/A | Hiển thị 2 giá trị History, Comment   * History: khi người dùng click, hiển thị section History * Comment: khi người dùng click, hiển thị section Comment |
| 2 | Comment |  |  |  |  |  | * Hiển thị Comment của người dùng theo format: Avatar + <Fullname người comment> +Nội dung comment +<date-time comment> * Hiển thị danh sách comment theo trình tự latest trên cùng |
| 2.1 | Nội dung comment |  |  |  |  |  |  |
|  | #Portfolio | Label | N/A | N/A | N/A | N/A | Hiển thị Mục mà người dùng muốn comment |
|  | @+ký tự | hyperlink | N/A | N/A | N/A | N/A | Hiển thị gợi ý người tag tên |
|  | Nội dung | Textbox | Chữ | N/A | 250 | N/A | Nội dung người dùng comment |
| 2.2 | Date-time comment | Date time | N/A | N/A | N/A | N/A | hiển thị thời gian comment theo format DD/MM/YYYY hh:mm |

Logic xử lý

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Bước** | **Thao tác** | **Thực hiện** | **Mô tả** |
| 1 | Chọn tab Comment | Người dùng | Click tab Comment |
|  |  | Hệ thống | Hiển thị danh sách comment theo trình tự latest trên cùng |

### 6.3. Tracking history

|  |  |
| --- | --- |
| Target Sprint | Sprint.. |
| Module |  |
| Jira Ticket |  |
| Document Status | **ready for dev** |
| Document Owner | [Trang. Hoang Thi Thu - CMC Global DU1.12](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~htttrang4) |
| Reviewer | [Tuan. Dong Anh - CMC Global TDX](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~datuan9) |
| Approver | [Tuan. Dong Anh - CMC Global TDX](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~datuan9) |

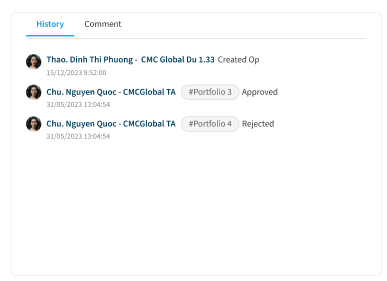
|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Version | Date | Author | Note | Jira Ticket |
| 0.1 | 17 May 2024 | [Trang. Hoang Thi Thu - CMC Global DU1.12](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~htttrang4) | Tạo tài liệu |  |
| 0.2 | 23 May 2024 | [Trang. Hoang Thi Thu - CMC Global DU1.12](https://wiki.cmcglobal.com.vn/display/~htttrang4) | Bổ sung thêm case được mô tả chi tiết tại mục 2 History  (highlight đỏ) |  |

#### Requirement Detail

Tác nhân

|  |  |
| --- | --- |
| Tác nhân | Người dùng được phân quyền vào hệ thống này |
| Điều kiện trước | Đăng nhập thành công vào hệ thống và có quyền thực hiện chức năng này |
| Kết quả đạt được | Người dùng tracking history của op |
| Trigger | Người dùng click tab History |
| Ngoại lệ | N/A |

Màn hình



Định nghĩa màn hình

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| # | Tên | Kiểu hiển thị | Kiểu dữ liệu | Bắt Buộc | Độ dài tối đa | Định dạng | Mô tả |
| 1 | Tab bar | Tab bar | N/A | N/A | N/A | N/A | Hiển thị 2 giá trị History, Comment   * History: khi người dùng click, hiển thị section History * Comment: khi người dùng click, hiển thị section Comment |
| 2 | History | Label | N/A | N/A | N/A | N/A | * Hiển thị History theo format: Avatar + <Fullname> +Nội dung thay đổi +<date-time thay đổi> * Nội dung thay đổi được định nghĩa theo từng case dưới đây. Lưu history đối với các action sau:   1. Chuyển đổi trạng thái: Trạng thái New, format hiển thị: Avatar + <Fullname> created op    Các trạng thái khác, ví dụ:   * Full name- DU made changes Field          Original Value          New Value Status        New                         FAQ     2. Tạo mới event trong stage FAQ => Full name - DU created event Example: Tuan.Dong Anh - CMC Global DU1 created event    3. Event cập nhật dữ liệu mới Full name- DU made changes Field               Original Value             New Value Attachment                                       Examples.xls  **4. Event phê duyệt của reviewer** **Full name- DU made changes**  **Field              Original Value             New Value** **Portfolio 1                                        Approved**  **Portfolio 2                                        Rejected**   * Hiển thị danh sách thay đổi theo trình tự latest trên cùng |

Logic xử lý

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Bước** | **Thao tác** | **Thực hiện** | **Mô tả** |
| 1 | Chọn tab History | Người dùng | Click tab History |
|  |  | Hệ thống | Hiển thị danh sách thay đổi theo trình tự latest trên cùng |

## 7. Permission matrix

Phân quyền chức năng ngày 24/06/2024

Note: vẫn giữ nội dung phân quyền chức năng ngày 11/06/2024; bổ sung 2 quyền BU Lead, DU lead

|  |
| --- |
| O: Được quyền thao tác với tất cả bản ghi (Full quyền) |
| O\*: Được quyền thao tác với bản ghi mình tạo/ mình được assign. |
| X: Không có quyền |
| O\*\*: được quyền thao với bản ghi thuộc BU |
| O\*\*\*: được quyền thao tác với bản ghi thuộc DU |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| No | Module | Epic | Feature | Function | Bid owner | Bidder | Reviewer | Reviewer | Reviewer | BU lead | DU lead | Note |
|  |  |  |  |
| (Sales) | (Assignee) | G-lead | CDO | CEO |  |  |
| 1 | Bidding Management System | Danh sách Ops | Danh sách Ops | Danh sách OPs | O\* | O\* | O\* | O | O | O\*\* | O\*\*\* | **-Nếu BU lead kiêm nhiệm quyền DU lead, thì sẽ hiển thị danh sách op của BU đó + danh sách Op như định nghĩa tại role DU lead**  **-Nếu DU lead kiêm nhiệm quyền BU lead, thì sẽ hiển thị danh sách op của DU đó+ danh sách Op như định nghĩa tại role BU lead** |
| 2 | Xem danh sách OPs | O\* | O\* | O\* | O | O | O\*\* | O\*\*\* |  |
| 3 | Quản lý Ops detail | Tạo OPs | Tạo Ops | O\* | X | X | X | X | X | X |  |
| 4 | Xem chi tiết Ops | Xem chi tiết Ops | O\* | O\* | O\* | O | O | O\*\* | O\*\*\* | 10/06: Bidder có quyền xem chi tiết Op  Note: Trường Price (trên màn form) chỉ Sales (Bid Owner) , DU lead, BU Lead, CEO, CDO mới có quyền view; còn lại các user khác sẽ hiển thị null |
| 5 | Chỉnh sửa Ops | Chỉnh sửa thông tin chung Ops (form) | O\* | O\* | X | X | X | X | O\* | 10/06: DU lead chỉ có quyền chỉnh sửa trường Assignee trên màn form (tại stage =New); còn các trường khác không được chỉnh sửa  Bid Owner được chỉnh sửa tại stage =New  Note: Trường Price (trên màn form) chỉ Sales (Bid Owner) , DU lead, BU Lead, Glead, CEO, CDO mới có quyền view; còn lại các user khác sẽ không nhìn thấy giá trị trường này trên UI |
| 6 | Chuyển đổi status | O\* | X | X | X | X | X | X | update ngày 10/6/2024 |
| 7 | Chỉnh sửa Portfolio | O\* | O\* | O\* | O | O | X | X | Note:   * Khi Op có trạng thái New. Bid Owner có quyền thay đổi portfolio/người được join process. * Khi Op có trạng thái Preparing, chỉ Assignee có quyền upload tài liệu và tick vào checkbox của Assignee. Không user nào có quyền thay đổi checkbox của Portfolio. * Khi Op có trạng thái Reviewing, Reviewer nào thì chỉ được tick vào checkbox của Reviewer đó. * Từ step 5 Awaiting for submission, không cho user sửa tại Portfolio |
| 8 | Xoá Ops | Xoá Ops | O\* | X | O\* | O | O | X | X |  |
| 9 | Comment của Ops detail | Comment | Tạo comment trong ops | O\* | O\* | O\* | O | O | O\*\* | O\*\*\* |  |
| 10 | View comment | O\* | O\* | O\* | O | O | O\*\* | O\*\*\* |  |
| 11 | Sửa comment | O\* | O\* | O\* | O | O | O\*\* | O\*\*\* |  |
| 12 | Xoá comment | O\* | O\* | O\* | O | O | O\*\* | O\*\*\* |  |
| 13 | Danh sách myOp | Danh sách myOp | View my task | O\* | O\* | O\* | O\* | O\* |  |  | BU lead:  -Nếu BU lead kiêm nhiệm thêm quyền (Bid Owner), sẽ nhìn thấy danh sách Op như định nghĩa tại mỗi role.  **-Nếu BU lead kiêm nhiệm quyền DU lead, thì sẽ hiển thị danh sách op của BU đó + danh sách Op như định nghĩa tại role DU lead** - Còn không kiêm nhiệm quyền khác, không hiển thị bản ghi nào  DU lead:  -Nếu BU lead kiêm nhiệm thêm quyền (Bid Owner), sẽ nhìn thấy danh sách Op như định nghĩa tại mỗi role.  **-Nếu BU lead kiêm nhiệm quyền DU lead, thì sẽ hiển thị danh sách op của BU đó + danh sách Op như định nghĩa tại role DU lead** - Còn không kiêm nhiệm quyền khác, không hiển thị bản ghi nào |

Phân quyền chức năng ngày 11/06/2024

|  |
| --- |
| O: Được quyền thao tác với tất cả bản ghi (Full quyền) |
| O\*: Được quyền thao tác với bản ghi mình tạo/ mình được assign. |
| X: Không có quyền |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| No | Module | Epic | Feature | Function | Bid owner | Bidder | Reviewer | Reviewer | Reviewer | Note |
| (Sales) |  |
|  | (Assignee) | G-lead | CDO | CEO |
| 1 | Bidding Management System | Danh sách Ops | Danh sách Ops | Danh sách OPs | O\* | O\* | O\* | O | O |  |
| 2 | Xem danh sách OPs | O\* | O\* | O\* | O | O |  |
| 3 | Quản lý Ops detail | Tạo OPs | Tạo Ops | O\* | X | X | X | X |  |
| 4 | Xem chi tiết Ops | Xem chi tiết Ops | O\* | O\* | O\* | O | O | 10/06: Bidder có quyền xem chi tiết Op  Note: Trường Price (trên màn form) chỉ Sales (Bid Owner) , DU lead, BU Lead, CEO, CDO mới có quyền view; còn lại các user khác sẽ hiển thị null |
| 5 | Chỉnh sửa Ops | Chỉnh sửa thông tin chung Ops (form) | O\* | O\* | X | X | X | 10/06: Bidder (DU lead) chỉ có quyền chỉnh sửa trường Assignee trên màn form; còn các trường khác không được chỉnh sửa(tại stage =New)  Bid Owner được chỉnh sửa tại stage =New  Note: Trường Price (trên màn form) chỉ Sales (Bid Owner) , DU lead, BU Lead, Glead, CEO, CDO mới có quyền view; còn lại các user khác sẽ không nhìn thấy trường này trên UI |
| 6 | Chuyển đổi status | O\* | X | X | X | X | update ngày 10/6/2024 |
| 7 | Chỉnh sửa Portfolio | O\* | O\* | O\* | O | O | Note:   * Khi Op có trạng thái New. Bid Owner có quyền thay đổi portfolio/người được join process. * Khi Op có trạng thái Preparing, chỉ Assignee có quyền upload tài liệu và tick vào checkbox của Assignee. Không user nào có quyền thay đổi checkbox của Portfolio. * Khi Op có trạng thái Reviewing, Reviewer nào thì chỉ được tick vào checkbox của Reviewer đó. * Từ step 5 Awaiting for submission, không cho user sửa tại Portfolio |
| 8 | Xoá Ops | Xoá Ops | O\* | X | O\* | O | O |  |
| 9 | Comment của Ops detail | Comment | Tạo comment trong ops | O\* | O\* | O\* | O | O |  |
| 10 | View comment | O\* | O\* | O\* | O | O |  |
| 11 | Sửa comment | O\* | O\* | O\* | O | O |  |
| 12 | Xoá comment | O\* | O\* | O\* | O | O |  |
| 13 | Danh sách myOp | Danh sách myOp | View my task | O\* | O\* | O\* | O\* | O\* |  |

Phân quyền chức năng

|  |
| --- |
| O: Được quyền thao tác với tất cả bản ghi (Full quyền) |
| O\*: Được quyền thao tác với bản ghi mình tạo/ mình được assign. |
| X: Không có quyền |
| Ngoài phân quyền theo chức năng, user cần thỏa mãn điều kiện về phân quyền dữ liệu theo Location và theo vị trí |
| Các chức năng đối với Quản lý nhân sự, cần phân quyền chi tiết đến từng trường (Chưa làm phase MVP) |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| No | Module | Epic | Feature | Function | Bid owner  (Sales) | Bidder  (Pic) | Reviewer | | | Note |
| G-lead | CDO | CEO |
| 1 | Bidding Management System | Danh sách Ops | Danh sách Ops | Danh sách OPs | O\* | O\* | O\* | O | O |  |
| 2 | Xem danh sách OPs | O\* | O\* | O\* | O | O |  |
| 3 | Quản lý Ops detail | Tạo OPs | Tạo Ops | O\* | X | O\* | O | O |  |
| 4 | Xem chi tiết Ops | Xem chi tiết Ops | O\* | X | O\* | O | O |  |
| 5 | Chỉnh sửa Ops | Chỉnh sửa thông tin chung Ops | O\* | X | O\* | O | O |  |
| 6 | Chuyển đổi status | O\* | X | O\* | O | O |  |
| 7 | Chỉnh sửa tài liệu của Ops (bidder submit material cho bid)) | O\* | O\* | O\* | O | O | Note: có cần bóc tách theo từng status thì được quyền Edit ntn? |
| 8 | Xoá Ops | Xoá Ops | O\* | X | O\* | O | O |  |
| 9 | Comment của Ops detail | Comment | Tạo comment trong ops | O\* | O\* | O\* | O | O |  |
| 10 | View comment | O\* | O\* | O\* | O | O |  |
| 11 | Sửa comment | O\* | O\* | O\* | O | O |  |
| 12 | Xoá comment | O\* | O\* | O\* | O | O |  |
| 13 | Danh sách mytask | Danh sách mytask | View my task | O\* | O\* | O\* | O\* | O\* |  |

Phân quyền chức năng

|  |
| --- |
| O: Được quyền thao tác với tất cả bản ghi (Full quyền) |
| O\*: Được quyền thao tác với bản ghi mình tạo/ mình được assign. |
| X: Không có quyền |
| Ngoài phân quyền theo chức năng, user cần thỏa mãn điều kiện về phân quyền dữ liệu theo Location và theo vị trí |
| Các chức năng đối với Quản lý nhân sự, cần phân quyền chi tiết đến từng trường (Chưa làm phase MVP) |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| No | Module | Epic | Feature | Function | Bid owner  (Sales) | Bidder  (Pic) | Reviewer | | | Note |
| G-lead | CDO | CEO |
| 1 | Bidding Management System | Danh sách Ops | Danh sách Ops | Danh sách OPs | O\* | O\* | O\* | O | O |  |
| 2 | Xem danh sách OPs | O\* | O\* | O\* | O | O |  |
| 3 | Quản lý Ops detail | Tạo OPs | Tạo Ops | O\* | X | O\* | O | O |  |
| 4 | Xem chi tiết Ops | Xem chi tiết Ops | O\* | X | O\* | O | O |  |
| 5 | Chỉnh sửa Ops | Chỉnh sửa thông tin chung Ops | O\* | X | O\* | O | O |  |
| 6 | Chuyển đổi status | O\* | X | O\* | O | O |  |
| 7 | Chỉnh sửa tài liệu của Ops (bidder submit material cho bid)) | O\* | O\* | O\* | O | O | Note: có cần bóc tách theo từng status thì được quyền Edit ntn? |
| 8 | Xoá Ops | Xoá Ops | O\* | X | O\* | O | O |  |
| 9 | Comment của Ops detail | Comment | Tạo comment trong ops | O\* | O\* | O\* | O | O |  |
| 10 | View comment | O\* | O\* | O\* | O | O |  |
| 11 | Sửa comment | O\* | O\* | O\* | O | O |  |
| 12 | Xoá comment | O\* | O\* | O\* | O | O |  |
| 13 | Danh sách mytask | Danh sách mytask | View my task | O\* | O\* | O\* | O\* | O\* |  |

# High level requirement

## 1. Feature list

Feature list \_ Phase 1\_ 15/5/2024

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Index | Module | Feature | Description/ Sub-features |
| 1 | Security | Login/Logout | Login/ Logout |
| Authen | Tích hợp login thông qua POA |
| Author | Phân quyền theo Activities thông qua POA |
| 2 | Bid Management | Danh sách bid | Xem danh sách bid |
| Search/ sort/ filter trên |
| Tạo mới bid | Tạo mới bid (gồm các bước như lưu nháp nhưng chính thức đẩy bid là 1 Bid hoàn chỉnh, có thông tin DU host) |
| Lưu nháp bid (bid owner tạo mới bid gồm các bước tạo mới các yêu cầu bid; custom role duyệt bid...và thực hiện lưu nháp 1 bid) |
| Chỉnh sửa bid | Chỉnh sửa thông tin chung của Bid trong tất cả status trừ status finalized |
| Chỉnh sửa thông tin chung của Bid theo từng stage khi status = FAQ |
| Chỉnh sửa thông tin chung của Bid theo từng stage khi status = Draft |
| Chỉnh sửa thông tin chung của Bid theo từng stage khi status = Reviewing |
| Chỉnh sửa thông tin chung của Bid theo từng stage khi status = Awaiting for submission & Submited & Presenting |
| Chỉnh sửa thông tin chung của Bid theo từng stage khi status = Finalized |
| File managment (trong statge FAQ & Draft) | Upload file |
| Remove file |
| Download file |
| CRUD event trong stage FQA | Tạo event |
| Edit event |
| View event |
| 3 | Xoá event |
|  | Approval/ Reject documents tại stage reviewing | Approval/ Reject |
|  | Comment / History | Tạo comment |
|  | Xem comment |
|  | Tracking action (history) |
|  | Xoá Bid | Xoá ở trạng thái Nháp tạo bid |
|  | My Task | Filter danh sách Bid | Filter Ops list = từng role |

Feature list \_ Phase 1\_ 10/5/2024

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Index | Module | Feature | Description/ Sub-features |
| 1 | Security | Login/Logout | Login/ Logout |
| Authen | Tích hợp login thông qua POA |
| Author | Phân quyền theo Activities thông qua POA |
| 2 | Bid Management | Danh sách bid | Xem danh sách bid |
| Search/ sort/ filter trên |
| Tạo mới bid | Tạo mới bid (gồm các bước như lưu nháp nhưng chính thức đẩy bid là 1 Bid hoàn chỉnh, có thông tin DU host) |
| Lưu nháp bid (bid owner tạo mới bid gồm các bước tạo mới các yêu cầu bid; custom role duyệt bid...và thực hiện lưu nháp 1 bid) |
| Chỉnh sửa bid | Chỉnh sửa bid |
| Chi tiết bid/ Phê duyệt Bid | Xem chi tiết bid |
| Tạo hồ sơ Bid (Bidder tạo hồ sơ bid: upload tài liệu, câu trả lời...) |
| Publish hồ sơ Bid (bidder submit material cho bid) |
| Comment |
| Delegate bid |
| Đổi trạng thái bid |
| Confirm Bid (cho reviewer vào review bid) |
| Approve Bid (cho approver - reviewer cuối cùng approve để đổi trạng thái bid) |
| Reject bid |
| Lịch sử thay đổi trạng thái |
| Xoá bid (xoá ở bước lưu nháp bid trước khi tạo) |
| 3 | My Task | Danh sách mytask | Danh sách mytask |

Feature list \_ Phase 1\_ 15/5/2024

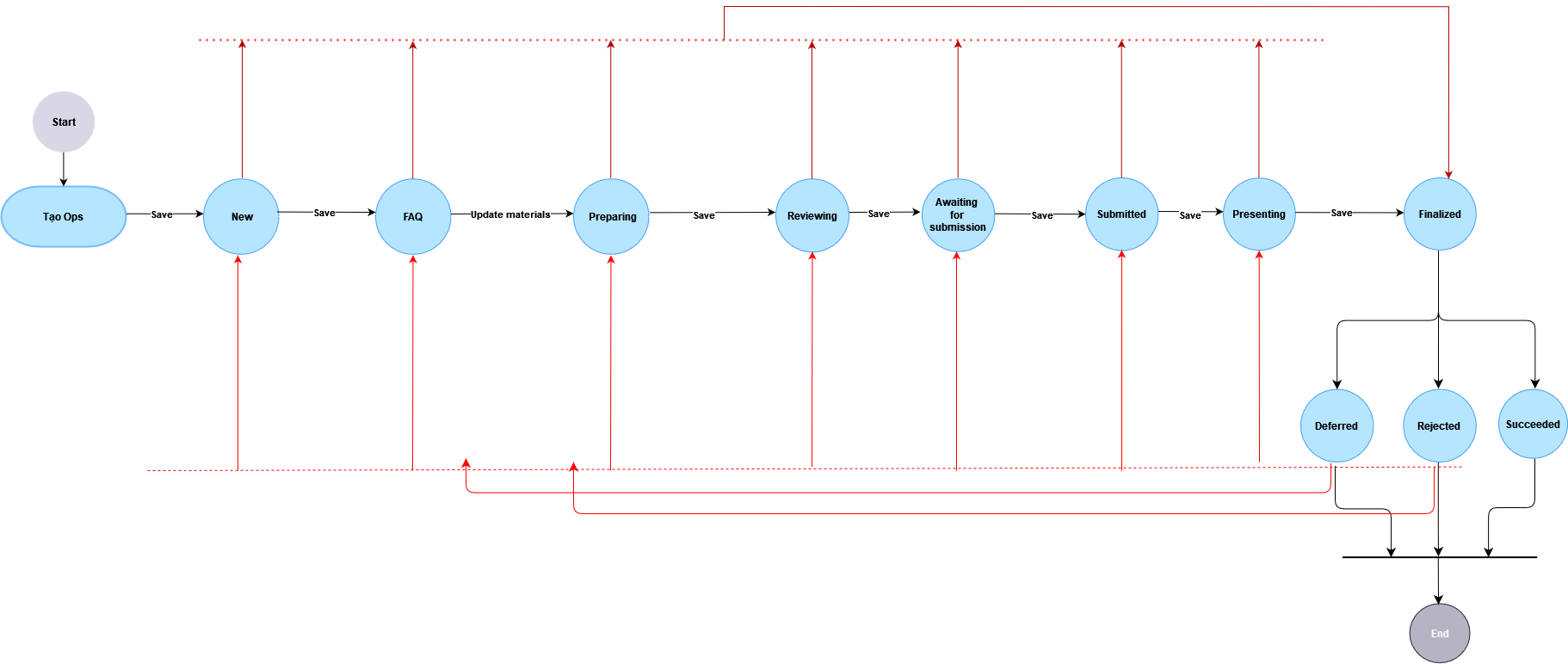
|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Index | Module | Feature | Description/ Sub-features |
| 1 | Security | Login/Logout | Login/ Logout |
| Authen | Tích hợp login thông qua POA |
| Author | Phân quyền theo Activities thông qua POA |
| 2 | Bid Management | Danh sách bid | Xem danh sách bid |
| Search/ sort/ filter trên |
| Tạo mới bid | Tạo mới bid (gồm các bước như lưu nháp nhưng chính thức đẩy bid là 1 Bid hoàn chỉnh, có thông tin DU host) |
| Lưu nháp bid (bid owner tạo mới bid gồm các bước tạo mới các yêu cầu bid; custom role duyệt bid...và thực hiện lưu nháp 1 bid) |
| Chỉnh sửa bid | Chỉnh sửa thông tin chung của Bid trong tất cả status trừ status finalized |
| Chỉnh sửa thông tin chung của Bid theo từng stage khi status = FAQ |
| Chỉnh sửa thông tin chung của Bid theo từng stage khi status = Draft |
| Chỉnh sửa thông tin chung của Bid theo từng stage khi status = Reviewing |
| Chỉnh sửa thông tin chung của Bid theo từng stage khi status = Awaiting for submission & Submited & Presenting |
| Chỉnh sửa thông tin chung của Bid theo từng stage khi status = Finalized |
| File managment (trong statge FAQ & Draft) | Upload file |
| Remove file |
| Download file |
| CRUD event trong stage FQA | Tạo event |
| Edit event |
| View event |
| 3 | Xoá event |
|  | Approval/ Reject documents tại stage reviewing | Approval/ Reject |
|  | Comment / History | Tạo comment |
|  | Xem comment |
|  | Tracking action (history) |
|  | Xoá Bid | Xoá ở trạng thái Nháp tạo bid |
|  | My Task | Filter danh sách Bid | Filter Ops list = từng role |

Feature list \_ Phase 1\_ 10/5/2024

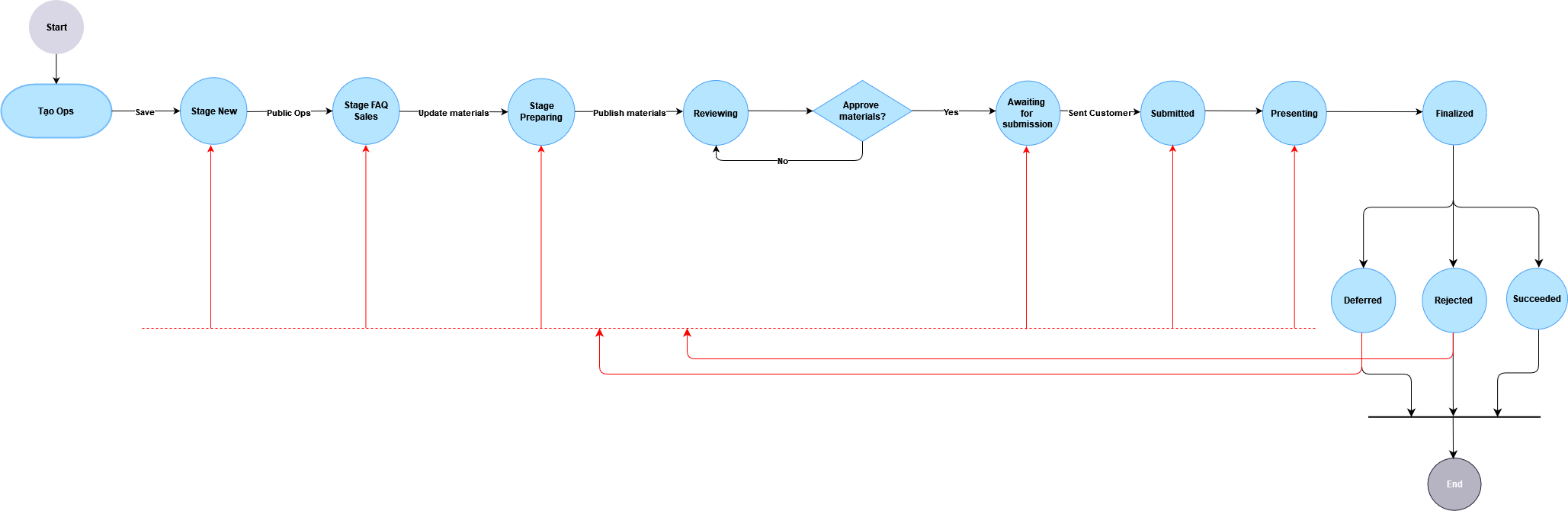
|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Index | Module | Feature | Description/ Sub-features |
| 1 | Security | Login/Logout | Login/ Logout |
| Authen | Tích hợp login thông qua POA |
| Author | Phân quyền theo Activities thông qua POA |
| 2 | Bid Management | Danh sách bid | Xem danh sách bid |
| Search/ sort/ filter trên |
| Tạo mới bid | Tạo mới bid (gồm các bước như lưu nháp nhưng chính thức đẩy bid là 1 Bid hoàn chỉnh, có thông tin DU host) |
| Lưu nháp bid (bid owner tạo mới bid gồm các bước tạo mới các yêu cầu bid; custom role duyệt bid...và thực hiện lưu nháp 1 bid) |
| Chỉnh sửa bid | Chỉnh sửa bid |
| Chi tiết bid/ Phê duyệt Bid | Xem chi tiết bid |
| Tạo hồ sơ Bid (Bidder tạo hồ sơ bid: upload tài liệu, câu trả lời...) |
| Publish hồ sơ Bid (bidder submit material cho bid) |
| Comment |
| Delegate bid |
| Đổi trạng thái bid |
| Confirm Bid (cho reviewer vào review bid) |
| Approve Bid (cho approver - reviewer cuối cùng approve để đổi trạng thái bid) |
| Reject bid |
| Lịch sử thay đổi trạng thái |
| Xoá bid (xoá ở bước lưu nháp bid trước khi tạo) |
| 3 | My Task | Danh sách mytask | Danh sách mytask |

## 2. Stage transaction diagram

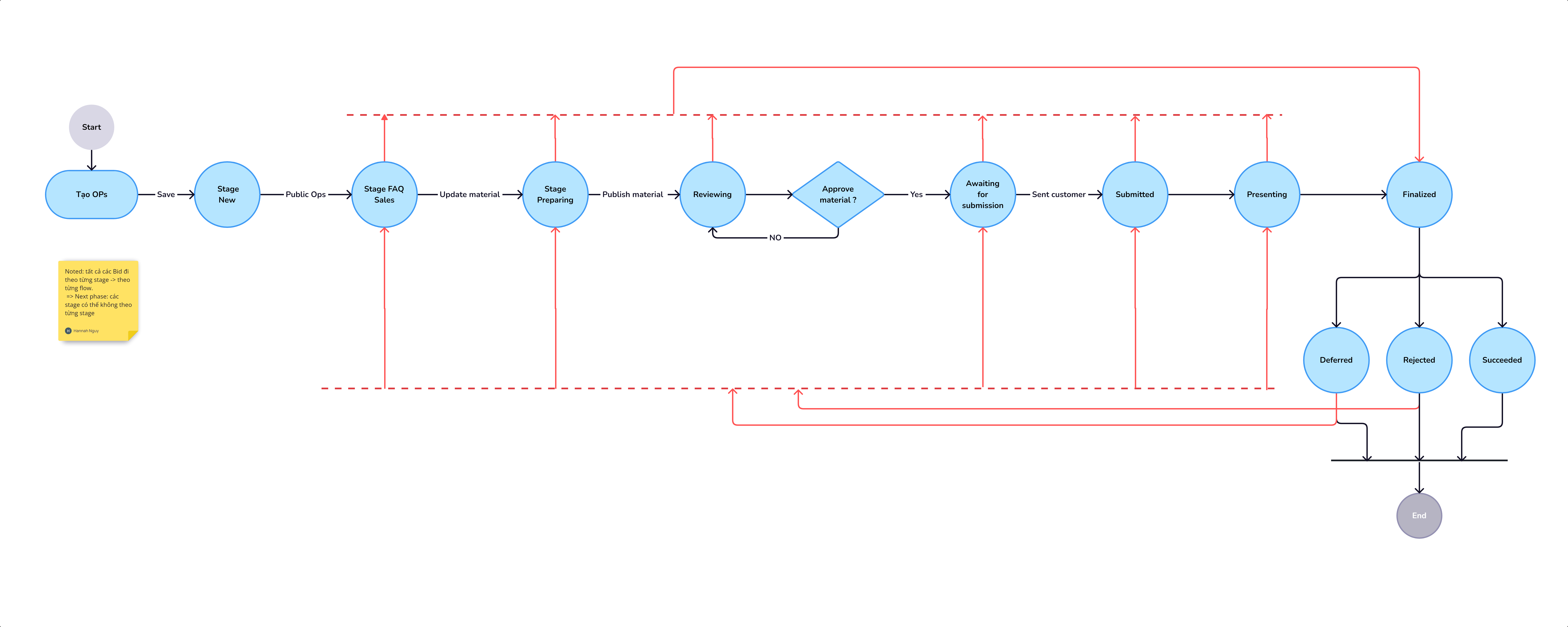
Ngày 24/06/2024:



Ngày 10/6/24:

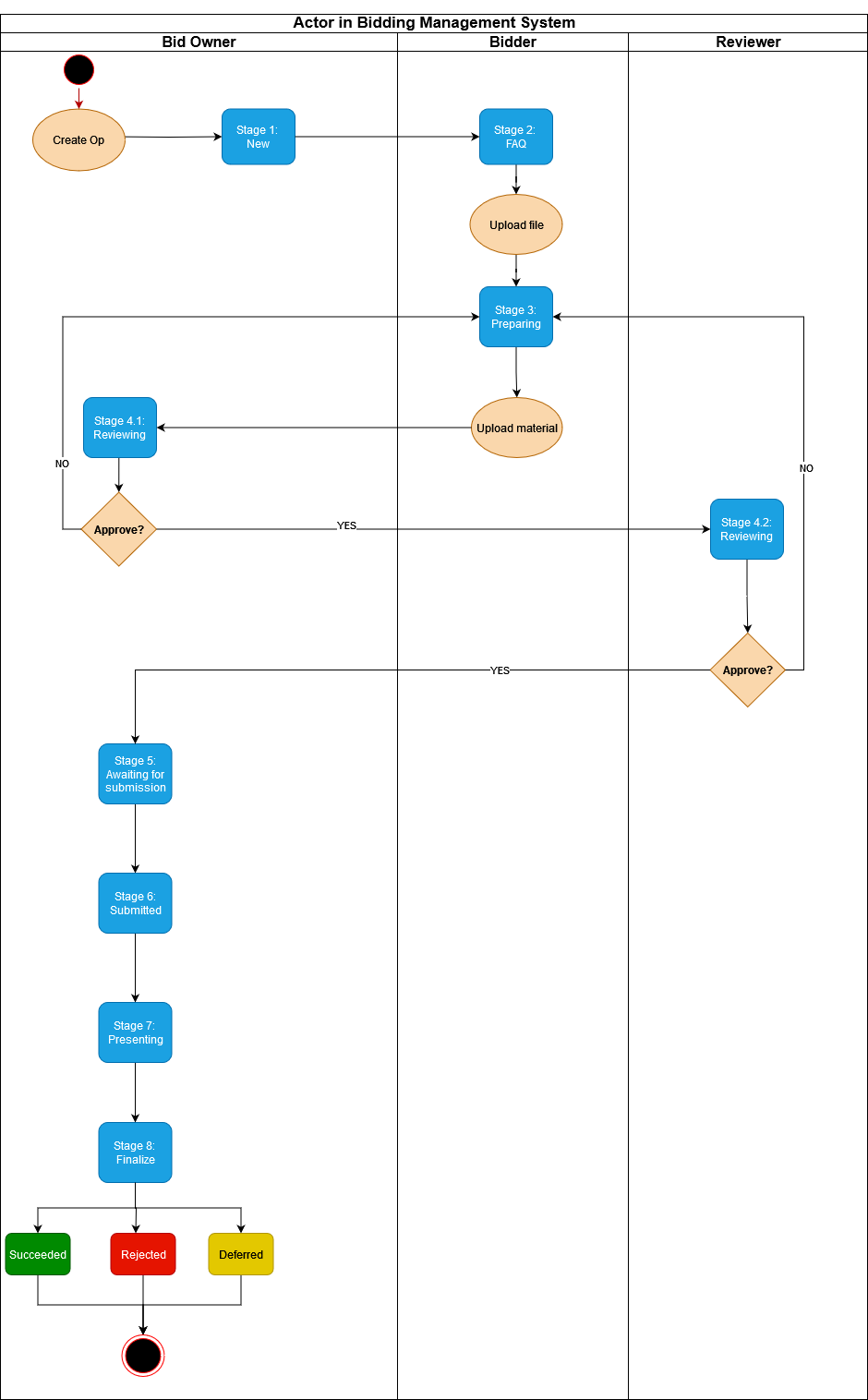


Ngày 21/5/24:

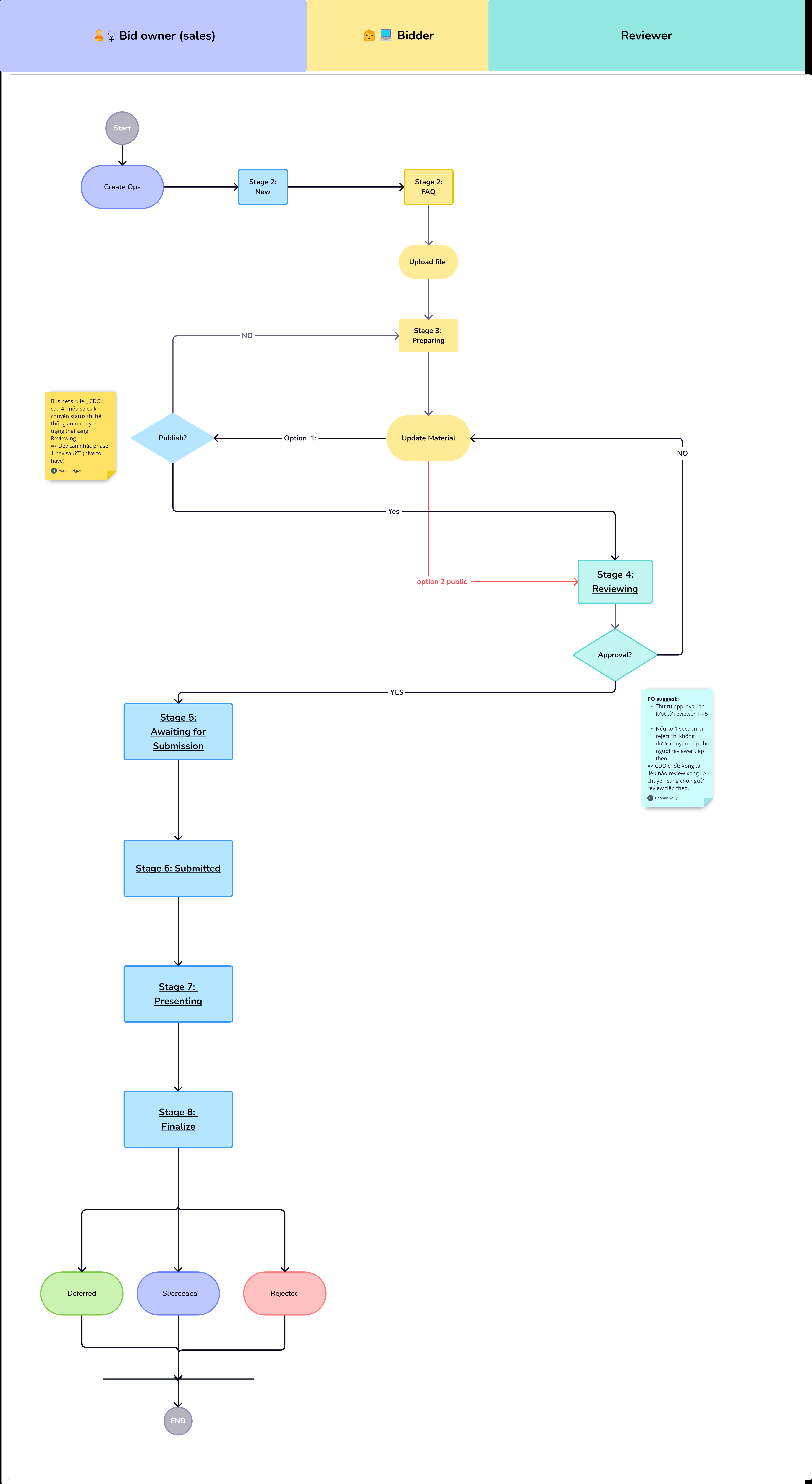


## 3. Workflow diagram/ BPMN/ Use flow

Ngày 24/06/2024:



Ngày 10/05/2024:



# Non functional requirement